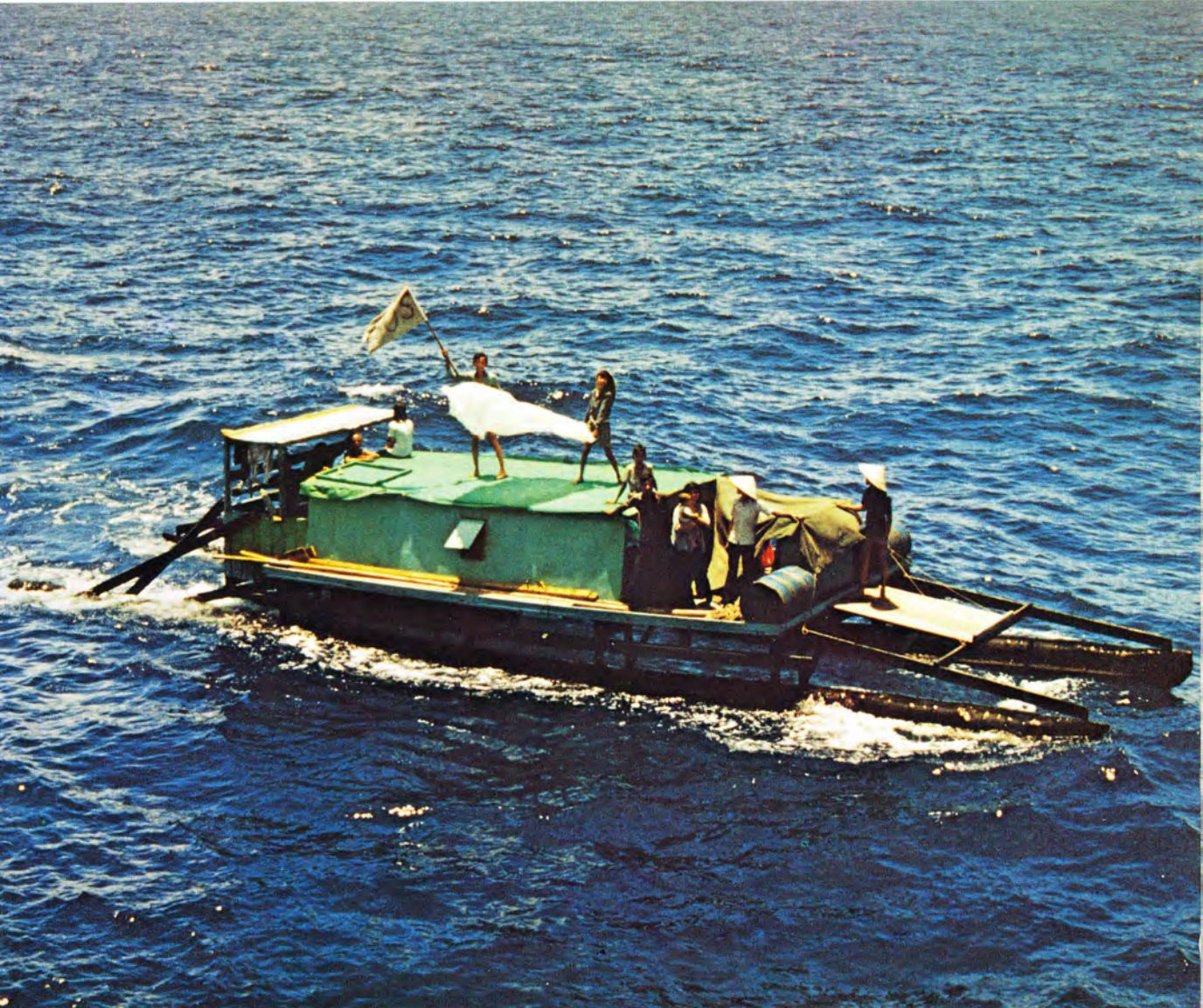


DOCUMENTARY

BOAT PEOPLE

TODAY'S "UNTOUCHABLES"



- THE HOLOCAUST OF THE 20TH CENTURY
- THẢM NẠN CỦA THẾ KỶ THỨ 20
- HOLOCAUSTE DU 20^e SIECLE
- 20 世紀の惨劇

DOCUMENTARY

BOAT PEOPLE

TODAY'S "UNTOUCHABLES"

- THE HOLOCAUST OF THE 20th CENTURY
- THẢM NẠN CỦA THẾ KỶ THỨ 20
- HOLOCAUSTE DU 20^È SIECLE
- 20 世 紀 の 惨 劇

Asian Relations Center
Socio-Economic Institute
Sophia University, Tokyo Japan
— April 30, 1978 —

★ DEDICATED TO THOSE WHO DIED IN ASIAN WATERS

They fought the seas
and won the depths.

★ DEDIÉ À CEUX QUI ONT LUTTÉ ET LAISSÉ LEUR VIE
AU FOND DE L'OCÉAN,

en cherchant la Liberté perdue ...

★ アジアの海に沈んだボート・ピープルに捧ぐ

南シナ海の藻屑となった友よ！
あなたの意志をついで多くの仲間が立ち上がっている。
あなたの心は永遠に消えることはない。

**★ ĐỂ TƯỢNG NIỆM NHỮNG ĐỒNG BÀO
ĐÃ BỎ MÌNH GIỮA ĐẠI DƯƠNG.**

- Các Bạn không thua trong cuộc chiến đấu giành Tự Do trên biển cả.
- Các Bạn đã thắng được lương tâm nhân loại.

CONTENTS

MỤC LỤC

Dedication	2
Trang tưởng niệm.....	3
Foreword.....	6
Lời mở đầu.....	7
S.O.S.	11
Gas-drum raft.....	14
Bè đóng bằng phuy xăng.....	14
Song Be 12.....	18
Song Be 12 : Journey to freedom.....	24
Sông Bé : Hành trình tìm tự do.....	27
The boats spell freedom.....	33
Những con thuyền rao truyền tự do.....	33
“Socialisme Morose”.....	46
Xã Hội Chủ Nghĩa Bùn Thảm.....	50
Escape.....	54
Miserable days on the sea.....	58
Những ngày khốn cùng trên biển cả.....	59
Boat living.....	61
Đời sống trên thuyền.....	61
Life in camp.....	63
Đời sống trong trại.....	71
Boat children’s life style.....	87
Những hình ảnh trẻ em.....	87
Letter from East Malaysia.....	94
Thư từ Đông Mã Lai.....	96
The current situation of the Boat People in South East Asia.....	100
Tình trạng tỵ nạn tại Đông Nam Á.....	104
Boat People statistics.....	110
Bảng thống kê về vượt nạn bằng thuyền.....	110
World opinion on Boat People.....	112
Dư luận thế giới về tỵ nạn.....	113
Prayer for land.....	120
Lời nguyện cầu tìm đất sống.....	121
Plea of Boat People.....	124
Lời kêu gọi của dân vượt nạn bằng thuyền.....	125
List of participating organizations.....	128
Danh sách đoàn thể hiệp lực.....	128

目次

TABLE DES MATIERES

	自由のために死んだ友へ	2
Préface		8
	はじめに	9
S.O.S.	S O S	11
Plan du radeau de tonneaux.....	ドラムカンのイカダ	14
Song Be 12	ソンベ-12	18
	ソンベ-12 <自由への旅>	29
Les barques portant le message liberté.....	自由を訴える舟	33
	悲しき社会主義	52
	脱出のルート	56
	海上に漂流の苦しい日々	60
Vie sur barques.....	船上での生活	61
Vie en camp.....	キャンプ生活	71
Les visages d'enfants.....	子供の顔	87
	東マレーシアからの手紙	97
	東南アジアにおけるボートピープルの実情	107
	各国における難民の分布	110
	難民に関する世論	117
Prières pour une terre de survie.....		122
	上陸の祈り	123
Appel du peuple en barque.....		126
	ボートピープルの嘆願	127
	協力団体の名簿	128

FOREWORD

Many dedicated persons from several countries have contributed to the publication of this book. The pitiful situation of the Indochina refugees compels us to inform people all over the world. The preparation for this book took several months. The photographs made public here were often taken with many risks and dangers.

Forced to flee from their own countries in search of freedom, the refugees are everywhere under a most rigid custody. They are excluded from all human societies. Those "guarding" them resent any outsiders even getting in contact with them.

Infants, youngsters of all ages and the elderly are among the over one hundred thousand [100,000] Indochina men and women refugees. They have nothing that resembles a house. "Boat people" who are forced to live on their boats have an especially hard and almost unbearable way of life. Work would be a joy but there is none. Rice is insufficient and the refugees are hungry after a meal. The few doctors are unable to take care of so many sick and wounded. Their future looks black and hopeless.

The present fight of the refugees is to obtain freedom. All over the Asian region, Asians have become slaves of oppression and enslaving ideologies, destitution and illiteracy. They are the prophets of today's society, suffering their message of full liberation and freedom for the Asian people and for all of mankind.

ANDO ISAMU S.J.
Director
Asian Relations Center
Socio-Economic Institute
Sophia University, Tokyo, Japan.

LỜI MỞ ĐẦU

Trước tình trạng bi thảm của những người tị nạn Đông Dương, những người quả cảm thuộc nhiều quốc gia đã quy tụ lại và quyết tâm thực hiện quyển sách này để công bố cho cả thế giới nhìn rõ thảm kịch của thế kỷ 20 này. Việc sửa soạn cuốn sách này đã mất nhiều tháng và những tấm hình trong cuốn sách này được chụp với muôn vàn khó khăn, nguy hiểm hầu cống hiến quý độc giả.

Người tị nạn đã phải rời bỏ đất nước để tìm tự do đang bị chính phủ các nước xua đuổi hoặc canh chừng gặt gao trong các trại tị nạn. Họ là những người xa lạ bị gạt bỏ khỏi xã hội loài người cũng như bị cấm liên lạc với thế giới bên ngoài.

Hơn một trăm ngàn người tị nạn Đông Dương gồm cả nam phụ lão ấu. Họ không có đến một căn nhà đúng nghĩa. Người tị nạn bằng thuyền đã bị cưỡng bách sống trên thuyền trong lối sống tương chừng không thể chịu đựng nổi. Không công ăn việc làm, thực phẩm không đủ, người bị thương, bị bệnh không được săn sóc. Tương lai họ thật đen tối và tuyệt vọng.

Rất nhiều đoàn thể chí nguyện trên thế giới đã và đang hiệp lực giúp đỡ dân tị nạn. Đáng tiếc thay, chính phủ các nước lại không có thiện chí cộng tác vì sợ phải đối lập với các chính phủ hiện tại ở Đông Dương. Vấn đề dân tị nạn đã trở thành cơn bệnh bất trị như các bệnh nghèo khó, thất nghiệp, kém mở mang của các quốc gia Á Châu.

Quyển sách này trình bày thực trạng khốn cùng bi thương của dân tị nạn, đồng thời truyền rao đi những lời kêu cứu thống thiết của họ đến nhân loại trên toàn cầu. Chúng ta hãy vượt qua biên giới quốc gia, dị biệt tư tưởng để cùng chung sức giúp những người đồng loại anh em tại các nước Á Châu.

Họ đang tranh đấu để giành TỰ DO.

Hiện nay dân Á Châu trở thành nô lệ vì bị đàn áp và nô lệ chủ nghĩa, bần cùng và nạn mù chữ. Người tị nạn là những nhà tiên tri của xã hội hiện đại, truyền đạt đến chúng ta lời kêu gọi : **“HÃY ĐEM LẠI TỰ DO VÀ GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN CHO CÁC DÂN TỘC Á CHÂU CŨNG NHƯ TOÀN THỂ NHÂN LOẠI”**.

Giáo sư ANDO ISAMU S.J.

Giám đốc,

Trung Tâm Nghiên Cứu Á Châu,

Viện Kinh Tế-Xã Hội, Đại Học Sophia, Tokyo, Japan.

PRÉFACE

Nous, des volontaires dévoués de plusieurs pays, constatant la nécessité de déclarer au monde l'état dramatique dans lequel se trouvent les réfugiés de l'Indochine, avons pris la décision de réaliser ce livre. Après des mois d'aventures et de travaux acharnés, cet ouvrage prend forme et parvient jusqu'à vous.

Des réfugiés, quittant leur terre natale en quête de la liberté sont à l'heure actuelle :

- Ou chassés sans pitié par les gouvernements de certains pays.
- Ou sévèrement surveillés comme des prisonniers dans des camps à fils barbelés.

Il sont traités comme des étrangers entrés illégalement au pays, et de ce fait ne reçoivent pas les secours nécessaires.

Il y a pour le moment plus de 100.000 réfugiés Indochinois, y compris hommes et femmes, vieux comme enfants, qui attendent l'accueil d'un tiers pays généreux. La vie entassée sur leur barque était trop misérable et parfois dépassait la limite du supportable ! Pas un ne possède une maison digne de ce nom; pas d'occupation, même temporaire, à cela s'ajoute la pénurie de nourriture. Les uns sont blessés, les autres tombent malades sans soins nécessaires et sans médicaments.

Leur avenir est condamné, si... !

Bien des groupes constitués de volontaires du monde ont montré leur efficacité et collaborent étroitement pour leur porter secours. Malheureusement, les gouvernements de certains pays n'ont guère l'intention de les aider, de peur d'éventuelles complications diplomatiques avec les autorités du Cambodge, du Laos et du Vietnam. C'est une des causes principales poussant le problème des réfugiés dans l'impasse, le transformant en une maladie incurable. Telles sont la pauvreté, le chômage et le sous-développement des pays du continent asiatique.

Ce volume aurait l'ambition de vous présenter les réalités misérables et dramatiques des Réfugiés, en même temps de lancer leurs appels douloureux de secours à toute l'humanité. Une telle ambition pourrait créer éventuellement quelques malentendus dans certaines pensées. Vous êtes priés de passer outre les frontières des états et de laisser pour le moment de côté les différences d'idéologies, afin de pouvoir contribuer par votre part précieuse pour le secours des misérables des pays d'Asie.

Ils sont en lutte pour la Liberté !

Actuellement, les asiatiques sont encore esclaves de la répression, des idéologies apauvrissantes et de l'analphabétisme. Les réfugiés en portant en eux la prophétie de la société actuelle, vont propager jusqu'à nous l'appel angoissant :

“Ramenez la liberté et libérez réellement les peuples asiatiques, ainsi que les autres peuples du monde !”.

Professeur ANDO ISAMU S.J.
Directeur,
Laboratoire d'Etudes sur l'Asie, Institut Socio-Économique,
Université Sophia, Tokyo Japon.

はじめに

自由を求めて祖国を離れた人々が、きびしい環境の中でこの社会からも排斥され、悲惨な生活を送っている。

十数万人のインドシナ難民の中には、老人や子供もあり、住む所もなく、上陸もさせてもらえず、やむなく苦しい船上生活を強いられている人が多い。もちろん、仕事もなく、食糧は足りず、怪我人や病人がでてほとんど治療は受けられないのが現状である。そのうえ、彼らには希望ある未来が全くない。

世界中の数多くの団体やボランティアは、絶えず援助や協力を続けてはいる。しかし各国政府はカンボジア、ラオス、ベトナムとの政府間の対立が深まるのを恐れ、さほど積極的には難民対策に取り組んではいない。

このような難民問題は、アジア地域の慢性的な貧困、失業、経済的弱さの一つの現われでもあろう。現代アジア地域の大多数の人々が、抑圧や思想、貧困や文盲の奴隷になっているからである。

それに対して、彼らはいま、自由と安住の地を得るために戦っている。この本は、彼らの生々しい訴えと悲惨な現状を伝えるために編集されたものである。読者によっては、思想的に誤解する人もいるかもしれない。だが、今日、いま、現実に苦しんでいるアジア諸国の兄弟姉妹のために、思想や国境を越えた協力を求めたいのである。

インドシナ難民こそ「アジア諸民族や全世界の人々に完全な解放と自由を！」というメッセージを持った現代社会の預言者である。

上智大学社会経済研究所
アジア関係研究室々長

安藤 勇

■ THESE SHIPS RESCUED THE BOAT PEOPLE. There, captain and crew will live forever in the heart of the boat people.

■ CES BATEAUX ONT SECOURU LES "BOAT PEOPLE" RÉFUGIÉS. Les capitaines et les équipages resteront à jamais dans le mémoire des "boat people" réfugiés.

■ ĐÂY LÀ NHỮNG CON TÀU CỨU TINH CỦA NGƯỜI VƯỢT NẠN BẰNG THUYỀN. Nơi đó, hình ảnh của những vị ân nhân thuyền trưởng và thủy thủ đoàn vĩnh viễn sống mãi trong lòng người vượt nạn bằng thuyền.

■ これらの写真は難民を救助した船。船長と船員の 人たちの姿は難民の心の中に永遠に残るでしょう。



TAISEI MARU NO. 87, June 26, 1975.



TOMOCO, July 16, 1977.



UNITED ENTERPRISE, August 29, 1976.



S.S. JUNYO MARU, August 9, 1977.



S.S. LILAC, June 6, 1977.



EUPHRATES MARU OSAKA, October 8, 1977.





■ OUR SMALL BOATS DRIFT.

We are the foam
floating on the vast ocean
we are the dust
wandering in endless space
our cries are lost
in the howling wind

■ THUYỀN NHỎ GIỮA ĐẠI DƯƠNG.

Chúng tôi là bọt biển
trôi giạt giữa mênh mông
chúng tôi là hạt bụi
trong không gian vô cùng
tiếng chúng tôi lạc mất
trong gió rít từng không

■ NOTRE PETITE BARQUE.

Une écume nous sommes
portée dans l'immensité,
un grain de sable nous sommes
emporté dans l'infini,
notre voix se perd
dans le sifflement du vent

■ 大海のまっただ中の小舟

われらは海に浮かぶ泡
限りない宇宙にさまようチリ
怒号する風の中に
嘆きはかき消える





Mr. Yoshida.
吉田氏

- Cover picture taken by Mr. Yoshida on Sept. 27, 1975.
- Hình bìa do anh Yoshida, thủy thủ tàu Shokomaru chụp ngày 27-9-1975.
- Photo en couverture prise par M. Yoshida le 27 Sept. 1975.

■ 表紙に掲載したイカダと同じもの、昭和50年9月27日 吉田氏撮影。

● The cover picture is a raft made of the used gas drums by Mr Nguyen Van Phong, 51, a small businessman in Gia Dinh. With the help of his three sons, the raft was finished after three months of assembling.

This raft was built two rows of empty gas drums which combined 18 drums per row, and the drums connected by metal chains and wooden bars. Equipped with 2 motors, 10 H.P. and 7 H.P. respectively, this raft has yielded an average speed of 10km per hour and run 22 hours per day.

Besides Mr.Phong's family, there were 3 friends of his son and specially a 3 month-old baby, totally 14 people on the raft. They left Saigon river on Sept 23, 1975 and directed toward the ocean line by passing Vung Tau gate. Luckily, they were picked up about 175 miles from Vung Tau beach on the morning of Sept 27, 1975 by Shokomaru, a Japanese commercial ship. □

● Hình bìa là chiếc bè đóng bằng những thùng xăng do ông Nguyễn Văn Phong 51 tuổi, một nhà tiểu thương ở Gia Định.

Với sự trợ lực của 3 người con trai của ông, chiếc bè đã được hoàn thành sau 3 tháng trời rập nổi.

Bè được kết thành bằng 36 thùng phuy xăng, hai hàng mỗi hàng 18 chiếc với đai sắt và thanh gỗ.

Được gắn 2 máy Yanma 10 Mã lực và 7 Mã lực. Tốc độ trung bình 10km mỗi giờ.

Chiếc bè đã chở 14 người gồm vợ, các con của ông và 3 người bạn của con ông rời Sài Gòn ngày 23-9-75 đi ra cửa Nhà Bè Vũng Tàu. Trên thuyền còn có 1 hài nhi 3 tháng được tàu Shokomaru, Nhật Bản cứu sáng sớm ngày 27-9-75 cách bờ biển phía Đông Vũng Tàu 175 dặm. □

● 表紙の写真は、小商家グエン・バン・フォン氏、51才が作ったドラムかんイカダである。

3人の息子の助力を得て、氏は3ヶ月でこのイカダを組み立てた。このイカダは36個のドラムかんで作られた。2列にとり付けられたこれらのドラムかんはイカダを浮かべるために使われ、木材と鉄板でくっつけられた。イカダは10馬力と7馬力の2個のエンジンで、1日22時間平均時速10キロメートルで走った。

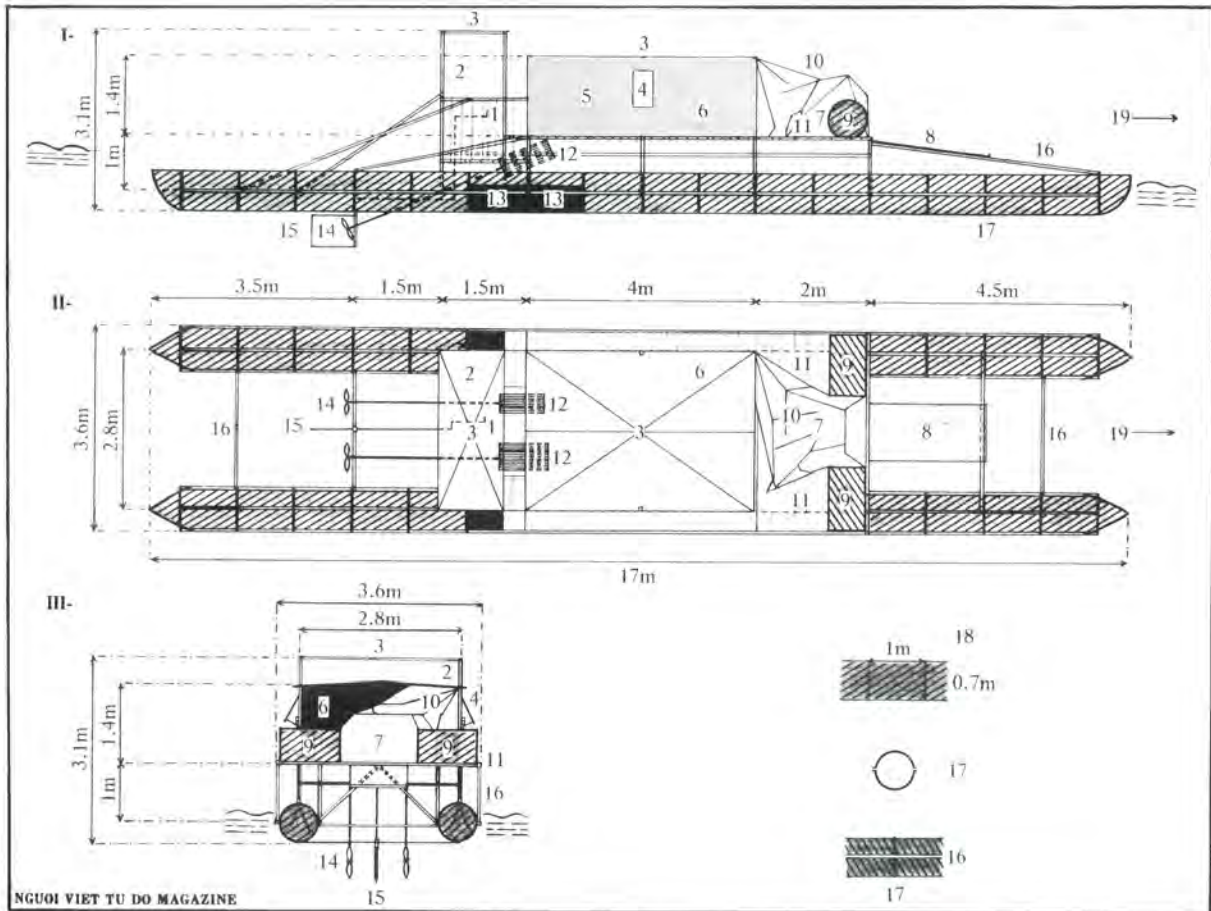
このイカダは昭和50年9月23日、フォン氏の家族と息子の友人を含めて、14人を乗せ、サイゴンからウンタウに向かって出発した。イカダに乗った最年少は3ヶ月の赤ちゃんである。同27日、全員は東ウンタウから175カイリほど離れた南シナ海上で、無事に日本の昭広丸に救助された。□

● Voici le radeau composé de 36 tonneaux de métal de Monsieur Nguyen Van Phong, 51 ans, un petit commerçant à Gia Dinh.

M.Phong, avec l'aide de ses enfants, avait mis 3 mois pour réaliser ce radeau. Il se composait principalement de 2 rangées de 18 tonneaux vides, et était propulsé par deux moteurs respectivement de 10 et de 7 chevaux. Il se déplaçait à une vitesse moyenne de 10 km/h et pouvait fonctionner chaque jour de 22 à 24 heures.

Ce radeau transportait 14 personnes, la plus jeune...c'était un bébé de 3 mois, ayant quitté Saigon le 23 Septembre 1975, était repêché par le bateau Japonais Shokomaru au matin du 27 Septembre 1975, à plus de 280 km de Vung Tau (Cap St.Jacques). □

PLAN OF GAS-DRUM-RAFT
GIẢN ĐỒ BÈ PHUY XĂNG
PLAN DU RADEAU DE TONNEAUX
 ドラムかんイカダの略図



NGUOI VIET TU DO MAGAZINE

I- Section View
II- Plan View
III- Cross View

- 01- Control wheel
- 02- Control room
- 03- Cover roof
- 04- Window
- 05- Plastic wall
- 06- Rest space
- 07- Baggage
- 08- Plywood
- 09- Gas drum
- 10- Fabric roof
- 11- Wooden floor
- 12- Engine
- 13- Gasoline
- 14- Propeller
- 15- Rudder
- 16- Wooden bar
- 17- Metal chain
- 18- Dimension of one drum
- 19- Forward

I- Trắc diện
II- Bình diện
III- Thiết diện

- 01- Tay lái
- 02- Phòng lái
- 03- Mái che
- 04- Cửa sổ
- 05- Vách tôn
- 06- Chỗ trú
- 07- Đồ vật
- 08- Ván ép
- 09- Phuy nước
- 10- Vải bạt
- 11- Sàn gỗ
- 12- Máy
- 13- Dầu
- 14- Chân vịt
- 15- Bánh lái
- 16- Thanh gỗ
- 17- Đai sắt
- 18- Kích thước 1 phuy
- 19- Chiều đi

I- Vue de côté
II- Vue de dessus
III- Vue en coupe

- 01- Barre de commande
- 02- Cabine de commande
- 03- Toit
- 04- Fenêtre
- 05- Cloison en tôle
- 06- Abri
- 07- Objets divers
- 08- Planches en aggloméré
- 09- Réserves d'eau
- 10- Auvent
- 11- Pont en bois
- 12- Moteurs
- 13- Réserves de mazout
- 14- Hélices
- 15- Gouvernail
- 16- Barre de bois
- 17- Cerceau métallique
- 18- Dimensions d'un tonneau
- 19- Sens de déplacement du radeau

I- 側面
II- 平面
III- 断面

- 1. 舵輪
- 2. 操縦室
- 3. 屋根
- 4. 窓
- 5. 壁
- 6. 寝所
- 7. 荷物
- 8. 平板
- 9. 水ドラムかん
- 10. 布切れ
- 11. 床板
- 12. エンジン
- 13. 燃料
- 14. プロペラ
- 15. 舵
- 16. 板
- 17. 鉄板
- 18. ドラムかんの大きさ
- 19. 前進

- The joyful faces of 14 refugees after they are just saved.
- Những nét mặt hân hoan của 14 người tị nạn vừa được cứu thoát lên tàu Shokomaru.
- Visages remplis de joies de 14 réfugiés venant d'être sauvés.
- 救出直後の新しい希望に満ちた14人の難民たち。



- Before leaving Shokomaru, Mr. Phong receives a gift from the captain who rescued his family.
- Ông Phong nhận quà tặng từ thuyền trưởng, người đã cứu vớt gia đình ông trước khi rời tàu Shokomaru.
- Avant de quitter le Shokomaru, M. Phong reçoit un cadeau du capitaine qui a sauvé sa famille.
- イカダを作ったフォン氏と彼を救出した昭広丸の船長。



- With a warm reception when arriving Japan, 14 boat people have their first meal at the Yokohama Catholic center.
- 14 người vượt nạn được ân cần đón tiếp khi vừa đặt chân lên đất liền, dùng bữa cơm đầu tiên tại trung tâm Công giáo Yokohama.
- Accueil chaleureux réservé aux 14 personnes qui prennent leur premier repas après leur arrivée au centre catholique de Yokohama, Japon.
- ようやく上陸の希望がかなえられ横浜カトリックセンターでやすらぎを得た14人の難民たち。



- In 1954, the Communists took over North Vietnam, more than 800,000 people had to flee to the South by every means.
- Năm 1954, miền Bắc Việt Nam bị Cộng sản hóa, hơn 800.000 người đã dùng đủ mọi phương tiện để xuôi Nam tìm tự do!
- En 1954, les Communistes se rendaient maîtres du Nord-Vietnam, conséquence : plus de 800.000 personnes, par tous les moyens, ont réussi à trouver la liberté au Sud.
- 昭和29年共産化された北ベトナムから、約80万人の人々が自由を求めて南へ脱出した。

LES RÉFUGIÉS DU NORD

They pierced the tight "red" curtain and rode bamboo to freedom.

Họ phá vỡ bức màn "đỏ" và kết bè tre vượt tuyến tìm tự do...

Ils ont brisé le rideau "rouge" pour en faire un radeau... en bambou pour la liberté.



Bamboo raft of refugees from North Vietnam in 1954.

Bè làm bằng tre của dân vượt nạn miền Bắc Việt Nam năm 1954.

Radeau en bambou des réfugiés Nord-Vietnamiens en 1954.

昭和29年竹で作ったいかだで脱出する難民たち。

- **SONG BE 12 - FREEDOM FIGHTER :**
They amazed the world by "borrowing"
the new Government's ship.
History will not forget the daring event!
- 世界を戦慄させる歴史的な「ソンベ・自由」号



- Bateau historique : "SONG BE - LIBERTÉ"
qui faisait parler de lui dans le monde !
- Con tàu lịch sử : "SÔNG BÉ - TỰ DO"
làm chấn động thế giới !



● The daring hi-jack voyage of the present Vietnam Government's ship, the SONG BE 12, made headlines and news reports all over the world.

The 120 ton, 36 meters vessel raced to Australia with 179 aboard. History will recall the ingenuity and courage of the Captain and his friends.

You'll delight in this story and pictures, by the Captain of the happy hi-jackers!

(See page 24).

● Để tìm Tự Do, người tị nạn không những chỉ vượt đại dương bằng những thuyền nhỏ mà còn xử dụng cả tàu lớn để ra đi.

Ngày 7-11-1977, 179 người tị nạn đã cưỡng đoạt Tàu Sông Bé 12 dài 36m, trọng tải 120 tấn vượt đại dương đi thẳng đến Úc Châu là một sự kiện hi hữu gây chấn động khắp nơi trên thế giới.

Chúng tôi xin giới thiệu hình ảnh và thiên hồi ký của Thuyền trưởng cùng Ban chỉ huy tàu Sông Bé 12 viết về chuyến đi lịch sử này. (xem trang 27).

● A la recherche de la liberté, les réfugiés non seulement utilisaient de petites barques fragiles, mais encore des bateaux pour traverser l'océan.

Le 7 Nov 1977, 179 personnes réussissaient de ruse à mettre leurs mains sur le bateau SONG BE 12 de 120 tonnes et de 36m de long, qu'ils utilisaient pour aller directement en Australie, c'était un fait qui surprenait le monde!

Nous vous présentons ici les photos et le récit du Capitaine de ce bateau enlevé des mains communistes.

● (ソンベ12)

自由を求めて海に出る難民は小舟の他に、大きな船も使った。昭和52年11月7日、179人の難民がソンベ12号船（長さ36メートル 120トン）を乗っ取って、大洋を渡りオーストラリアに着いた。このことは世界を揺すぶる希有な事件である。この本には、その事件の写真と、その歴史的な航海を語る船長とリーダー、グループの回顧録が紹介される。（29頁より）



• After arriving P. Tengah, the refugees on this island greet their fellowmen happily by sharing some food.

• Tàu Sông Bé-12 vừa đến đảo P. Tengah, dân vượt nạn tạm trú trên đảo vui mừng chào đón, chia phần lương thực cho đồng bào trên tàu.

• Après leur arrivée à P. Tengah, les réfugiés ont rencontré un accueil chaleureux des anciens sur cette île tout en partageant leur repas.

• やっとブラウ・テンガにたどり着き、そこにいた避難民から食糧をわけてもらうソンベ12号の人々



• From left :
Captain Tran Phuoc Hau,
assistant Lu Ngoc Son and two
sailmen.

• Từ trái qua phải :
Thuyền trưởng Trần Phước Hậu
thuyền phó Lữ Ngọc Sơn, và
2 thủy thủ tàu Sông Bé 12.

• De gauche à droite :
Capitaine Tran Phuoc Hau,
Assistant Lu Ngoc Son et deux
marins.

• ソンベ12号の乗組員、左端から
トラン・フック・ハウ船長、
リー・グック・ソン副船長、
船員二人



SÔNG BÉ 12
ソンベ12号

SÔNG BÉ-12

- Refugees lie all over, inside and outside the ship deck.
- Dân vượt nạn nằm la liệt trên boong tàu và trong hầm tàu.
- Réfugiés épuisés sur leur bateau.
- 船内での避難民。



SÔNG BÉ-12



- Good bye to the refugees on P. Tengah, Song Be-12 directs to Australia.
- Tạm biệt đồng bào tị nạn trên đảo P. Tengah, tàu Sông Bé-12 hướng về Úc Châu.
- Adieu aux réfugiés sur P. Tengah, Le Song Be-12 prend la direction de l'Australie.
- ブラウ・テンガからオーストラリアに向かうソンベ12号





SONG BE 12: Journey to Freedom

Sydney, Australia-Jan. 6, 1978.

The smell of death, anxiety and fear pervades the city of Saigon after two and a half years of the new government's rigid rule. It is a dead city if judged by human rights, freedom and decency. People walk hurriedly and singly wherever you look. Life could change radically in a moment with the next person you meet. Even a close relative cannot be trusted. His existence may depend on providing the government's agent with information of a close one. Truly the enemy may be one in your household...the new regime has arranged all that.

I worked for the new rulers of Vietnam. It brought certain material benefits, but freedom of movement is a fond memory. Everyone is controlled like robots, or yoked like oxen, plodding mechanically in a limited circle. One longs to talk to others but dares not. The government covers its many mistakes. One may not frown or wrinkle a brow in ques-

tioning or disapproval. The one within earshot or walking near by might be the secret police. The devilishness of communism...it makes spies of brother on brother.

Is there a person in Vietnam who has not thought of fleeing through the forest or risking life on the seas? We heard of the barges made from metal barrels which miraculously brought people eventually to Malaysia, Japan and even Australia. The seas had claimed half their numbers we were told. I was lucky to work in a shipping company, and knew the seas and the neighboring ports to where I had travelled before. The crew of our ship hoped for a journey abroad. But no one would even hint of it to the crew member beside him, even if they had been friends. But I vowed to escape, and I knew there were others aboard of the same mind. The leaders of the SONG BE 12, sure of each others good faith, talked it over and decided to choose

other comrades. By the end of July 1977 we had our team. We would try to escape from Vietnam even at the risk of life. Aboard our ship were only three Communist cadres. Their work was in the engineering part of the operation aboard the ship, but their main mission was to observe us, control our activities, and regiment our thoughts. We took the greatest pains to hide our plans or intentions. We worked zealously, and they saw us as "a good worker and a good political learner". They were probably happy at the way we swallowed the party-line. But we didn't overact. We sensed the dissatisfaction of the three agents. They were still poor after years of "fighting against imperialism". The fall of the government, they thought, would bring them what they envied in others...money and things. They had little more than the bare essentials, and we had more than they. They craved alcohol, and so we brought them to the bars with us. It helped our relationship. Their craving for drink was to help our plan to succeed.

Two months passed since we had vowed to escape. We ignored each other in front of the three agents, with no sign of special friendship among us. We'd even argue at times or even fight. Outwardly they saw us reluctantly tolerating each other. But inwardly we were one, and on week-end evenings, we would meet in a restaurant where no one knew us. We took pains not to be followed. If another came into restaurant, we would soon conclude our meeting and depart. When we were with the three agents, we adopted their topics of conversation and even tried to walk like them and to dress as casually as they did. Our plans were being polished with the time and remained hidden. We set aside necessities we'd need for journey. We reviewed the experiences of others we had heard about, and anticipated running into problems once we made the break. The experience of the VAM CO 16 give us some question to consider. Once we were tipped off that we were being shadowed by the secret police, in spite of our most careful planning.

The shipping company had its observers too. All this presented obstacles to our meetings, and prolonged the time of preparation. But we determined to persevere.

To leave without our families was out of the question. To help us to get them aboard meant we had to include more in our plans. Contacts were slowly and carefully made because of the ever present secret police. The preparation was completed as good as

we could expect. On November 7-1977 the SONG BE 12 would leave Saigon for its scheduled destination PHU QUOC. Our families were instructed to go to Vung Tau before. Full of anxiety we could not sleep for two days before the final departure hour. But we left at the scheduled moment on the 7th, and the SONG BE 12 plowed through the seas on the most adventuresome trip it had ever made.

Two hours after leaving we invited the three cadres into a room at 10:00 A.M. to have a drink of their cherished whisky. One of them held back from drinking. But when our conversation turned toward talk of a "smuggler" of our famous Vietnamese food condiment "nuoc mam", and peppers from Phu Quoc, the greed was touched in the man, and he drank happily with the others. Two glasses of whisky with sleeping drug as a mixer were enough to have the Government's agents sleeping like babies. While the crew ate lunch, the SONG BE 12 was turned toward Vung Tau, and we now acted boldly and were determined to carry out our well laid plan. Our leader group had tied the three sleeping men, and set aside the two loaded CKC rifles and a K-54 colt. Then we called the crew, one by one, for a thorough briefing of our escape that we had executed perfectly until now. They were with us completely.

At 3 P.M. we came to Vung Tau as planned, cast anchor and awaited the arrival of our families. The three bound cadres had slept off the drugs and the whisky, but were being carefully watched in their bound condition. Late that night, our families arrived. At 4:00 A.M. with all aboard on the 8th of November we started our journey for freedom, heading south with 149 women and children hid inside the small rooms, to avoid the suspicious eyes of the Maritime police we figured we'd meet. Around 8 A.M. when the ship approached the open deep sea area, a scouting plane flew low, and evidently signaled to two patrol ships which came after us. The motors of the SONG BE 12 seem to outdo their capacity as we raced away at full speed with 173 aboard. Four hours later plowing through the high seas we didn't have any craft in sight. We breathed the fresh air of freedom, and our hearts tingled with delight in our happiness. After two and a half years of communism and the long hours of tension before taking off, it seemed just too good to be true. The spur of the motors and the slapping of the waves as we cut through the sea seemed to be a song of joy at their part in our daring flight from death.

We untied the three cadres and put them in a large room, but held firmly to keeping them under watch at all times. Tired from the tension and wrung out emotionally, the 149 laid down on the decks of the ship in a peaceful sleep. Our plan called for a port-call in Singapore, to replenish fuel and drop off the three communists, before going on to Australia.

After three days, however, we came to P. Tengah Island, Malaysia. 2000 Vietnamese living in this temporary camp danced and shouted with joy when they saw our ship and sensed what we had done. Kill the communists some impulsively suggested. But cool heads took charge. To do so would have marred the ideals for which we had fled. Until now we had treated them like Vietnamese brothers whose wills and minds were not their own. We continued that by feeding them the same food as the crew, which was better than that of our families who were living on the decks. All the three asked was to be returned to Vietnam. They said nothing that would show they had not accepted the ideals of the new government and we made no effort to suggest differently. Men must be true to their own consciences even if it is erroneous. Their families were still in Vietnam too.

At 7:00 A.M. on November 11th we were visited by Mr Nguyen Duc of the NGUOI VIET TU DO in Malaysia. He urged us to leave quickly, lest Malaysian authorities decide to stop us for some reason. He urged us to continue on to Indonesia and not to Singapore. 8 persons asked to go along with us to Australia, so our family grew to 181. The ship ran beautifully, and we came to Surabaya port, Indonesia, and obtained food and fuel. The Indonesian

authorities granted all our requests and needs, and we took off from that port and headed for Darwin Australia on Nov 22, 1977.

When we entered the territorial waters of Australia, a Navy plane flew over us and we felt we had found freedom. Permission was given for us to proceed, and on the evening of November 27th, a Navy ship came out to meet us and lead us into Darwin.

The next day at 1 P.M., the SONG BE 12 cast anchor. We eagerly complied with all formalities and minimum regulations, and handed over the weapons we had to the Australian officials. We asked for asylum for the 181 of us, and asked that the wishes of the three communists to be returned to Vietnam be respected. History will record the official grant of the Australian Prime Minister to let us resettle in Australia. All of this took place aboard the ship. Now we were to go ashore at 11:A.M. on November 29th, and were escorted to the Quarantine office Darwin. We looked back at the SONG BE 12 from the outside, and she seemed to bob up and down happily in the sea, calmly sharing the air of freedom. After 22 days at sea you can imagine our joy to be away from the smell of death and fear in our beloved Vietnam. But our joy is limited when we think of family, friends and countrymen... still forced to endure the sad and miserable lot in Vietnam under Communistic inhumanism. True Vietnamese inside and outside their beloved land will live and work for the day our country will be free again.

TRAN PHUOC HAU

Captain and Crew of the SONG BE 12. □



■ Impatient of interminable waiting, 8 men joined the Freedom Fighter, Song Be-12, to Australia.

■ Ra đi và tiếp tục ra đi, sau khi rời Việt Nam đến P. Tengah, Mã Lai, 8 thanh niên đã tiếp tục cuộc hành trình mới, nương theo tàu Sông Bé 12 tìm về Úc Châu.

■ Impatients d'attente interminable, 8 hommes joignèrent le groupe qui tentaient d'aller en Australie sur le Song Be 12.

■ ブラウテンガからソンベ12号に乗った8人のオーストラリア定住希望者。

SÔNG BÉ 12:

Hành trình tìm Tự Do

Sydney, ngày 6 tháng 1 năm 1978.

Sau hơn hai năm rưỡi ở trong tay Cộng sản, thành phố Sài Gòn mang sắc thái đau khổ lo âu, gần như một thành phố chết. Tất cả mọi người đều sống một cách vội vã, không biết đến ngày mai. Tôi tuy là công nhân nhà nước, được ưu đãi đôi chút trong chế độ hiện tại, nhưng nhìn lại ngày xưa mới thấy nay mình không còn chút tự do nào nữa. Tôi không còn được đi lại tùy ý, không được nói chuyện thoải mái, lúc nào cũng dè dặt, ngay cả đối với những người thân. Đó là chưa kể đến những trái tai gai mắt mà nhà nước cố tình bưng bít sự thật. Chung quanh tôi, mọi người theo dõi rình mò, ai cũng có thể là công an tìm hiểu đời tư của tôi.

Trong hơn hai năm đó, mọi người đều có ý định thoát ly lên rừng hay tìm cách vượt biển. Tôi rất may mắn được làm việc trong ngành hàng hải, đường biển đối với tôi rất quen thuộc, kể cả vùng biển của những quốc gia khác mà tôi đã có dịp đến. Thủy thủ trên tàu tôi ai cũng ước một ngày nào đó tìm được lối đi thoát, nhưng không ai dám nghĩ tâm tư thầm kín ấy cho người khác, dù rất thân thiện. Cộng sản đã làm chúng tôi nghi ngờ lẫn nhau. Điều này khiến việc kết tụ một đám đông người để vượt biển rất khó khăn. Vì vậy, ban chỉ huy tàu Sông Bé 12 chúng tôi đã nhiều lần tâm sự và tìm người chung chí hướng, họp lại tuyên thệ vào cuối tháng 7-77.

May mắn hơn nữa là tàu chúng tôi chỉ có 3 tên cán bộ Cộng sản. Những người này ngoài chức vụ về kỹ thuật còn có bốn phận theo dõi và kiểm soát tư tưởng chúng tôi. Chúng tôi hết sức dè dặt và bề ngoài ra sức làm việc cũng như "học tập tốt, lao động tốt", đồng thời "hòa hợp, hòa giải" với mấy người cán bộ ấy, tạo bộ mặt hết sức trung thành. Ba người này là cán bộ nghèo túng dù đã bao nhiêu năm chiến đấu chống đế quốc". Chính vì thế, khi đến Sài Gòn, họ có vẻ khá bất mãn khi thấy chúng tôi là "ngụy" mà có số lương hơn họ. Về vật chất họ còn thua kém đủ mọi mặt. Họ rất ước ao có đời sống sung túc hơn, có tiền ăn nhậu. Vì thế chúng tôi thường mời họ đi uống rượu ngoài giờ làm việc. Dần dần, chuyện ăn nhậu này

trở thành một thói quen, họ thấy rằng thiếu rượu là thiếu một thứ chi cần thiết, là thiếu một lãng quên.

Suốt 2 tháng, chúng tôi hết sức khéo léo đóng kịch thật tài tình để những cán bộ Cộng sản không nghi kỵ và thủy thủ đoàn không chú ý. Chúng tôi không bao giờ đi chung với nhau, ít nói chuyện riêng tư trong giờ làm việc, đôi khi lại giả vờ gây lộn lẫn nhau. Tuy nhiên trong những buổi chiều cuối tuần, chúng tôi hẹn gặp nhau ở những quán ăn xa, họp bàn đến chuyện đi lịch sử. Ai cũng lo âu, dòm chừng những người đi phía sau trên đường đến địa điểm hẹn. Nếu đang tụ họp mà gặp một người nào đó cùng công ty thì chắc việc sẽ không thành. Bí mật và kín đáo lúc nào cũng vây bủa chúng tôi trong mọi môi trường. Từ cách ăn mặc, đi đứng, nói chuyện, chúng tôi đều dè dặt, bất chước y như mọi cán bộ Cộng sản. Từ những tư cách này, chúng tôi càng ngày càng tỏ ra gần gũi với họ.

Trong thời gian ấy, chúng tôi chuẩn bị tất cả những vật dụng cần thiết để hành động. Bao nhiêu buổi họp chỉ nhằm đúc kết lại một vấn đề và rút kinh nghiệm những chiếc tàu đã đi như chiếc Vàm Cỏ 16. Sau đó, chúng tôi có tin là công an thành đang theo dõi chúng tôi và những sĩ quan hàng hải khác cùng công ty. Điều này là một trở ngại lớn lao, nhưng vì nhân quyền và niềm khao khát tự do, chúng tôi không nản chí.

Nếu tàu Sông Bé 12 không phải chở thêm người thì mọi chuyện đều quá dễ. Đàng này, vì gia đình, chúng tôi phải móc nối với một số người nữa để họ có phương tiện mang gia đình chúng tôi đến chỗ hẹn. Sự việc ngày càng tế nhị và khó khăn, nhất là công an đang theo dõi chúng tôi như hình với bóng.

Mọi dự tính đã tạm xong, đúng 8 giờ sáng ngày 7-11-1977, Sông Bé 12 khởi hành từ Sài Gòn đi Phú Quốc. Suốt hai ngày đêm 5 và 6 tháng 11, chúng tôi không ngủ được, lo âu luôn luôn đè nặng, nhất là chúng tôi phải đưa gia đình đi Vũng Tàu trước đó. Con tàu mở dây xa

dẫn với bao tiếng còi đưa tiễn của các tàu bạn. Chính nhà nước cũng không ngờ đến dự tính ra đi của chúng tôi.

Đến 10 giờ, chúng tôi mời ba tên cán bộ Cộng sản vào phòng uống rượu. Chỉ có 2 người ứng chịu, còn người thứ ba không muốn uống. Điều này là trở ngại mà chúng tôi không dự liệu được. Nhanh trí, chúng tôi dụ anh ta bằng cách nói đến chuyện làm ra tiền mà không cần vốn. Tôi nói nhỏ với anh ta là chuyến này ra Phú - Quốc, tôi sẽ cho anh ta mượn một số tiền mua nước mắm và tiêu hột mang về Sài Gòn bán lấy lời, vốn một lời hai. Anh ta nghe xong chuyện mắt sáng rỡ, vẻ vui mừng hiện rõ trên mặt. Cuối cùng chúng tôi cùng uống rượu. Cả ba người đều uống những ly rượu mà chúng tôi đã bỏ sẵn thuốc ngủ. Uống được hai ly là họ đã ngã ra. Phải nói là họ hoàn toàn tin chúng tôi. Trong lúc này thì thủy thủ đoàn đang ăn cơm trưa trong khi con tàu lướt sóng về phía Vũng Tàu. Đến 12 giờ trưa, chúng tôi bắt đầu hành động. Bây giờ ngoài chúng tôi 4 người ra còn có vài thủy thủ nữa hợp tác. Chúng tôi từ từ trói ba anh cán bộ lại, tước 2 khẩu súng trường CKC và một cây súng ngắn K-54. Súng của họ đều lên đạn sẵn sàng, chỉ chờ bắt trặc là phản ứng. Tiếp theo đó, từng người một, thủy thủ đoàn được hỏi ý kiến và bấy giờ họ mới thổ lộ tâm tình uẩn khúc từ 2 năm nay. Chúng tôi hoàn toàn được hậu thuẫn của thủy thủ đoàn.

Đến 3 giờ chiều, chúng tôi cho neo tàu tại nơi hẹn Vũng Tàu. Khi đó, cán bộ Cộng sản đã tỉnh dậy, biết mình đang bị nhốt trong phòng tay chân không cử động được nhưng không biết làm sao hơn.

Suốt đêm đó, tàu neo tại Cáp, đến khuya những ghe nhỏ chở đầy người lên tàu chúng tôi, và chúng tôi nhổ neo khởi hành lúc 4 giờ sáng ngày 8-11-1977.

Con tàu trực chỉ hướng Nam. Trong khi đó, 149 người tị nạn gồm đàn bà, con nít phải tập trung vào một chỗ thật chật hẹp và kín đáo để tránh sự phát giác của những tàu tuần Công - Sản. Đến 8 giờ tối, khi tàu sắp ra đến hải phận quốc tế, một chiếc máy bay bay ngang thật thấp và có hai chiếc tàu khác trực chỉ về hướng chúng tôi. Chúng tôi lo lắng gấp bội cho số phận 173 người trên tàu, và xả máy chạy hết tốc lực. Bốn giờ sau, chúng tôi ra đến hải phận quốc tế và mất bóng các tàu kia

Ai này đều vui mừng, thở dài nhẹ nhõm, hít thở không khí tự do sau mấy năm ở với CS

và sau 30 tiếng đồng hồ tinh thần căng thẳng. Những cán bộ Cộng sản được mở trói và được chúng tôi cho vào một phòng tương đối lớn trên tàu để quản thúc. Còn 149 người tị nạn nằm cả trên boong tàu. Theo dự tính, chúng tôi sẽ ghé Tân Gia Ba để xin dầu, lương thực và đồng thời gọi 3 cán bộ Cộng sản lại cho họ trở về, sau đó chúng tôi sẽ đi Úc. Nhưng 3 ngày sau, chúng tôi đến đảo Pulau Tengah, Mã Lai. Nơi đây đã có hơn hai ngàn người tị nạn tá túc. Thấy chúng tôi họ vui mừng khôn tả và đòi giết ba tên cán bộ Cộng sản trên tàu. Chúng tôi không chịu làm chuyện đó, theo kinh nghiệm và nhất là sau khi biết rõ về vụ chiếc DC-3 bị cưỡng đoạt đi Tân Gia Ba. Dù sinh mạng họ ở trong tay chúng tôi, chúng tôi không hề có ý định hành hạ họ. Ngược lại, chúng tôi đối đãi với họ rất tử tế, cho ăn uống như phần ăn của thủy thủ, kể cả nước chanh và thuốc lá. Dĩ nhiên phần ăn này hơn phần ăn của bà con tị nạn trên tàu nhiều. Ngoài ra, chúng tôi còn an ủi tinh thần họ, không coi họ là kẻ thù mà là bạn tuy khác chí hướng. Họ đã từng nói: "Bây giờ chúng tôi không chống cự nữa, các anh đi đâu cũng được, miễn sao đến nơi đó chúng tôi được an toàn để về với vợ con."

Đến 7 giờ tối ngày 11-11-77, Phóng viên báo Người Việt Tự Do (Nhật Bản) tại Mã Lai, Anh Nguyễn Đức, gặp chúng tôi tại Tàu. Anh Đức khuyên chúng tôi nên đi gấp kéo gấp trở ngại từ chính quyền Mã Lai Á. Và nên ghé Nam Dương chứ không nên ghé Tân Gia Ba.

Thế là 9 giờ tối hôm đó chúng tôi lại khởi hành, mang thêm 8 anh em độc thân từ đảo P. Tengah cùng đi Úc châu.

Tàu chúng tôi xuôi dòng trên Đại dương bao la theo hướng Nam và ngày 16 chúng tôi cập bến Surabaya (Nam Dương) để xin lương thực và dầu. Chính quyền Nam Dương đối đãi với chúng tôi rất tử tế, họ giúp chúng tôi theo lời yêu cầu dù rằng chúng tôi phải trả tiền dầu. Tàu khởi hành ngày 22-11-1977 trực chỉ hướng hải cảng Darwin (Úc).

Gần đến Hải phận Úc, máy bay của Hải Quân Úc lướt sát trên tàu, chúng tôi vui mừng khi được phép vào đất Úc, và tối ngày 27-11, một chiếc tàu của Hải Quân Hoàng Gia Úc ra dẫn đường cho chúng tôi cập bến Darwin.

1 giờ trưa ngày 28-11, tàu Sông Bé 12 bỏ neo ở hải cảng. Thủ tục giấy tờ được lập ngay lúc đó. Chúng tôi nạp đủ số vũ khí cho chính quyền Úc và xin cho 181 người trên tàu được tị nạn trên đất Úc. Dù có lời yêu cầu dẫn độ của

Tòa Đại Sứ Cộng Sản Bắc Việt, Thủ Tướng Ưc đã cho phép chúng tôi tị nạn và bác lời yêu cầu. Chúng tôi ngó ý giao trả tàu Sông Bé 12 cho Cộng sản và đồng thời xin gởi 3 cán bộ cộng sản về Việt Nam.

11 giờ ngày 29-11-77, tất cả chúng tôi xuống tàu để đến trạm Quarantine ở Darwin. Lúc này thú thật, tôi hết sức xúc động khi nhìn lại con tàu đã đưa chúng tôi tới phần đất Tự Do mà nay phải vĩnh biệt nó chỉ vì những con người Cộng sản đang thống trị Việt Nam yêu dấu của chúng tôi.

Sau 22 ngày dài lênh đênh trên biển cả tìm Tự Do, giờ đây, nghỉ đến Sài Gòn, tự nhiên những nỗi buồn đến với tôi thật nhẹ nhàng và lòng xót xa làm sao? Trên mảnh đất tự do này, tôi được thoải mái sung sướng. Trong khi ấy, những người thân và đồng bào tôi phải chịu bao nhiêu khổ sở đau buồn vô tận...

Thuyền Trưởng TRẦN PHƯỚC HẬU
và Ban Chỉ Huy SÔNG BÉ 12



■ Captain Tran Phuoc Hau ■ Thuyền trưởng Trần Phước Hậu
■ ソンベ12号のトラン・フォク・ハウ船長

ソンベ12号 自由への旅

シドニー 昭和53年1月6日

社会主義政権下で2年半過ぎたサイゴンは苦悩と不安の色に染まって、死んだ町と変わらなかった。人々は将来どう変わっていくのかわからないまま毎日生きていた。私は国有会社の労働者で、現政権においては恵まれた生活をしてしたが、“解放前”の生活と比べるとすべての自由が奪われたのに気づいた。私には従来の自由もなく、親しい人にも怖くて考えたことも話せなくなっていた。その他に新政権の悪い政策や行政などもあるがここでは書かないことにする。ただ、私の周囲にはいつも監視の目があり、私生活の監視をしている秘密警察がいるような気がしていた。

2年の間に、多くの人々はジャングルに逃げたり、海外に脱出することを望んだ。私は幸いに船の仕事をやっていたので、東南アジアへの航海ルートは心得ていた。乗組員はみんな脱出したがっ

ていたが、親友にさえ打ち明ける勇気はなかった。現政権の対策によって、私たちはお互いに疑い合っていた。この状態が脱出のための人集めを困難にしたのである。そのために、最初はソンベ12号のリーダーグループだけが何回も話し合い、昭和52年7月末に脱出の誓いを立てた。

さらに、幸いなことに、私たちの船には3人の政権幹部しか同乗していなかった。彼らは技術関係の仕事の他に、私たちの思想と行動を監視する任務を兼ねていた。私たちは慎重に行動し、上辺では“よく学習、よく労働”する人間であった。同時に、幹部たちと“民族和解”して彼らに忠実である振りをした。この3人は何年間も“帝国との対戦”をし、後にも貧乏であった。そのためにサイゴンに着いた時、彼らは“カイライ民”なのに高い給料をもらう私たちを羨んでいた。物質の

面でも、彼らは私たちより苦しかった。彼らはもっと良い生活を望んでおり、飲むためのお金をほしがっていた。私たちは勤務後彼らを飲みに誘って、だんだんその度が増えていった。結局彼らはアル中になってしまったのである。

2ヶ月の間、私たちはうまく幹部と乗組員を騙していった。私たちは絶対一緒に遊ばないし、勤務中に話しもしなかった。その上、ときどき喧嘩の振りもした。しかし、ウィークエンドの夕方にはいつもある店に落ち合い、脱出計画を練っていた。これらの会合はいつも慎重に行われた。私たちは尾行に注意し、会合の店で知合いがいればすぐその会合を取り消した。秘密が私たちの生活を覆っていたのである。さらに、私たちは幹部のような普段着を着て、彼等の話し方や行動をまねていた。

その間に、私たちは脱出に必要なものを準備していた。会合では、「ヴァムコ16」など先に行った船の欠点や経験を検討したこともあった。準備中、私たちは、会社の乗組員に対して秘密警察が監視強化をしたことを聞いて心配していたが、自由と人権のために、計画を決行することを改めて誓いあった。

もし船の乗組員だけで逃げればことは簡単であったが、家族も連れて行かねばならないし、計画関係者はだんだん多くなり、全員を乗せて、予定通り出航できるか私たちは非常に心配していたのである。

すべての準備が終わって、1977年11月7日午前8時にソンベ12号はフー・コク島へ向って出港した。私たちの家族は私たちの安否を気づかないながら、すでにウン・タウに行って待っていた。

10時ごろ、私たちは3人の幹部を部屋の中に誘って酒を飲ませた。最初は、一人は飲まなかったが、フー・コク島からショットルと香料の闇商売を約束されたので喜んで飲んだ。彼らの酒にはすでに睡眠薬を入れていたので2杯目を飲みほした時には3人とも眠ってしまった。乗組員が昼食を取っている間、ソンベ12はウン・タウの方へ向きを変えた。正午私たちは行動を開始した。リーダーグループと3、4人の乗組員はまず、幹部の3人

を縛って、C. K. Cライフル2丁とK54コルト1丁を取り上げた。その後、乗組員を一人ずつ呼び、事情を聞いた。みんなはその時に、自分も脱出したいことを初めて打ち明けた。私たち船長以下はこの脱出に自分の意志で参加したことを確認した。

午後3時ごろ、ウン・タウの落ち合い場所に到着した。船は錨を下ろし、みんなを待った。その時、幹部たちは目を覚ましたが縛られていたので動きが取れなかった。夜がふけたころ、人間を一杯に積んだ小舟がきた。私たちは予定通り8日の午前4時に自由への航海を始めたのである。

船は南へ直行した。149人の子供と女は海上警備隊に気づかれないように、小さな部屋の中に集めた。8時ごろ、船が公海に近づいた時、偵察機が現われ、頭上を回っていた、警備隊の二隻の船が私たちを追ってきた。私たちは船に乗っている173人の命をかけて、全速力で船を走らせた。4時間後、船は公海に出て、他の船の姿も見えなくなったのである。

みんなは長い溜息について、喜びを休一杯で表わした。2年半共産主義と一緒に生きて、さらに30時間緊張し切った後だけあって、みんなは胸いっぱい自由の空気を吸った。3人の幹部の紐をほどこき、監視のためにある部屋に入れた。149人の難民は甲板に寝起きしていた。予定では、シンガポールに寄って、燃料と食糧の補給をし、3人の幹部を下船させてからオーストラリアへ向うはずであったが、3日後、私たちはマレーシアのブラウテンガ島に着いてしまった。ここでは、2千人以上の難民が滞在しており、私たちを歓迎し、3人の幹部を殺そうとした。私たちはそのことを許さなかった。このまえのハイジャックの経験もあったし、彼らを迫害する意図は全くなかった。逆に、私たちは彼らを丁重に扱った。彼らには乗組員と同じ量の食物を与え、甲板にいる難民より待遇をよくした。私たちにとって、彼らは思想の異なった友であり、敵ではないのである。彼らも「私たちは抵抗しない。あなたがたはどこへ行ってもいい。私たちが無事ベトナムに戻れば絶対反抗しない」と約束した。

11月11日午後7時、「自由ベトナム」という海外ベトナム新聞の特派員、グエン・ドゥックさんが船に乗って私たちと逢った。彼は私たちに、マレーシア政府が阻まないうちに出港し、シンガポールよりインドネシアに寄った方が良くと勧めてくれた。同日午後9時、私たちは新たに、オーストラリア定住希望の8人の難民を乗せて出発した。

船は南へ向って順調に走行していた。16日、インドネシアのスラバヤに着いた。インドネシア政府は非常に親切に、私たちの要求通りの食糧と燃料を与えてくれた。ただ、燃料だけは買わなければならなかった。11月22日、ソンベ12号はダーウィンに向って出港した。

オーストラリア領海に近づいたころ、海軍の偵察機が頭上を低く飛び廻ったが、オーストラリアに上陸許可が出されて私たちは非常に喜んだ。27日の夜、海軍の船が現われて、私たちがダーウィンまで誘導してくれた。

11月28日午後一時、ソンベ12号は港に着いた。手続きはすぐ行なわれた。私たちはオーストラリア政府に、すべての武器を渡し、181人の乗員、乗客の亡命を申請した。ベトナム大使館から強制送還を要求されたにもかかわらず、豪首相は私たちを受け入れた。私たちはソンベ12号と3人の幹部をベトナムへ返還することをオーストラリア政府に頼んだ。

1977年11月29日11時、私たちは下船し、ダーウィンの検疫所に行った。その時、私たちは、自由の国へ連れだしてくれたソンベ12号にふりむいて涙を流さずにはいられなかった。

自由を求めて22日間海に漂流してきた今、私たちは少し悲しくなった。今私たちは自由の国で幸福な生活をしているのに、親類と同胞はまだ苦しい毎日を送っているからである。

ソンベ12号船長 乗組員一同

□



- Captain and the crew of Song Be 12 at Surabaya [Indonesia].
- Thuyền trưởng và thủy thủ đoàn tàu Sông Bé 12 tại cảng Surabaya [Nam Dương].
- Capitaine et équipage du bateau Song Be-12 au port Surabaya [Indonésie].
- インドネシアのスラバヤ港にいたソンベ12号の船員たちと船長。

- THE BOATS SPELL FREEDOM
- NHỮNG CON THUYỀN RAO TRUYỀN TỰ DO
- LES BARQUES PORTANT LE MESSAGE LIBERTÉ
- “自由”を訴える舟



■ VIETNAMESE FISHING PORT? — No, a Malaysian port is born when freedom fleers from Vietnam find temporary rest...first one ship, a junk, and the fleet for freedom grows.

■ — BÂY CỜ PHẢI LÀ MỘT NGƯ CẢNG VIỆT NAM KHÔNG?

— Thưa không, đây là một bãi đậu tạm thời của những con thuyền đi tìm tự do tại Mã Lai, lúc đầu thì một hai chiếc, nhưng nay thì....

■ EST-CE UN PORT DE PÊCHE VIETNAMIEN ?

Non, c'est un refuge provisoire pour les barques Vietnamiennes en quête de la Liberté en Malaisie. Au début il n'y en avait que deux, mais maintenant...

■ ベトナムの漁港？

いいえ、自由を求める舟のマレーシアでの一時滞在所。初めは1、2隻だったのだが、今は——

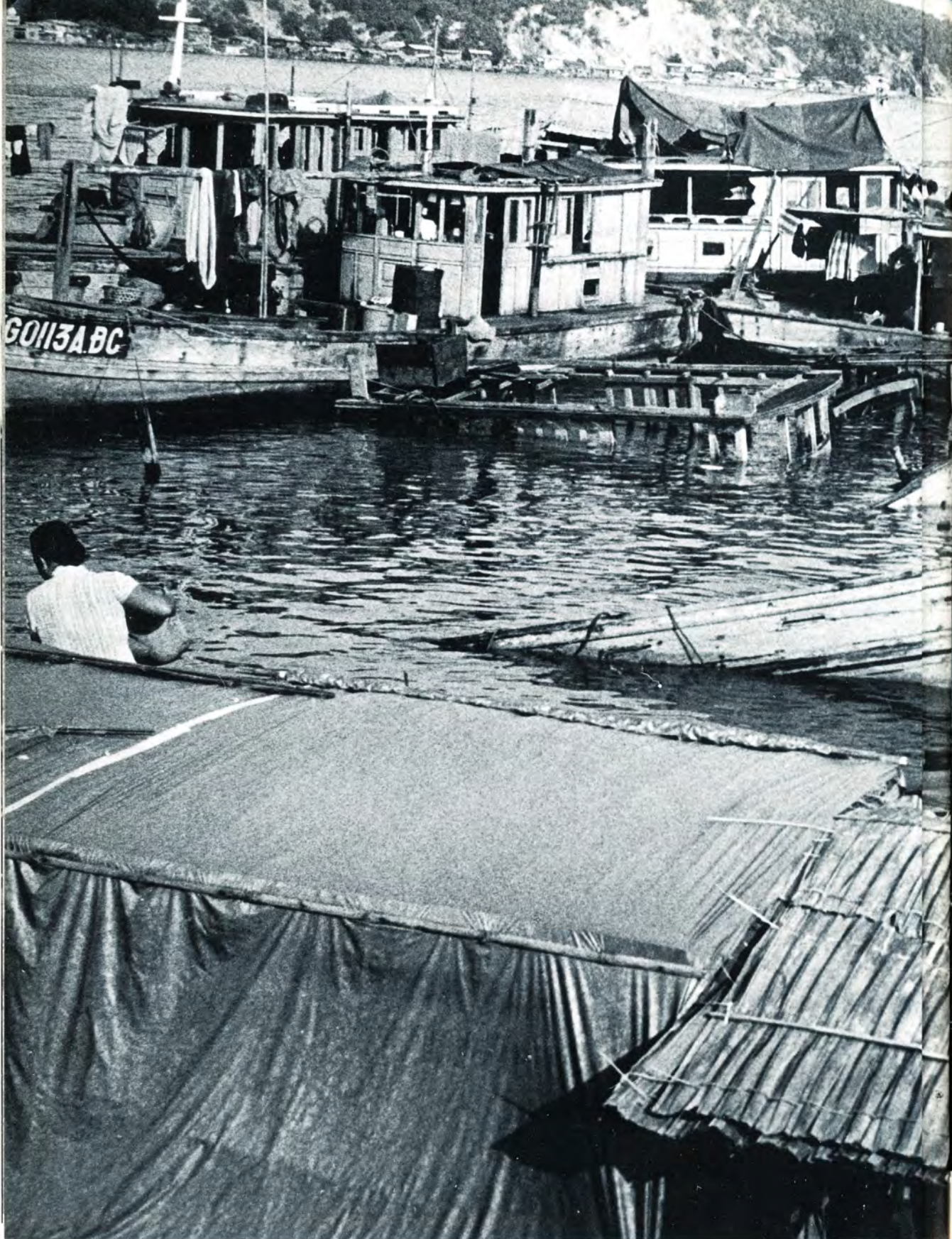


■ 15 people fled from Kien Giang, VN in this 16m boat and landed in Mersing on Oct 15, 1977. One of a fleet with six other boats and 258 aboard, they left P.Tengah on Nov 3, 1977. Three weeks later on Nov 23, they drifted into Darwin port, Australia.

■ Con thuyền dài 16m đưa 15 người rời Kiên Giang Việt Nam đến bờ biển Mersing ngày 15-10-1977. Và cũng chiếc thuyền này là một trong 7 chiếc của đoàn thuyền chở 258 người rời đảo P.Tengah đi Úc Châu ngày 3-11-1977. Sau 3 tuần vượt đại dương, họ đã đến cảng Darwin an toàn ngày 23-11-1977.

■ Cette barque de 16m transportait 15 réfugiés quittant Kiên Giang (Viet Nam) et arrivait à Mersing le 15 Oct. 1977. Elle faisait ensuite partie des 7 barques du convoi qui quittait l'île P. Tengah le 3 Nov. 1977 avec 258 personnes à bord en direction de l'Australie. Après 3 semaines de navigation incertaine, le 23 Novembre, ils arrivaient sains et saufs au port Australien Darwin.

■ ベトナムのキエンジャン省から15人を乗せて、昭和52年10月15日メルシングに着いた長さ16mの舟。この舟は別の6隻の舟と共に同年11月3日、ブラウテンガ島からオーストラリアへ向う258人の航海に参加し、3週間後無事にダーウィン港に着いた。



■ **SINKING** ! Soon this ship will go under. How long can humans stay afloat ? Weather tears old ships apart. But the refugee is tougher. How long can he last.

■ **CHIM** ! Trong giây lát chiếc thuyền sẽ chìm vào lòng biển. Bao nhiêu người vẫn lênh đênh. Thời tiết đã phá tan con thuyền cũ nhưng dân vượt biển vẫn chưa thua. Nhưng, họ chịu đựng đến bao giờ.



■ **NAUFRAGE** ! Ce mot affreux ! Bientôt la barque en débris s'engloutira dans la mer... Pour combien de temps, l'homme pourra-t-il y flotter ? Il résiste à la mort certaine mais pour combien de temps...

■ 沈没！ まもなくこの船は海の中に消えるだろう。一体どのくらい、人間は漂っていられるのか？ 天候は、この古船を壊してしまった。しかし難民は屈しない。だが、いつまで、彼らは耐えられるだろうか？



■ This 9 foot upturned boat was roof by day as 7 refugees floated beneath to avoid Maritime Police. At night they paddled feverishly for one week...to freedom.
[Leamsing, Thailand].

■ Với chiếc thuyền con dài chỉ 3m, 7 người tị nạn đã ra sức trong 7 ngày đêm, ban ngày phải lặn xuống biển và chìm chiếc thuyền để tránh công an, ban đêm ra sức chèo để đổi lấy gia của tự do. [Leamsing, Thái Lan].

■ Dans une barque de 3 mètres, 7 réfugiés peinaient pendant 7 jours et 7 nuits. Le jour ils devaient plonger dans la mer et immerger leur barque pour éviter la surveillance des gardes côtières communistes ; la nuit ils se rattrappaient en ramant sans repos, parfois jusqu'à l'épuisement... au prix de la liberté.
[Leamsing, Thaïlande].

■ 7人が7日間昼間は舟を転覆させ、海に潜みながら海上警備隊から隠れて、夜間に全力でこいだことが自由への代償となった。(レムシング・タイ)。



■ VIETNAMESE "YACHTS".

Forced to stay aboard. A step on land would be a treat...but a death wish. Ships of later arrivals have been pushed out to sea at gun point, refused even the harbor or the beach.

■ Những chiếc thuyền con của người tị nạn bị cấm chỉ lên bờ nếu không muốn phải đối diện với cái chết. Thậm chí hơn, các chiếc tàu đến sau đều bị đuổi ra khỏi bến dưới họng súng vô nhân đạo.

■ Pour les barques des Vietnamiens c'est vraiment une joie de toucher la terre ferme, mais sera-ce aussi une autre mort...à petit feu. D'autres venant après devaient faire marche arrière. Menacés par les fusils, on tire si elles s'approchent de la terre ou du port.

■ 難民は船上生活をしいられ陸に上ればすぐ殺される。この後に来る舟はもれなく冷酷で非人道的な銃口によって荒海に追い返される。



■ DON'T MOVE ! JUST FLOAT !

Gun prevents these "boat cases" from stepping on land, even for a short walk. Nor can they go out fishing to flavor their rice with a catch. Many came in these ships and have never got off !

■ ĐỨNG YÊN ! Ở NGUYÊN TRÊN THUYỀN !

Dưới họng súng khắc nghiệt, dân tị nạn trên thuyền không được phép lên bờ, dù chỉ là đi dạo mát, không được đi đánh cá để thêm chút hương vị vào bát cơm. Bao nhiêu người đã trốn, nhưng không ai được phép lên bờ.



■ NE BOUGEZ PAS DE LÀ ! RESTEZ SUR VOTRE BARQUE !

Surveillés aux fusils, ces réfugiés en barque ne pouvaient se promener, ni faire de la pêche, ni débarquer sur la terre libre. Beaucoup d'hommes se sont pourtant enfuis .

■ 動くな！ 船の上にいる！ 銃に見張られた「ボート・ケース」難民は、ほんの散歩さえ、陸に上ることを許されない。また魚をして配給米に色どりを添えることもできない。



■ On the morning of Dec 15, 1977 three boats with 17, 25 and 50 aboard were refused landing and driven back to sea. The boat with 50 aboard including Mrs. Phuong Dung the famous singer of South VN drifted into Mersing. Mercy was shown to the refugees without food and fuel. The other two boats didn't make it.

■ Sáng ngày 15-12-1977 ba chiếc thuyền cập vào cảng Trengganu, một chiếc chở 17 người, một chiếc 25 người và chiếc khác 50 người. Cả ba chiếc đã bị từ chối lên bờ và phải rời khỏi đây. Chiếc thuyền nhỏ thứ 3 chở 50 người trong đó có nữ ca sĩ Phương Dung, một ca sĩ nổi tiếng tại miền Nam. Ngày 18-12-1977 vì hết nhiên liệu và thực phẩm, chiếc này đã cập bờ biển Mersing và được chở vào trại thuộc đảo P. Tengah, còn hai chiếc kia không biết đã trôi dạt đi đâu ?!!

■ Le matin du 15 Déc 1977, 3 barques réussissaient à toucher le port Trengganu, en transportant respectivement 17, 25 et 50 personnes. Dans la troisième se trouvait madame Phuong Dung, une chanteuse connue au Sud-Vietnam. Leur débarquement ayant été refusé par les autorités du port, elles devaient le quitter pour une destination incertaine. Le 18 Décembre, à court de gasoline et de provisions, la troisième barque s'approchait de la terre vers Mersing et les 50 personnes étaient acceptés cette fois dans un camp de l'île P. Tengah. Personne ne connaissait le sort réservé aux deux autres ?!!

■ 17人、25人、50人ずつ乗せた3隻の舟は昭和52年12月15日朝トレンガヌ港に着いたが追い返された。同18日、南ベトナムの有名歌手だったフォンジュン氏を含め50人を乗せた3隻目の舟は燃料と食料が尽き、メルシング・ブラウテンガ島の上陸を許されたが、残りの2隻は今いずこ？!!

“Socialisme morose”

□ VU TAI LUC



Mr. VU TAI LUC, a 48 year old fortune-telling researcher and writer, escaped by boat from Vietnam in April 1977. He arrived with his wife and two children on the coast of Malaysia, and at present is living in the United States. Mr. Luc has written fourteen books on the political history of Vietnam,

the face of the money-class, and fortune-telling. All his works were confiscated by the present Vietnamese Communist regime. “SOCIALISME MOROSE” is his analysis of socialism. This is not a theoretical work, but rather the author’s tears for the misery caused to so many human beings.

Since March 1975, the people of South Vietnam had listened to the neutral reports in Vietnamese, broadcast over BBC, the Government of England’s financed radio station. Early in the morning for thirty minutes, and again very late at night for another thirty minutes, the people were glued to their radios. When the

unfavorable information to South Vietnam was heard a few days before the fall, we realized that it was already too late. The BBC station had fulfilled its task. The only thing left now for the people of South Vietnam was to realize their destruction. Now they had to decide whether to remain or flee their beloved homeland. For

some people this was an easy choice, but for me it was a most difficult decision.

After much thought, I decided to stay. This was because I love my country with a passion, a love that is so much imbued in the Vietnamese culture. But the price of remaining was to witness the results of a 30 year long fratricidal war, and the historical changes to come. By remaining in my country the sight of the real face of the much publicized myth of the infamous socialism of our century was experienced. Thousands of books have been written in order to analyze or criticize socialism, and millions of people have been killed by it. I thought it important to have a personal, on-the-spot experience and knowledge of the real nature of this socialism, even if it brought danger to my life.

My decision to remain in Vietnam was also based on philosophical grounds, somewhat similar to the observation of Henry Kissinger: "Any important political problem of our century has a philosophical setting". Nevertheless, I escaped from Vietnam two years later. Such a decision, philosophically is absolutely groundless. It is emotional problem. In order to realize such a decision, my family and I risked our own lives, sneaking away from the armed

guards, and fighting the rough seas in an old small boat.

During the two years I lived under Vietnam socialism, I had many experiences. When the war ended on April 30, 1975, all in Saigon exploded with relief, roaming the streets with the cracking of gunfire so loud and steady, that it seemed like a New Year's celebration. I watched what appeared during those days and nights on TV, the many heroes in the battle fields, the guerillas going through the Ho Chi Minh route and the events that led up to the victory of Vinh Linh. Women had been used as liaison —messengers—, through the woods, between squads of soldiers. Casualties were high among these heroic women of Vietnam. Pictures appeared of their dead bodies, long beautiful hair hanging from lifeless bodies wrapped in hammock cloth. One choked with pride for these valiant women who paid with their innocent lives the debt of the war of others. Such sights and emotional pressures weighed heavily on mind and soul.

The enthusiasm following the liberation lasted less than three months, and turned to contempt and resentment for the liberators as the new regime began to structure their ruthless program. Photographs which just a few



- "Comparing to present Vietnam, here is the heaven", famous writer Vu Tai Luc waited for many dull months in this island.
- "So với Việt Nam bây giờ, thì thiên đàng là đây!" Nhà văn Vũ Tài Lục đã sống hàng bao tháng trời chờ đợi rỗng rã.
- "En comparaison avec le Vietnam actuel, c'est ici un paradis!", L'écrivain Vu Tai Luc y a passé des mois à attendre.
- これでも、今のベトナムよりは天国だ。ブラウテンガのキャンプで数ヶ月生活した文学者、有名な作者のヴ・タイ・ルック。

months ago had made the blood run hot and flooded the eyes with tears now brought only passive facial expressions. Folks would view them and whisper, "the pictures are real facts, but that explanation is a pure lie" Spring flowers were covered with waves of dry dust and cinder it seemed, as truth and goodness were choked and smothered with socialism, Vietnam brand. I had read newspapers from the West and in other various publications, the expression "Socialisme morose". I had doubted that this expression was as objectionable as some writers made it to be, and thought it was overstated anti-propaganda. But now I felt I was being covered in the sorrow and despair of this socialism, and that it was engulfing both body and soul.

Liberation had brought a short period of gaiety, and life was lived at a fast pace in Saigon. But now the streets became deathly still, hopelessness, the mood of the people, as they walked the streets with down cast faces, their foreheads furrowed with frightened looks. Thirty years of war had grieved almost every family as members were added to those who would never breathe again. But now a further family heart rendering, as political plans separated family members in planned groupings. The naturally joyous Vietnamese was no longer seen, as every bit of happiness drained from life. Socialism even dictates and controls, to a certain extent, the superficial smile on one's face. The morning noodles and black coffee at night used to frame a day of happy people, living and working in a quiet, heroic way. Now it is almost dead. Saigon has returned to the face of Hanoi twenty two years ago.

One wonders just what kind of theory is behind some of the inhuman indignities inflicted on people. Young Mothers who had just given birth, are lined up to wait for milk-rationed tickets, distributed by Government official. But in order to prove they are unable to breast feed their infant, and to receive a ticket for a far from adequate amount of powdered milk, they are obliged to the humiliation of having an official rub and squeeze their breasts. Babies nurtured under such conditions can not possess the soft, childish heart that Leon Tolstoi would have desired. Hunger always with them, they grow to fight in the streets, to get the money for the needs to survive. The Mothers do not have the energy to raise and educate their children. The sadness of socialism does not always stain the streets, but its gloominess has inundated the hearts of children and adults alike.

Clothing now is so scarce that in some instances family members or friends take turns using the same trousers. Black potatoes are mixed with rice to provide more bulk even if nourishment is not increased. Pieces of broken mirrors and colored chalk for painting the lips of a bride on her wedding day, is a concession to women. The tyrannical discrimination against young women degrades the Vietnamese woman and it is a girl in this kind of a society that has produced the drama "DRAMA OF THU THUA" (in the province of Long An, South Vietnam).

The opening of the drama begins with the double marriage of a liberation army soldier. At the time of the division of North and South Vietnam, he left his new wife in the south, and went to the north. When he returned south 23 years later, right after the fall of Saigon, he brought with him, his new wife he had married in the north. After discussing the matter together, the three agreed to live in peace, with a triangle relationship under one roof. After five months, the husband came home one evening from his place of work, and couldn't find his wife from the south. He asked the wife from the north, and she just laughed without giving him any answer. That same evening, the husband chased a snake into a pile of straw in the corner of the house, and found out two human legs. He pressed his wife for an explanation, and she confessed she had killed the southern wife. Not only that, she had cooked for supper the breasts of the deceased, cutting them into small pieces. Her excuse was that she couldn't endure the hunger pains, nor the triangular relationship. That night, husband and wife worked together in the garden, digging a hole. Once the hole was finished, the husband shot the northern wife and put her body in the hole. This tragic event is considered to tell the political tragedy of Vietnam in its story.

Sad events and experiences are the lot of every one who treasures freedom. One remains vividly in my memory. A lieutenant from the regular army of North Vietnam committed suicide by poisoning himself. He did this at a tomb in a French cemetery in Saigon. On top of the beautiful tombstone was found the suicide note addressed to the soldier's Mother :

"Mother, 10 years have passed since I was sent to the "B" Battle line. Since then we have not met. How often I wanted to see your face just once more, but I could not get leave permission. I wanted to purchase a

sweater to send to you, but never could gather enough money. If I could sell half the tombstone on which I write, it would be enough to make a little bamboo hut for you. But now I realize it is too late. Please forgive me. Goodbye.”

Pitiful “socialisme morose” is a fact. I

can not live within that kind of sadness. I saw with my own eyes the real socialism in Vietnam, far different from the fairy tales told of it. I finally understood that the 30 years war was not 30 years of struggle. Without any regrets of conscience, I made the decision to escape from Vietnam. □



- Bamboo-hut on the shore of P. Tengah, waiting for 10 months.
- Chối tạm trú tại đảo P. Tengah, Mã Lai, 10 tháng trời chờ đợi rỗng rã.
- Un abri provisoire sur la plage de l'île P. Tengah, 10 longs mois d'attente.
- ヴ・タイ・ルック氏。ブラウテンガ海岸の竹小屋で10カ月間待ち続けた。

**Will fish that fed on refugees,
give hunger for freedom to those who EAT ?**

Xã hội chủ nghĩa buồn thảm

□ VŨ TÀI LỤC

Nhà văn, kiêm nhà nghiên cứu tướng số VŨ TÀI LỤC năm nay 48 tuổi, ông đưa vợ và 2 con thơ vượt biển cùng với 30 người đến được Mã Lai ngày 20-4-77. Sau gần 10 tháng trời tạm cư tại đây, ông đã xin tỵ nạn tại Hoa Kỳ. Ông là tác giả của 14 cuốn sách đã xuất bản tại Sài Gòn gồm có : THỦ ĐOAN CHÍNH TRỊ, MƯU LƯỢC CHÍNH TRỊ, NHỮNG QUY LUẬT CHÍNH TRỊ TRONG SỬ VIỆT, NHỮNG KHUÔN MẶT TÀI PHIỆT... và một số sách về tướng số như những cuốn : Tướng mệnh khảo luận, Người đàn bà trong

tướng mệnh học, Nghệ thuật xem tướng, Phong thủy học, Tử Vi đầu số toàn thư... Tất cả 14 tác phẩm của ông đã bị tịch thu và bị cấm đọc sau khi Miền Nam bị CS cai trị. Chúng tôi xin giới thiệu cùng độc giả bài: "XÃ HỘI CHỦ NGHĨA BUỒN THẢM" của nhà văn Vũ Tài Lục viết về vài cảm nghĩ đầu tiên của ông đối với xã hội chủ nghĩa. Ở đây ông không lý luận, bài tùy bút này được xem như những giọt nước mắt nhẹ rơi trên số phận bao người từ nay đã mất hẳn hạnh phúc của cuộc sống.

Từ tháng ba, tất cả những người miền Nam đem cổ thức khuya và sáng cố dậy sớm để ngồi ôm lấy chiếc radio nghe đài BBC mà ai ai cũng tưởng là vô tư đứng đắn. Nhưng khi nghe đài ấy loan trước mấy ngày những tin thất lợi cho miền Nam từ lúc chúng chưa xảy ra, sau mọi người mới vỡ lẽ đó là một cuộc chiến khác : một cuộc chiến bịp bợm (guerre des bluffs) thì đã muộn rồi. BBC đã làm xong nhiệm vụ của nó. Trước mắt người miền Nam chỉ còn sự sụp đổ trên thực tế và trong tâm lý chỉ còn vấn đề "đi hay ở". Đối với một số người "đi hay ở" không phải là chuyện cần suy nghĩ: vấn đề thật gọn và dễ dàng. Nhưng với những người coi chuyện đi hay ở là chuyện cần phải suy nghĩ thì vấn đề không gọn và dễ nữa. Tôi ở trong số không giản dị này.

Suy nghĩ, tôi quyết định ở lại, cái quyết định khá dĩ gọi là truyền thống, truyền thống yêu quê hương của người Việt Nam. Tôi quyết định không đi vì tôi muốn nhìn rõ thành quả của 30 năm chiến tranh, 30 năm chiến đấu, một chuyển-hình-kỳ lịch sử cam go của dân tộc.

Suy nghĩ tôi quyết định ở lại để đối diện với huyền thoại chính trị lớn của thế kỷ thứ 20 : "Huyền thoại xã hội chủ nghĩa" mà bút mực sách vở phải tính cả triệu triệu tấn để dùng vào công việc bàn cãi mổ xẻ nó, cả triệu người đã ngã chết cho nó hay chống lại nó.

Sự ở lại hoàn toàn đặt trên nền tảng triết như Henry Kissinger từng viết đầu đó rằng : "Mọi vấn đề chính trị trọng đại trong thế kỷ chúng ta đều mang nặng tính chất triết". Rồi cuộc tôi phải ra đi, có một điều đáng nói trước nhất là sự ra đi của tôi lại không hề có một tính chất triết nào cả, nó rất đơn sơ và hoàn toàn tình cảm, rồi đem sinh mạng của bản thân, cùng cả gia đình, thử thách với hòng súng, thử thách với biển cả với chiếc ghe máy cũ nát.

Tối ngày 30-4 trước mắt tôi súng nổ tung như pháo giao thừa, nhiều đêm sau đó thành phố tập xem vô tuyến truyền hình để trông tận mắt bao hình ảnh hào hùng như vượt Trường Sơn, chiến sự Vĩnh Linh,... bao hình ảnh đẹp nên thơ với chiếc vòng giữa rừng già chỉ còn bộ xương khô cùng mớ tóc dài óng chuốt của chị giao liên đi công tác bị sốt rét bỏ xác lại đây !

Chưa đầy 3 tháng, cảm phục đã đổi thành khinh khi, tâm lý phấn khởi đã đổi thành chán ghét. Cũng những hình ảnh ấy trước đây mọi người xem mà đôi mắt rưng rưng, trái tim đầy máu nóng khắp cơ thể. Bây giờ mọi người đỡ dần nhìn chúng rồi buông thông một câu hết sức lạnh nhạt : "Vây, mà không phải vậy", câu nói mộc mạc nhưng thực sự đã được tạo thành bởi lịch sử, "Vây, mà không phải vậy", báo cho tất cả biết rằng cả một rừng hoa xuân đã bị làn sóng đối gạt quét cho tàn rụi.

Làn sóng đối gạt ấy là Xã Hội chủ nghĩa.

Qua sách báo Tây phương tôi thường đọc thấy danh từ Socialisme morose (Xã hội chủ nghĩa buồn thảm), tôi vẫn ngờ vực danh từ này cho là phản tuyên truyền. Nay thì nỗi buồn thảm của xã hội chủ nghĩa trùm lên đầu lên cổ tôi. Chỉ với thời gian ngắn ngủi, nét mặt Sài Gòn hỗn hởi, sinh hoạt Sài Gòn đang vui đã tắt lịm, phố xá buồn tênh, từng người tóc bạc chân bước vội vã, đôi mắt nặng trĩu những ưu tư sợ hãi nhìn về phía trước vô định, từng nhà tràn ngập cảnh sinh ly của chính trị, sau 30 năm trong bầu không khí tử biệt của chiến tranh. Tất cả mọi cái gì vui tự nhiên, tất cả những hạnh phúc nhỏ nhỏ của mỗi người đều không còn nữa mà chỉ còn những nụ cười vô hồn và niềm sung sướng gượng gạo cho cái vui mà Xã hội chủ nghĩa bảo là vui. Một tô phở tái cho buổi sáng,

một ly cà phê đậm cho buổi tối, một chút tình cảm êm nhẹ như ánh mặt trời trong nước lạnh càng ngày càng không tìm thấy nữa. Sài Gòn rập khuôn Hà Nội của 22 năm trước, Hà Nội 22 năm sau sống với xã hội chủ nghĩa vẫn tiếp tục buồn thảm thì đương nhiên chẳng thể có hy vọng một ngày vui xưa.

Tôi đọc Antone Tchekov muốn khóc, với đoạn thiên ông viết về con bé nghèo khổ ngồi nhìn xác mẹ nó trong căn nhà tồi tàn cuối ngõ đã lồi cuốn khá nhiều người đi theo con đường xã hội chủ nghĩa để mong làm nhân loại không nghèo nữa, bớt khổ hơn. Gần 70 năm sau, giữa lúc xã hội chủ nghĩa đang say men chiến thắng, tôi gặp chị Thanh ở Hà Nội vào kể cho tôi nghe rằng : Hằng đêm trong ánh đèn tù mù, chị phải nhón từng con lỏi kim bò ra giường, ra chiếu, ra chăn, hàng chục...từ trong bụng bé Huyền đưa con gái yêu thương duy nhất của chị. Chẳng phải chỉ có 1 bé Huyền mà hầu hết những em bé Hà Nội cũng như thế, không thuốc chữa, và thiếu bố dưỡng vì xã hội chủ nghĩa vẫn tưởng mình là cây đũa thần kinh tế nhưng thực tế là không phải vậy.

Tôi đọc Maxime Gorki trong truyện ngắn **ĐẠO ẤY VỀ MÙA THU**, lòng xót xa bởi hình ảnh cô gái điếm rách rưới bệnh hoạn, chia xẻ mẩu củ khoai vui với anh chàng lang thang từ cổ vô thân một buổi chiều đông gió buốt. Cái khốn khổ dưới chế độ Sa Hoàng ghê gớm quá. Nhưng qua lời người Hà Nội, người ta được biết cái khốn khó của xã hội chủ nghĩa còn ghê gớm gấp bội đến nỗi cả một thế hệ chẳng ai cao lớn lên nổi, hết thấy đều gầy guộc, thấp bé và vàng vọt chẳng ai còn có nổi khả năng để chia xẻ với những người mà mình thương xót dù là chỉ mẩu củ khoai vui. Người ta đổ tại chiến tranh, tuy nhiên người ta chẳng thể nào chối cãi sự thật. Sài Gòn mới chỉ biết mùi đối khổ sau khi hòa bình vừa trở lại do cơn gió xã hội chủ nghĩa Hà Nội đem vào.

Người ta sẽ lý luận như thế nào trước cảnh tượng một đám các bà mẹ mới sanh con đứng sấp hàng dài chờ xin sữa cho con phải qua tay một người cán bộ nhà nước, bóp đay bóp nghiền đôi vú, để được chứng nhận rằng mình không có sữa cho con mới mong có tấm phiếu mua vài lon sữa. Cũng những đứa trẻ được cấp phiếu mua sữa của xã hội chủ nghĩa ấy, chúng đã lớn lên ở Hà Nội hay sẽ lớn lên ở Saigon chúng đều không còn giữ lại tâm hồn màu hồng của Léon Tolstoi hằng mơ ước, bởi vì chúng phải lăn mò ra đường làm tiền bằng mọi mảnh khỏe cạnh tranh đều căng nhất, bằng thứ tranh luận tục tĩu nhất vì cha mẹ chúng đã hoàn toàn kiệt sức nuôi con. Cái buồn thảm của xã hội chủ nghĩa không chỉ ở trên đường phố, làm cho đường phố điu hiu, nó

còn lan cả vào tâm hồn trẻ thơ biến thành đen đúa hung bạo.

Những cô gái mà cả hàng chục năm sống trong sự thiếu thốn cùng cực "hai người ba quần", cơm trộn mì đen, soi bóng mình bằng mảnh gương vụn vỡ, loang lổ, tô môi ngày cưới bằng phấn màu dùng để vẽ dần dần mất hết nữ tính trở thành dữ tợn và khô khan. Mẫu người con gái ấy đã gây ra "thảm kịch Thủ Thừa" trước khi tôi ra đi vài tháng : Một chiến sĩ tập kết ra Bắc lấy cô ta, chàng còn để lại miền Nam người vợ mới cưới. 23 năm sau chàng về quê miền Nam, người vợ hiền vẫn còn chờ chồng tập kết. Cả ba đã dần xếp với nhau cùng sống chung trong căn nhà bên Thủ Thừa (tỉnh Long An). Sau 5 tháng không có chuyện gì xảy ra. Nhưng rồi một hôm, người chồng về không thấy bà vợ Nam đâu, hỏi cô vợ Bắc cô chỉ cười. Ngồi vào mâm cơm chiều, vừa vườn dưa gắp miếng giá xào, thì từ trên trần nhà, con rắn nhỏ quăng mình xuống. Sợ hãi người chồng buông rơi đôi dưa, con rắn trườn vào đồng rơm, người chồng dùng cào bừa đồng rơm bỗng thấy đôi chân người trong đó. Qua sự vận hỏi dồn dập người chồng biết được cô vợ Bắc đã giết bà vợ Nam, cắt đôi nhũ hoa thái nhỏ xào giá cho chồng ăn để giải quyết vấn đề cuộc sống tay ba mà cô ta không chấp nhận. Đêm ấy, 2 người âm thầm đào hố chôn xác nạn nhân cho phi tang. Khi hố sâu vừa đầy, người chồng bảo cô vợ Bắc đứng xuống đó, hai tiếng súng nổ vang đêm khuya, cô vợ Bắc gục trên vũng máu. Dân chúng bàn tán thảm kịch Thủ Thừa với lời tiên đoán thảm kịch chính trị trong tương lai sẽ giống hệt thế.

Tôi nhìn thấy, nghe thấy cả ngàn câu chuyện buồn thảm kể từ sau biến cố trọng đại, nhưng không chuyện nào làm tôi ray rứt bằng câu chuyện dưới đây :

Một trung úy bộ đội tự sát bằng thuốc độc nằm trên ngôi mộ xây cất khá đẹp trong nghĩa địa Mạc Đình Chi, bức thư tuyệt mạng được gài vào gai hoa giấy gần đó vòn vện mấy giò chữ gọi mẹ già miền Bắc : **"Mẹ ơi, đi chiến trường B con xa mẹ đã hơn 10 năm, hơn 10 năm dang đẳng chỉ mong về thăm mẹ một ngày mà không bao giờ về, con chỉ mong gọi về biếu mẹ chiếc áo len ấm con hứa cùng mẹ mà không bao giờ gọi nổi. Đến lúc này con mới hiểu rõ ràng tất cả thì đã muộn rồi. Con ước sao có nửa phiến đá trên ngôi mộ này bán đi để có thể dựng một căn nhà lá đủ che nắng che mưa cho mẹ...Mẹ ơi !"**

Socialisme morose là một sự thật. Tôi không muốn sống với buồn thảm, tôi đã nhìn rõ hình ảnh huyền thoại xã hội chủ nghĩa và tôi hiểu rằng 30 năm qua chỉ là 30 năm chiến tranh chẳng phải là 30 năm chiến đấu. Tôi quyết định ra đi không một đũa đo bịn rịn lương tâm.... □

悲しき社会主義

□ ヴ、タイ、ルック

ウー・ダイ・ルック氏(48才)、は占卜研究家兼作家である。氏は妻と二人の子供を連れ、30人のグループと一緒にベトナムを脱出して昭和52年4月20日にマレーシアに漂着した。ここに10ヵ月滞在した後アメリカに行った。

氏は「ベトナム史における政治的規律」、「財閥の顔」及び占卜類の本など14作品を出した。氏のすべての作品は共産政権に没収された。「悲しき社会主義」は氏の社会主義についての感想文である。この短い書物は氏の理論を述べるものではなく、人生の幸福を失った多くの人々のために流された氏の涙である。

昭和50年3月頃から南ベトナムの人々は朝早くから深夜まで起きて、中立的な報道と思われるイギリス国営BBCというラジオ放送局のベトナム語プログラムを聞いていた。しかし、ことが起こる数日前に放送された南ベトナムの不利な情報を聞いて「ほら吹き戦略」とわかった時にはもう遅かった。BBCは自分の任務を果たしたのである。南ベトナムの人々の眼前には現実の崩壊と、祖国を脱出するか残るかの問題しかなかった。この問題はある種の人にとって簡単に解決できるものであったが私にとってはそうではなかった。

さんざん考えた後、私は残ることを決めた。この決定は郷里に愛着するというベトナム人の伝統によったものともいえる。私は民族の三十年抗戦の成果を、歴史の転機を目撃するためにベトナムに残った。私は今世紀の偉大な「社会主義おとぎ話」の本当の姿を見るために残った。この主義についての分析・批判のために何百万冊の本が書かれ、この主義の賛否のために何百万人が殺された。危険を冒してもその実体を確認する必要はあると思ったのである。

ベトナムに残る決定は、ヘンリ・キッシンジャの書いた「今世紀のあらゆる重大な政治問題は哲学の性格をもっている」の意味で哲学の基本に基づいたものであった。しかし、私は二年後ベトナムを脱出した。その決定は全く哲学と関わりなく、単純な感情の問題である。この決定を実施するために、私は自分と家族の命をかけて、銃口の監視から抜け出し、古びた小舟で荒海と戦った。

さて、二年間社会主義の中に生きた私は多くの体験を身につけた。昭和50年4月30の夜、大晦日の爆竹のように銃声は町中に響いた。その後テレビで多くの抗戦の雄姿を見た。ホー・チ・ミンルートを行く部隊、ウィン・リン勝利。森の中のハンモックに包まれた連絡係の女性の屍と長い髪の悲壮さ。まだまだたくさんある。

しかし三ヵ月足らず後、「解放」に対する感激は軽蔑に変わり、興奮はさめ、興味は失われた。数ヵ月前、体中に熱い血を走らせ涙を流しながら見たその写真は今は人々が無表情の目で見て小さく呟く「これは本当の事実であり、嘘である」。春の花林は欺瞞の波に覆われた。この波は社会主義である。

西側の新聞、著作を読んだ時、私は度々、「悲しき社会主義」(Socialisme morose)という言葉に出会った。私はこの言葉が単なる反宣伝のものと疑問をもったが、現在この社会主義の悲しみが私の身体を覆っているという実感がある。「解放」後間もなく、活発で陽気あふれるサイゴンの生活が消えてしまった。街は死んでいく。将来の定まらない人々は憂うつなおびえる目を下に向けて足早に通りを横切っている。三十年戦争で家族・親類と死別した多くの家庭は今又政治で生別を味わわねばならないはめになっている。人々の必然的な喜び、ささいな幸福は消えて、その代わりに、社会主義に規定された、上辺の微笑みや強制的な喜びなどが現われている。朝の一杯のウドン、夜の一杯の濃いコーヒー、太陽の光のような静かな感

情の表われが日に日に消えていく。サイゴンは二十二年前のハノイの顔に戻った。二十二年間社会主義の下に過ごしたハノイが陰気さを増している事実から、ベトナムが将来に陽気さを取り戻すことが望めないのは当然である。

どんな理論に基づいて次のことが実施されたであろうか。ある政府の幹部の前に、赤ちゃんを生んだばかりの母親たちはミルク買入票をもらいに一列に並んで待っている。そして、母乳が出ないことを証明するために、その幹部に乳房を揉ませなければならぬのである。このようなミルクで育った子供と同様に、サイゴン及びハノイで育った子供はレオン・トルストイが望んだピンク色の心をもつはずがない。彼らは街で、あらゆる手段と喧嘩で金を稼がなくてはならないのである。なぜならば、彼らの両親は子供を育てるのに力が尽きたからである。社会主義の悲しさは街を染めるだけではなく、人間の心まで陰気さで覆っている。

二人でズボン三枚を使い合い、黒い芋を混ぜたご飯を食べ、壊れた鏡で姿を見て、結婚式に色チョークで唇を染めた女性たちは女の心を失い、心がかわき横暴になった。このような女性が「トゥ・トゥアの悲劇」を起こしたのである。悲劇の発端はある解放軍兵士の重婚から始まった。南北分離の際、彼は新婚の妻を南部に残して北に行った。二十三年後戻った時（サイゴン陥落直後）には北で結婚した新しい妻を連れてきた。話し合いの後、三人は三角関係で平和に同じ家に暮らすことを決めた。五ヵ月後のある日、勤めから帰った夫は南部の妻の姿を見なかった。北の妻に聞いても彼女は

ただ笑っているだけで返事しなかった。その夜、家の片隅にあるワラの小山に逃げ込んだ蛇を追った時、夫は人間の足がそのワラの中から出ているのを発見した。北の妻は問いつめられて、南部の妻を殺して、その乳房を細く切って夕食の料理にしたことを告白したのである。彼女は三角関係の状態と飢餓に堪えられなくなったからである。その夜、二人は秘かに家の庭に穴を掘った。穴を掘り終えた時夫は銃で北部の妻を射殺したのである。この惨劇はベトナムの政治の惨劇の前兆と思われる。

私はその他に多くの悲しいことを体験したが、次の事件は一生忘れられないであろう。

北の正規部隊のある中尉がサイゴンに残ったフランス人の墓地の中で毒薬で自殺した。その隣のきれいな墓石に母あての遺書が置かれていた。その遺書には次のようなことが書かれていた。

「お母さん、B戦線に行って以来、十年以上お母さんと離れていた。一度お母さんの顔を見たいが許可はいつまでも出されなかった。お母さんにセーターを送りたいけどそんなお金もなかった。もしこの墓石の半分があれば、それを売ってお母さんのために小さな家を建ててあげられる。しかし事実を知った時はもう遅かった。お母さん、お許し下さい。さようなら。」

悲しい社会主義（Socialisme morose）は事実である。私は悲哀の中に生きていたくない。私は社会主義のおとぎ話の実態を見てきた。私は三十年戦争が三十年民族のための闘争ではなかったことを知った。私は良心の咎めもなくベトナムを脱出することを決心したのである。□

**The ghosts of those ignored at sea
will haunt the ships that let them die**

ESCAPE

Prof. LE KIM NGAN was one of 54 refugees picked up in early September 1977 by the SS MIGHTY. For over a month, several countries refused to grant landing privileges and the refugees were transferred at sea to

the SS NICHIDO. The story told here is extracted from the book of the former Professor of Phuong Nam University, "WHERE IS VIETNAM GOING".

Convinced that freedom was something that one should be willing to live and fight and die for, I planned a way of escape from Viet-Nam.

Toward the end of June 1976, fifty seven people which included seven families, my sister and close friends, decided to crawl from under the yoke of oppression. We lined up the things we would bring, and bought an 11 ton motor ship, and began purchasing gasoline, bit by bit. We decided to leave from Vung Tau on the outskirts of Saigon.

It took two months to make preparations. Three times we had to change the departing time, but finally it was decided to set out at 4:00 AM on the 5th of September. As we were a large number, we formed small groups, and travelled separately, finally meeting in a place agreed upon, the house of a friend. On Sep.3rd the first group arrived at Vung Tau safely. The next day my group, disguising ourselves as merchants and fishermen and in garb other than usual, started toward the gathering point. We pretended to be strangers to each other, walking apart. Several times we were questioned by the secret police on our way from Saigon to Vung Tau. But all arrived safely at 4 PM in the home of Mr. A. However, hardly had we breathed a sigh of relief, when "Bo Doi" (a communist soldier) who had found out about our plan to escape, came to exact a bribe for his silence. We had to give him all the money we had. And now our anxiety mounted. We knew of many cases in the past, of people being arrested even after they had paid a bribe for silence. We made up our minds to commit suicide at once should we be arrested. Fortunately nothing happened, and on Sep.5, we began at nine o'clock at night, to go to the seashore, one by one.

At midnight, we made all the children take sleeping drugs, and they were sleeping quietly. Each of us had made sure of the place to keep fish, or of his secluded hiding place. It took about two hours before our departure, and we left two hours earlier than the appointed four o'clock. We were examined at a check point,

but we passed through without any trouble, thanks to a sleepy-eyed unsuspecting soldier.

At 2:00 AM on the 6th of September, our ship was pursued by two patrol ships. Turning off the lights and keeping the engines at full speed, we finally drew away from them. I couldn't help but feel that our plan of escape had succeeded ! From now on I would trust my life to Heaven. Now I am not in Vietnam ! Here is the space of freedom ! If I must die, better that it be in the space of freedom.

On the afternoon of September 6th, we were saved by the MIGHTY, a Japanese ship. I cried...we all cried. Why do they treat us so kindly, though they are a different race ? And, on the other hand, why do our people, who are of the same race, why do they treat us so cruelly ? And why do we have to leave Vietnam, our own country ? It is an irony of fate. We want to thank over and over again the Captain of the MIGHTY and all its crew, and to express our deepest gratitude. We shall never be able to forget for the rest of our lives, what we experienced that day.

On the 10th of September, we arrived at Bangkok, but we were not allowed to land. The ship went on to Singapore, but we could not get landing permission there either. Fortunately a family of eight in our group had relatives in France. The French Embassy agreed to guarantee their resettlement, and they alone were allowed to go ashore.

Off again we sailed, looking for land... for a country that would permit us to step on their shore. We arrived in Indonesia and this was the third country that refused to let us feel land under our feet. But the Indonesia Red Cross provided us with \$200.00. Off we sailed to the fourth country, begging even temporary asylum, and arrived at Penang in Malaysia two days later. The answer was the same. Closed to refugees ! On the 22nd of September, after 16 days aboard the MIGHTY, we were transferred to the VALIANT, and again started toward Singapore. The parting with the Captain of the MIGHTY was a tearful one. Most of the crew were Koreans. We owed our

life to them. At Singapore, we were put aboard the NICHIDO-MARU, and soon on the way to Japan. We arrived at Mitsumi, where we received a change of clothing. The waves had become like the floorboards of a house. It wasn't until October 20th that we landed at the port of Osaka, Japan. There we were questioned by Japanese journalists.

We knew the attitude of countries that refused to accept us. We had been "people without land" for over 40 days. Now we were to be questioned on our motives for leaving! The questions focused on the following points: "Why did you escape from your country, Vietnam, where unity and peace have been restored?" If he only knew, I thought! I answered "We escaped because we could not accept communism which has no freedom". Again they asked: "Why don't you accept communism"? What a question? I wonder if Japanese would accept communism? I tried to answer as well as I could, but it seemed so difficult to make the Japanese journalist understand on the spot. I hope that this letter will help the journalists know the present conditions of the "united Vietnam", and understand "WHY I ESCAPED FROM THE UNITED VIETNAM WHERE NO WAR IS TAKING PLACE" I believe I serve my country best, as a Vietnamese who is looking for freedom, to tell the truth as I see it, of the present conditions in Vietnam.

When I saw many Vietnamese students who came to the port when I arrived in Japan, after having been adrift on the sea for forty five days, I was really seized with fear. It was because of the fear I had in my daily life in Vietnam before I escaped, each time someone would approach me. But after talking together, my fears disappeared completely. I found that most of the students had the same ideas as mine, and they were the students who had made up their minds to remain in Japan and look and hope for freedom... These young students, now "without a country" as I am, encouraged me and treated me so kindly. It was so good to receive fraternal love again. And also I would like to thank the Japanese people who have accepted us so warmly. We, who have left our own country looking for freedom, want to spend the rest of our lives living sincerely, telling the truth for freedom and walking the way of living humanly wherever we are.

LÊ KIM NGÂN
Former President
PHUONG NAM University
SAIGON □



- NICHIDO MARU, the life saver of 49 people, is just landing at Osaka port.
- NICHIDO MARU, con tàu cứu tinh của 49 người vượt nạn cập bến Osaka.
- Nichido Maru, bateau sauveur de 49 réfugiés Vietnamiens, venait de toucher le port d'Osaka.
- 大阪港に上陸する直前のレ・キム・ガン教授のグループ



- President of Phuong Nam University, Professor Le Kim Ngan.
- Viện trưởng đại học Phương Nam : Giáo sư Lê Kim Ngân.
- Professeur Le Kim Ngan, l'ancien président de l'université Phuong Nam.
- 脱出の理由を語るレ・キム・ガン教授

ベトナムからの脱出ルート

脱出計画を立ててから自由の港に着くまで難民はどんな“関門”を通らなければならないであろうか。次に、レ・キム・ガン教授の脱出ルートが紹介される。ガン氏はフォン・ナム大学（サイゴン）の元学長で、昭和51年9月4日、54人と共にベトナムを脱出して、マイティ号船に救助された後、日動丸号船で同10月16日に日本に着いた。この短編は彼の“ベトナムはどこへ”から抜粋されたものである。

自由を求めるためには自分の命を捨ててもいいと覚悟の上、私は脱出を計画した。

1976年6月末頃から、私と同じ脱出目的をもっている妹と友人たち、合計7家族、57人は、全財産を集めて11トンのエンジン船とガソリンを買った。当時ガソリンは非常に求めにくかったので、毎日少しづつ買って集めた。出発地はサイゴン郊外のウン・タウと決めた。

2ヶ月かかって私達は準備を整えた。脱出予定日を3回変更したのち、最終的に決めたのは9月5日、午前4時であった。何しろ人数が多いので、色々なグループにわかれ、サイゴンからウン・タウの私の友人の家に集まる手はずにした。9月3日、第一グループは無事ウン・タウへ到着した。9月4日、私のグループはウン・タウに向けて移動した。私たちは商人とか漁師とか、色々な服装に変装して、別々に目的地に向った。秘密警察の取締りを逃れるために、お互いに知らない顔をして出かけた。サイゴンからウン・タオまで何回も検問所で調べられたが、全員無事にウン・タオに到着した。9月4日午後4時、全員友人であるアーさんの家に集まった。ここで思わぬトラブルが起った。1人のボドイ（共産軍兵士）が私たちの脱出計画を知って、アーさんの家に来て賄賂を要求した。有り金全部を彼にさし出した。賄賂交渉も無事に終わった。しかし、私達は非常に不安であった。金を取ってから逮捕されるケースが、過去何度もあった事を知っていたからである。若し逮捕されたら、その場で全員自殺すると心に決めた。しかしどうやらうまくいった。夜9時、私たちはアーさんの家を1人づつ出て海岸へ向った。

9月5日午前0時、子供たちには全員睡眠薬を飲ませた。皆静かに眠っている。各自、魚を置く

場所や、奥まったところに隠れ場所をさがし、出発までに2時間かかった。予定時間は4時だったが、2時間早く出発した。途中、検問所で調べられたが、夜中だったので、検問所の兵士が寝呆けていたおかげで、無事通過した。

9月6日午前2時、私たちの船は2隻のパトロール船に追いかけられたが、こちらはランプを消し、エンジンを全開して逃げついに脱出した。これで脱出計画は殆んど成功であった。これからの自分の命は天にまかせ、例え海でおぼれ死んでもいい、ここはベトナムではない、ここは自由の空間だ。どうせ死ぬんだったら自由の空間の中で死にたい。

9月6日午後、私たちは日本の船マイティ号に助けられた。私は泣いた。いやみんな泣いた。なぜ、ちがう民族なのに親切にしてくれるのか。他方同じ民族なのにひどい目に合わせるのか。そして祖国ベトナムを離れなければならないのか、皮肉なものだ。マイティ号の船長さん、船員の皆さん、本当に本当にありがとう。私たちは一生この日の事は忘れられない。

9月10日、バンコクに着いたが上陸許可がおりず、11日シンガポールへ着いた。ここでも上陸許可はおりなかったが、私たちのグループの中の8人家族はフランスに親戚が居るので、フランス大使館の保証で上陸でき、フランスへ亡命することになった。9月18日、インドネシアに着いたが、ここでも上陸許可はおりなかった。しかしインドネシア赤十字から約200ドル支給された。9月20日、マレーシアのペナン港に着いたが、ここでも上陸許可がおりず、22日私たちはマイティ号からバリエント号に移され、再びシンガポールへ向った。マイティ号の船長、船員の皆さんと別れた時、

私たちはだき合って泣いた。殆どの船員は韓国人であった。シンガポールで日動丸に移され、日本に向かうことになった。10月16日、日本のミツミ港に到着した。ここで私たちは善意の衣服をたくさんもらった。10月20日、上陸の許可を得て大阪港へ上陸した。ここでの日本の記者たちの質問の焦点に“ベトナムはもう統一できて平和になったのに、なぜあなたは逃げたか”と。私は答えた“私たちは自由のない共産主義を受入れることができないため脱出した”。更に、“何故、共産主義を受入れないのか”と。私は私なりに答えたが、その場では、彼らにはなかなか納得してもらえなかったように思う。この記述を通じて、世界の記者の皆さんにも統一ベトナムの現状を知ってもらい、私が“なぜ私は戦争のない統一ベトナムを脱出したか？”を理解していただきたい。この記述はその一端になればと思う。今私がベトナムの現状の事実を話すことは、自由を求めるベトナム人として、国の為に尽すことになると思っている。

45日間、海上をさまよい日本に着いた時、出迎えてくれたベトナムの留学生と会った瞬間、私は本当に怖かった。頭の中で、同じ民族の人々と会う時、ベトナムでの日常の恐怖心を思いおこしたからだ。しかし話をしてゆくうちに、彼らの多くは私と同じ考え方、自由を求めて日本に残留する心を決めている留学生であることがわかり、私は安心した。そして彼らは私をいろいろ励まし、親切にしてくれた。私は感激した。そして温かく私たちを受け入れてくれた日本の皆さんに感謝したい。自由を求めて祖国を離れた私たちは、これから先、残る人生は、どこに居ても、自由の為に、人間らしい生き方の為に、事実を伝え、真剣に生きてゆきたいと思う。

レ・キム・ガン
元フォン・ナム大学々長 □



- Boat city belongs to "Boat people".
- "Thành phố thuyền" của người vượt nan!
- "Ville flottante" des réfugiées.
- 難民の“ポート町”ノ



- Is this "Boat city" or refugee camp?
- "Thành phố thuyền" hay trại tị nạn?!
- Une "ville flottante" ou un camp des réfugiées?
- “ポート町”は難民キャンプですか？



- Waiting for too long, boats become rotten!
- Nhiều thuyền đã mục nát vì nằm chờ đợi quá lâu!
- Des barques se delabraient pour une attente trop longue...
- 沈みかけた舟で2年間も定住の地を待っている

Miserable days on the sea

□ TRAN HOANG

Like helpless leaves adrift in calm or stormy seas, the "Boat People" have met icy indifference and brutal heartlessness of passing ship-Captains and port authorities.

Mr. Tran Hoang lived in spite of this inhuman irresponsibility, and tells of his surviving drift to freedom on Malaysia's shores.

The total lack of sympathy for the refugee in distress, crushed our spirits during the 13 days and nights adrift in our little boat. Leaving Vietnam soon proved a frightening experience, as the tiny craft was hurled, seemingly sky high, in preparation for a terrorizing drop, that we thought would land us at the bottom of the ocean.

As long as I live, unable will I be to forget the heroism of Mr. Đai. In spite of angry seas, he set off alone on a tiny raft in search of help. His courage strengthened what little hope and perseverance we had. But a Thailand ship soon drained us of that hope, when it crushed in the front of our boat, and sailed on in utter indifference. We had fled to be free, to tell the world of Vietnam's crucifixion and our own. But how soon we were to learn that the world was not listening, and cared not at all if we died or survived.

We had prepared well for the escape by night. Three days and nights, we had planned, would bring us to Malaysia shores. But we had not figured on the greed of the one who sold us the ship's motor. After three days at sea, the faulty motor broke down. Seventy two people almost drowned a hundred times over, because of the failure to repair the motor. The hunger for profits makes men heartless and the cause of misery and death.

Night and day, over and over, we drifted slowly on the seas, with ships from free nations frequently passing us by. The shame of those who captained these ships... from Denmark, Poland, Japan, America, England and other free nations. Deck hands waved limp greetings, as they were forced along with the murderous decision of their captain. The International law

of the sea, obliging ships to go to the aid of those in distress, were ignored, not by one, but by all. What a tragedy that the tradition of responding to an S.O.S has been ignored, by those whose rule of action is the profit motive alone.

Some refugees waved weakly, to return the greeting of deck hands. Others ignored it, scorned it, or suppressed anger at the inhumanity of it all. We were drained of courage and hope as each of the ships passed on, and were soon out of sight. I often groaned aloud. Other gave way to loud cries of grief and despondency. Two of the children began to cry bitterly and steadily on the sixth day on. I berated myself for having brought them along. And yet, they were a big part of the reason we had fled. What a future for youngsters in present day Vietnam! The irresponsible remarks that the refugee flees his homeland to avoid labor or physical hardship is a falsehood. We feel compelled to pass on the chance of free life to our children, and tell the world that it is impossible in the land of our birth.

Lack of food and water for day after day and night after night, leaves humans devoid of all restraint, but that of trying to survive. A tiny bit of food becomes the difference between life and death, and starving people have no inhibition. Thank God that we drifted ashore before we devoured one another.

Never will I forget the sufferings, discouragement and maddening nights at sea as long as I live. It was a death that will remain with me forever, as we thank God for our rebirth and a chance to live as human beings, in freedom. □

Những ngày khốn cùng trên đại dương

□ TRẦN - HOÀNG

*Chơi với như chiếc lá giữa giòng, người
"Tị nạn bằng thuyền" không những chỉ
chống chọi với sóng gió hãi hùng của thiên
nhiên mà còn gánh chịu những bội bạc,*

nhấn tâm của con người.

*Sau đây là một đoạn nhật ký trong
chuyến đi tìm tự do của anh Trần Hoàng đã
may mắn trôi dạt đến bờ biển Mã Lai.*

Trong suốt 13 ngày đêm lênh đênh trên chiếc thuyền con, tinh thần chúng tôi đã bị vùi dập bởi sự thờ ơ vô tình của con người đối với những người tị nạn trong cảnh khốn cùng. Chuyến vượt biển này đã đem lại cho chúng tôi một kinh nghiệm hãi hùng, nhất là khi con thuyền đang bị sóng đưa lên đến tận trời cao để rồi lại rơi xuống, tưởng chừng như đem chúng tôi xuống tận đáy biển sâu.

Suốt đời làm sao tôi có thể quên được tấm lòng hy sinh cao quý của anh Đại, người đã chấp nhận xuống bè bơi đi tìm người cứu trong sự mê mông của biển cả. Sự can đảm của anh Đại đã giúp chúng tôi tăng thêm chút hy vọng và giữ được nhẩn nại để chờ đợi người đến cứu. Chẳng bao lâu, một chiếc tàu Thái Lan đã tước mất sự hy vọng đó khi họ dựng vào mũi tàu của chúng tôi và lạnh lùng đi tiếp. Chúng tôi đã trốn đi tìm Tự Do, để nói lên cảnh bị đóng đinh trên Thập Tự Giá của Việt Nam ngày nay và của cả chính chúng tôi nữa. Nhưng chẳng bao lâu, chúng tôi đã hiểu rằng thế giới không nghe và không cần biết đến chúng tôi sinh sống ra sao, và chẳng thêm để ý chúng tôi sống chết như thế nào.

Chúng tôi chuẩn bị thật kỹ lưỡng cho cuộc vượt biển và đã khởi hành vào một buổi tối, dự định sẽ chỉ mất 3 ngày 3 đêm là đến được bờ biển Mã Lai. Nhưng chúng tôi đã không ngờ được lòng tham không đáy của người bán máy tàu. Sau 3 ngày trên biển, cái máy thuyền hư này đã ngưng chạy hẳn. Đã nhiều lần cả 72 người tưởng chừng bị đưa vào thế giới bên kia vì không sao làm cho máy chạy lại được. Đói và cái chết gần kề làm con người trở nên cuồng loạn, khốn khổ.

Ngày đêm, chúng tôi lênh đênh vật vờ trên biển, gặp bao nhiêu là tàu bè của thế giới tự do đã làm ngõ bở đi luôn. Từ Đan Mạch, Ba Lan cho đến Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh Quốc và của cả những nước tự do khác. Từ trên boong tàu, nhiều bàn tay vẫy chào yếu đuối như nhủ

rằng họ bị bắt buộc tuân theo quyết định giết người như thế của thuyền trưởng. Luật hàng hải quốc tế buộc phải cứu những người bị nạn trên biển đã bị cố tình làm ngõ, không phải bởi một người mà bởi tất cả. Không hiểu người thuyền trưởng điều khiển những con tàu đó, họ có còn biết xấu hổ vì sự hèn nhát vị kỷ của họ nữa hay không? Thảm kịch của thế kỷ hiện nay đã gây ra bởi những kẻ vì quyền lợi, làm ngõ không đáp ứng những tín hiệu S.O.S.

Một vài người trên thuyền chúng tôi vẫy tay đáp lại. Ngược lại, vài người khác chủ thế, nổi hờn căm vì sự đối xử vô nhân đạo hằn trong lòng mọi người. Chúng tôi mất dần những hy vọng cuối cùng khi nhìn những bóng tàu nhỏ dần, xa cách khỏi chúng tôi. Tôi gào lớn, những người khác rên lên vì khổ não và tuyệt vọng. Hai đứa con tôi bắt đầu khóc tím tức và ray rứt kể từ ngày thứ sáu. Tôi đâm ra hối hận và tự vấn lương tâm nhiều lần về việc đem chúng đi theo. Tuy nhiên tôi tự an ủi mình với lý do lớn nhất đã giúp chúng tôi quyết định phải ra đi: Tương lai của chúng sẽ ra sao nếu ở lại nước Việt Nam hiện tại? Chúng tôi cảm thấy có nghĩa vụ phải tìm cơ hội cho con cái được sống trong Tự Do, và nói cho thế giới biết được thực trạng của Việt Nam, nơi con cái tôi hoàn toàn không có tương lai.

Đói khát trong nhiều ngày đã khiến con người không còn tự chủ được nữa, chỉ còn là làm sao sống được thì thôi. Một chút thực phẩm cũng trở thành quan trọng giữa sống và chết, và khi con người đói khát không còn gì ngăn cản được. May mắn thay, chúng tôi đã trôi giạt được vào bờ, trước khi phải cầu xé lẫn nhau.

Chẳng bao giờ tôi có thể quên được những đêm khốn khổ, thất vọng và điên cuồng trên biển cả. Chúng tôi xem như mình đã chết và nhờ ơn Thượng Đế đã được tái sinh để được dịp sống như một con người, trong không khí của Tự Do. □

海上漂流の苦しい日々

トラン・ホアン

渦中の葉のように漂流しているボート・ピープルは荒海の高波と嵐と戦っているだけではなく、人間の冷酷さと無慈悲にも耐えなければならないのである。次は、自由への旅を物語るトラン・ホアン氏の日記の一部である。彼は運良くマレーシア海岸に漂着した。

……長い脱出航海の中で、世の中の無情をはっきりと見た。私たちを驚愕させた恐ろしいこともあり、涙ぐむほどの行為もあった。私たちはタイさんのことを一生忘れ得ないだろう。果てしない海に漂流しているみんなのために、彼は救いを求めてイカダを一人でこいでいってしまったのだ。私たちがタイの船にぶつかって舟の前の部分が潰れてしまった恐怖の瞬間を忘れないだろう。私たちはベトナムの現状を世界の人々に訴えるために祖国から脱出したのだが、その脱出航海からすでに困難が待ち受けていた。

私たちの誰1人として想像しなかったことが起こった。最初の子定は3昼夜でマレーシアに着くはずだったが、舟主と脱出計画者の金欲のために舟のエンジンを完全に修理していないというとんだ災難にあって、72人の命は危く海の底に沈むところだった。私はほんとうに甦ったのだ。この航海で私たちは世の中の人間の裏面がわかった。13日間海に漂流した私たちはデンマーク、オランダ、日本、アメリカ、イギリスなどいわゆる自由の国の何十隻もの商船に出会った。しかしみんなは手を振って、航海条約および人道を無視して去っていった。私たち難民に逢っても、癩病あるいは災難に逢ったように急いで避けて行ってしまった。自由の国はなぜそんなに冷たいのだ？彼らは自由を持って余して自分本位の利益のみにとらわれているのかもしれない。私たちの近くを通った船はみんな冷然として助けてくれようとはしなかった。私たちは人道という言葉を信用できなくなり、絶望してしまった。叫んだ人もあり、罵声を散らした人もあり、黙り込んだ人もあった。しかしみんなの顔は同じ絶望と恐怖に覆われた。溜息をついた私のそばで大声で泣いている人もいた。2人の

子供は6日目から泣きじゃくっていた。私たちは後悔したこともたびたびあった。生きるか死ぬかわからない危険な場所へ連れてきたことを。死んだら何もならないのだ。私たちは労働を怠って、身体を酷使を避けるために祖国を脱出したわけではない。私たちは自由と人権を求め、子供の将来のために脱出したのだ。私たちは世界の人々にベトナムの現実を訴えるために逃げてきたのだ。

この脱出航海の中で、私たちは人間の醜い面を身近にみた。苦しみのどん底に落ち、絶望し切った人間は生き残るために、少しの食べもののためにさえもどんな醜悪な行為をもなしとげる。幸い、神さまのおかげで私たちはみんな安全なところに着くことができた。私たちは、すべての苦しみと絶望のどん底から生き抜いたことを一生忘れない。そして、それらを将来への再出発の財産として保持している。

ブラウ・テング

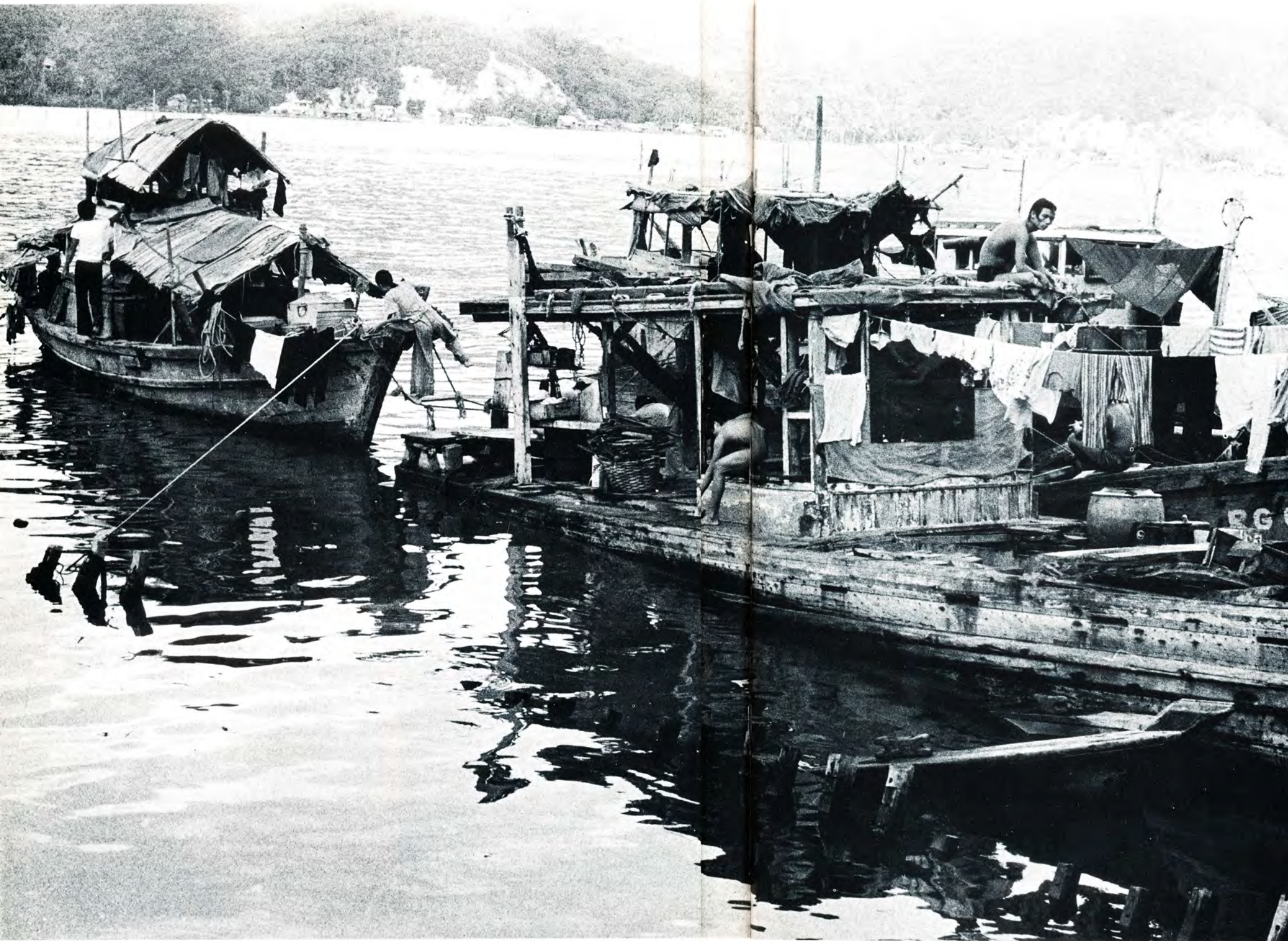
"B" キャンプ0142-BL号舟



● Mr. Tran Hoang [▲] and his family.
● Anh Trần Hoàng [▲] và gia đình.
● M. Tran Hoang [▲] et sa famille.

● トラン・ホワン氏 (右端) 家族 (妻、子供、弟)

- BOAT LIVING**
- ĐỜI SỐNG TRÊN THUYỀN**
- VIE SUR BARQUES**
- 船上生活**



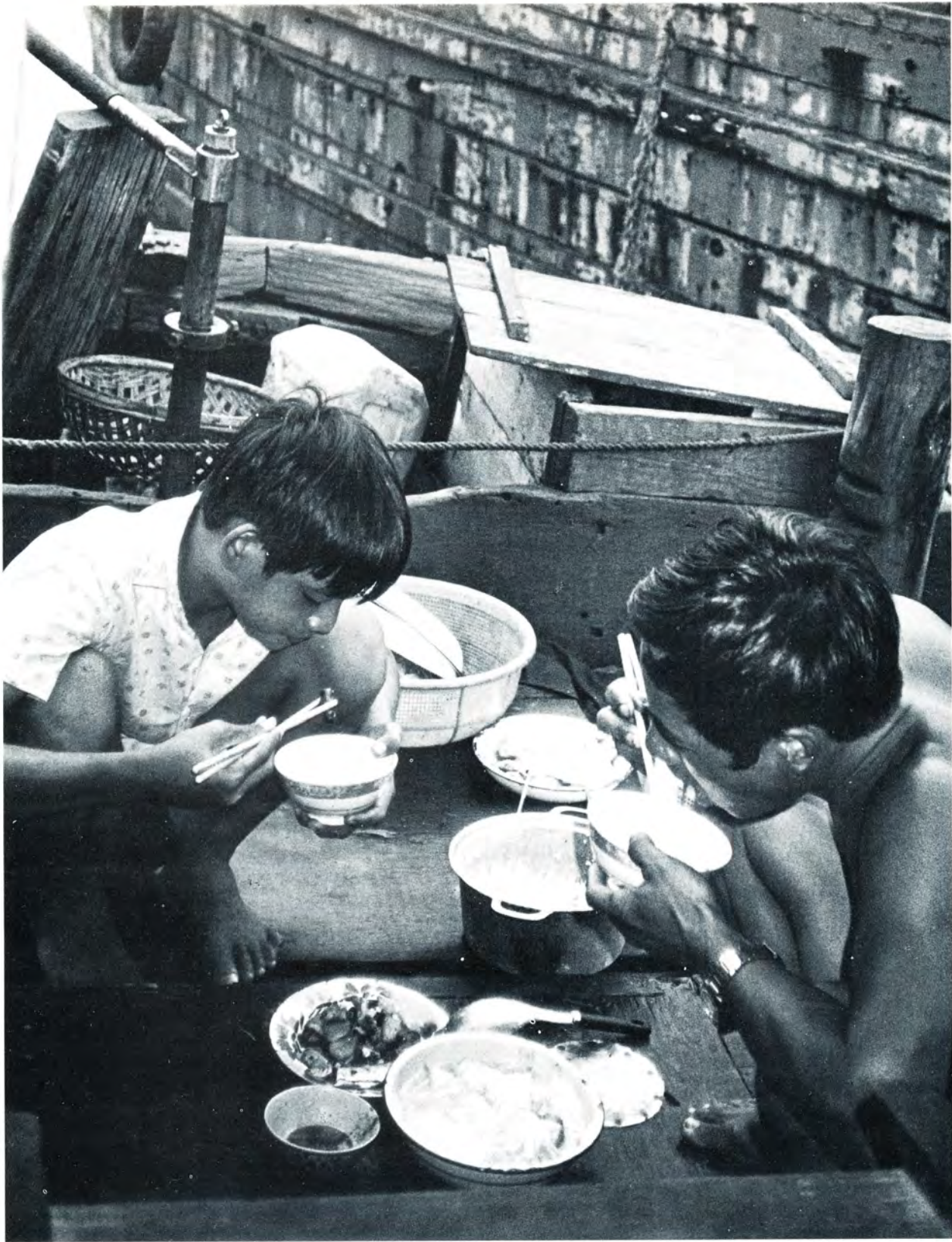
Old 'junk' and rafts make firewood for the rice sent in for survival. Wearing, under nourished bodies take solace in a "siesta", so tired that noon-day heat and swarms of mosquitoes are ignored. Robinson Crusoe would have learned something in survival from the ingenuity of the refugee. They've been here over a year.

Dùng ván thuyền đã cũ họ nhóm lên ngọn lửa để nấu nướng qua ngày. Thân ốm yếu rã rời tìm quên trong giấc ngủ những kẻ quá mệt mỏi bỏ mặc cho loài muỗi và nắng đốt xác thân. Lữ Bình Sơn sẽ học từ những dân vượt biển trí khôn và tài khéo để có thể sống còn nơi đây họ đã sống lây lất suốt năm tròn.

Avec des radeaux et de vieilles barques on fait des bûches, sur la table se trouvant quelques bols de riz froid. Le corps sous-alimenté se courbe, pendant la sieste il ne peut sentir ni la chaleur accablante, ni les moustiques unportuns. Des talents et de l'habilité des réfugiés, même Robinson Crusoe aurait appris quelques chose de précieux pour survivre dans ces conditions impossibles, des années et des années.

古い平板帆船やいかで火をおこし配給される米で日々をつなぐ。けだるい 栄養不良の身は午後の昼寝に慰めを求める。あまりの疲労に真昼の炎天も蚊の群れも気にはならない。ロビンソン・クルーソーも難民の多才ぶりから生き残るための何らかの知恵を学んだだろう彼らはここに住んでもう一年になる。

In Songkhla, Thailand.
trong trại Songkhla, Thái Lan.



Mersing Jetty, Malaysia.

- The fight and flight for freedom does not always bring easy living...
- Chiến đấu với biển cả và ra đi tìm tự do, nhưng không phải là tìm đời sống tốt đẹp...
- Lutte contre des tempêtes pour la liberté, mais pas pour une vie meilleure...
- 自由のために戦い、脱出しても、必ず住みやすい生活が待っているとは限らない。



- Air-conditioned apartment for two ! The deck for bed, sun energy for their kitchen! and precious water.
- Căn phòng bé nhỏ "điều hòa không khí" của hai người! Sàn thuyền làm giường ngủ, ánh sáng mặt trời làm nhiên liệu và vật quý giá là nước uống.
- Une petite chambre double climatisée! où le lit est le pont, le soleil est l'énergie et l'eau froide est la chose la plus précieuse.
- 二人のエアコン付きのアパート! 甲板はベッドに、日光は台所用の燃料に、そして貴重な飲料水。



Songkhla camp, Thailand.



- Being pregnant on the flight to freedom, young mother gave birth in misery.
- 9 tháng cứu mạng bào thai trên bước đường tị nạn, người mẹ trẻ đã sinh hài nhi trong cảnh khốn cùng.
- Devenue enceinte pendant son voyage vers la liberté, une jeune mère donna naissance à son bébé dans la misère.
- 妊娠しながら自由への脱出に参加した若い母は悲惨な環境の中で子供を生んだ。



- Dismal camp on the island (P. Tengah), refugees build shelter on the shore.
- Trại tạm cư trên hoang đảo (P. Tengah)
Anh em ơi, xin cùng nhau góp sức,
dựng tạm mái nhà che nắng trú mưa.
- Camp temporaire sur l'île (P. Tengah)
Les réfugiés se font un abri sur la grève.
- ブラウテンガ・キャンプ
兄弟よ、力を合わせて屋根を建て直そう。



LONG DAYS OF WAITING.
NHỮNG NGÀY DÀI CHỜ ĐỢI.
DES LONGUES JOURNEES D'ATTENTE
待てど暮せど…



- LIFE IN CAMP
- ĐỜI SỐNG TRONG TRẠI
- VIE EN CAMP
- キャンプ生活

■ **BORN WITH HOPE!** The smiling child sees tomorrow. The misery of the moment leadens the heart of her grandfather.

■ Con trẻ hé môi cười
Sinh trong đầy hy vọng
Mắt hướng đến tương lai
Tim cha già nặng trĩu
Vì nỗi khổ hôm nay.

■ Une naissance promet d'espoir;
le bébé regarde l'avenir avec
sourire, mais le coeur de son
vieux père, lourd comme de
plomb !!

■ 希望に満ちた誕生
子供は微笑みを浮かべて
明日を見る
だが今の苦痛は
老父の心を
鉛のように重くする





■
COFFINS HAVE MORE ROOM !
 8 months of stooping
 drives the soul down low.
 The woman hides her tears.
 Youth thirsts for knowledge.
 Rain brings them water,
 but leaves them drenched.
 Mosquitoes and gnats feast
 on skin-tight bones.
 [Sungai Rengit Sept.1977]

■
TAM THANG SỐNG CHEN CHUC !
 chỗ ở chật hơn hòm !
 Họ phải thu nhỏ lại
 thể xác lẫn linh hồn.
 Đàn bà giấu nước mắt
 Tuổi trẻ thiếu học hành.
 Mưa chỉ đem theo nước
 Làm ẩm ướt xác thân
 Ruồi muỗi bu quanh họ
 Chỉ còn xương với da.
 [S.Rengit, Mã Lai]

■
VIVRE ENTASSÉS DURANT 8 MOIS !
 Dans un espace pas plus grand qu'un
 cercueil, mais ils devaient se rendre
 encore plus petits physiquement et
 moralement !
 Les femmes oublièrent leurs larmes
 et les enfants ne recevaient pas
 d'éducation.
 La pluie n'apportait que de l'eau
 pour mouiller leur corps maigre.
 des moustiques tournaient autour
 d'eux
 qui n'étaient que des squelettes.
 [Sungai Rengit Sept 1977]

■
 棺の方がまだ余裕がある！
 八ヶ月間の窮屈な生活は
 魂までも萎縮させる。
 女は涙をかくす。
 若者は知識に餓える。
 雨は水をもたらすが、
 彼らをずぶ濡れにしていだけ。
 蚊や蠅が、骨と皮だけの
 彼らの身に群がる。
 (Sungai Rengit 1977. 9月)



In Laemsing, Thailand.
 Tại Laemsing, Thái Lan.

タイのレムシンで

■ A modest meal in the refugee camp and that is the gift for brave freedom seekers.

■ Một bữa cơm thanh đạm trong trại tị nạn.

■ Un repas modeste dans un camp de réfugiés, c'était ce qu'ils ont trouvé en risquant leur vie.

■ ブラウテンガのキャンプで食事をとるある家族。



■ 13 months of waiting have passed, but they did not find the promised land yet.

■ Một ngày như mọi ngày, 13 tháng trời rỗng rã trôi qua, họ vẫn chưa tìm được đất hứa.

■ Les mois ont passé, mais ils n'ont pas encore trouvé la terre promise...

■ レムシンで13ヶ月間も出港を待ち続けるある家族。



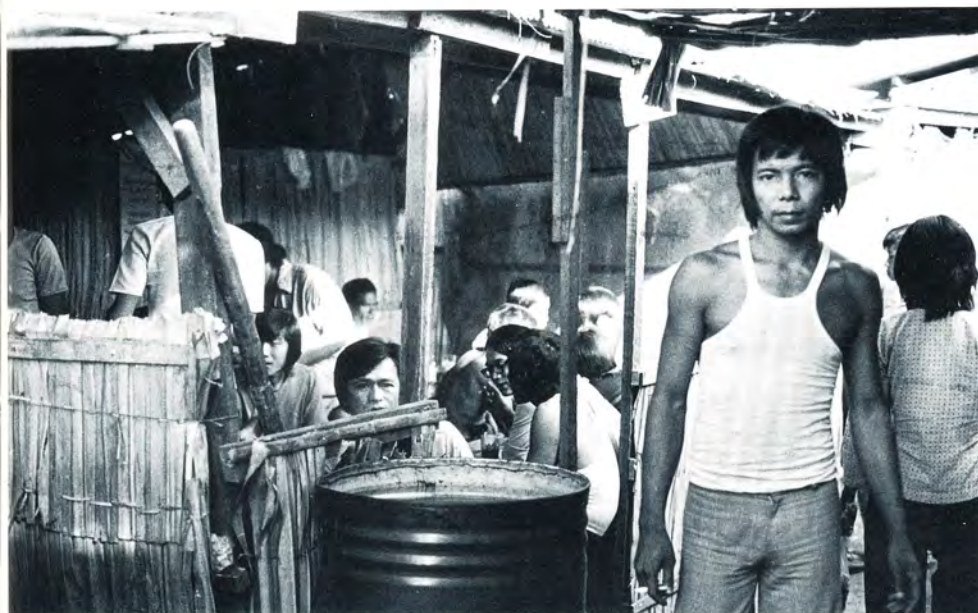


■ When will they take off from this "happy tent"?

■ Họ là những kẻ cắm trại dài hạn căng lều rồi mà chẳng biết đến bao giờ sẽ được rời đi!

■ Quand pourront-ils enlever leur tente, ces campeurs... à long terme?

■ マレーシアのメルシン・ケチンで、木の下での仮テント生活をする人々。



Songkhla, Thailand.

Trại Songkhla, Thái Lan.

Dans le camp de réfugiés Songkhla en Thaïlande.

タイのソククラキャンプの難民達。



■ A refugee doctor is taking care of his refugee fellowman

■ Một bác sĩ tị nạn đang chữa trị cho đồng bào trong trại.

■ Un medecin réfugié examinant les autres réfugiés.

■ ブラウテンガのキャンプで、同胞の医者から治療を受ける一人の難民。



- **SEAWATER**, unfit to drink. Almost clean enough to wash bodies and clothing. Drinking water distributed. It is brought in very limited quantity from outside the beach compound.
- Giếng nước sát cạnh bờ biển ở trại Laemsing, không uống được chỉ để giặt dũ. Họ được chia nước uống bằng những xe nước chở từ bên ngoài vào trại.
- L'eau de mer imbuable ! Tout juste pour se laver le corps maigre et les vêtements tout déchirés. A boire ! A boire ! L'eau potable apportée de l'extérieur du camp insuffisante pour se désaltérer. Savez-vous ce que c'est la soif dans la chaleur.
- 海水は飲めない。身体と着ているものがやっと洗える程度。
飲料水の配給。浜の難民居住地の外から、ほんの限られた量だけが持ち込まれる。



- Dreams... of beds and blankets... and FREEDOM.
- Mơ đến manh chiếu, tấm chăn... và mái nhà TỰ DO...

- Rêves d'un foyer et... de LIBERTÉ.
- 家、暖いフトンと毛布、——そして自由の夢。

■ A continuous rest without fear!

■ Giấc ngủ yên lành trong nhà tạm cư, không còn phải hàng đêm phập phồng lo sợ.

■ Un sommeil paisible.

■ ザコ寝する難民の共同生活。



■ Making toys for her son.

■ Bà mẹ tháo vát, chế đồ chơi cho con trẻ.

■ Fabricant des jouets pour son fils.

■ 手製のおもちゃを与える母親。



■ Overcrowded in P. Tengah camp, Malaysia:

■ Sống chen chúc trong trại Pulau Tengah, Mã Lai.

■ Surpopulation [P.Tengah].

■ ブラウテンガで詰め込まれた難民キャンプ。





■ Mrs. Nguyen Dinh Quat, wife of the former 1960 president candidate (Mr. Quat is still in Chi Hoa prison).

■ Bà vợ ứng cử viên tổng thống Nguyễn Đình Quát (1960), [hiện ông Quát còn đang bị giam cầm trong khám Chí Hòa từ năm 1975].

■ Mme Nguyen Dinh Quat, épouse du candidat présidentiel en 1960 [M. Quat encore en prison à Chi-Hoa].

■ 南ベトナム大統領候補グエン・ディン・クアット夫人（夫は、サイゴンのチー・ホア刑務所で1975年より服役中）



● The eighth baby born on Pulau Tengah island.

● Hải nhi thứ 8 chào đời tại đảo Pulau Tengah, Mã Lai.

● Le huitième bébé né à l'île pulau Tengah.

● ブラウテンガでの8人目の母親の出産。



● Studying by the candle light.

● Học dưới ánh đèn dầu.

● Étude à la lumière d'une bougie.

● ランプの光のもとに夜学校が開かれる。



■ Where is my husband ?
Young couples often separate in Vietnam
when planning to escape.
Fear of being detected.
A heartache...when one gets
through without the other.
Will the husband get through ?
Even the child looks for Dad.

■ Chồng tôi đang ở đâu ?
Chia tay lúc ban đầu
lên đường trốn Cộng sản
Vì phải tránh nghi ngờ
Bây giờ khi thoát được
Lại chỉ có một thân.
Anh ơi, anh có thoát ?
Con trẻ còn khóc than
Vì cha đâu ? vắng bóng !

■ Où est mon mari ?
Peur d'être poursuivi
le jeune couple se séparait
pour s'enfuir du Vietnam.
Elle est sauvée,
mais toute seule !
Que devient mon mari ?
Dieu seul le sait...

■ わたしの夫はどこ？
追跡を恐れて
若い夫婦はたびたび
別行動を取って
ベトナムを脱出する。
一人だけで
うまく逃げられた時の心痛…
夫もうまくいくだろうか？
赤ん坊さえも
父親を探している。



■ She'll sing again...the famous pop-singer Mrs PHUONG DUNG,
who arrived Dec.18, 1977, Malaysia.

■ PHUONG DUNG, une des grandes chanteuses du Sud-Vietnam
arrivant en Malaisie le 18 Déc.1977.

■ PHƯƠNG DUNG, một trong những danh ca của miền Nam VN,
vượt biên đến Mersing, Mã Lai ngày 18-12-1977.

■ 南ベトナムの有名歌手だったフォンジュンさんは昭和52年12月18
日マレーシアのメルシングにたった今着いた。



■ An Irish Nun finds her way past the refugees barricade. Sister Xavier Casey reads suffering and courage in the faces of the children. How eager for learning ! God is close to the refugees. He was with them in the sea. He'll save...but through others...and governments.

■ アイルランド人のシスターは難民の心のバリケードを取りはずした。子供達の表情に、苦しみや勇気を読みとる。シスター・ザビエル・ケーシー。学ぶことに何と熱心なんだろう！ 神は難民のそばにおいでになるのだ。神は、海上でも彼らと共にいらした。神はお救いになるだろう。ただ、政府や様々な人々を通して (P. Tengah)

■ Soeur irlandaise a foncé l'obstacle dans le coeur des réfugiés en faisant la lecture aux enfants. Soeur Xavier Casey surveillait l'éducation des gosses avec coeur tendre, Christ est descendu parmi les Réfugiés, Dieu donnait sa grâce sur la haute mer. Il les sauvera a travers les autres et des gouvernements.

■ Bà sơ khắ ái Xavier Casey người Ai Nhĩ Lan đã vượt mọi ngăn cách, hàng tuần đến cùng người tị nạn, trong mọi hoàn cảnh khó khăn, tại đảo P.Tengah trong giờ cầu kinh.

■ DEPARTURES BY THEMSELVES

Pinned down for one year in Malaysia, 258 people aboard 7 boats dared and survived 22 days of mountainous seas. They wept when welcomed by cheering Australians in Darwin on Nov.23,1977. (Pulau Tengah, Malaysia).

■ TỰ KHỞI HÀNH ĐI ỨC CHÂU

Sau hơn một năm chờ đợi trong tuyệt vọng, 258 người đã quyết định dùng 7 con thuyền nhỏ tiếp tục vượt đại dương hướng đến Úc châu, nơi mở rộng vòng tay đón nhận người tị nạn. Họ đã cập bến an toàn ngày 23-11-77 sau 22 ngày lênh đênh trên sóng gió. (Tại đảo Pulau Tengah Mã Lai).

■ DÉPART VERS L'AUSTRALIE

Après une année d'attente dans le désespoir, 258 réfugiés prirent la décision de reprendre leurs 7 petites barques en route vers la Liberté. Ils prenaient la direction de l'Australie, terre promise à cœur ouvert pour les réfugiés. Le 23 Nov. 1977 ils atteignaient leur objectif sains et saufs, après 22 jours de navigation à la merci de la mer. (Pulau Tengah, Malaisie).

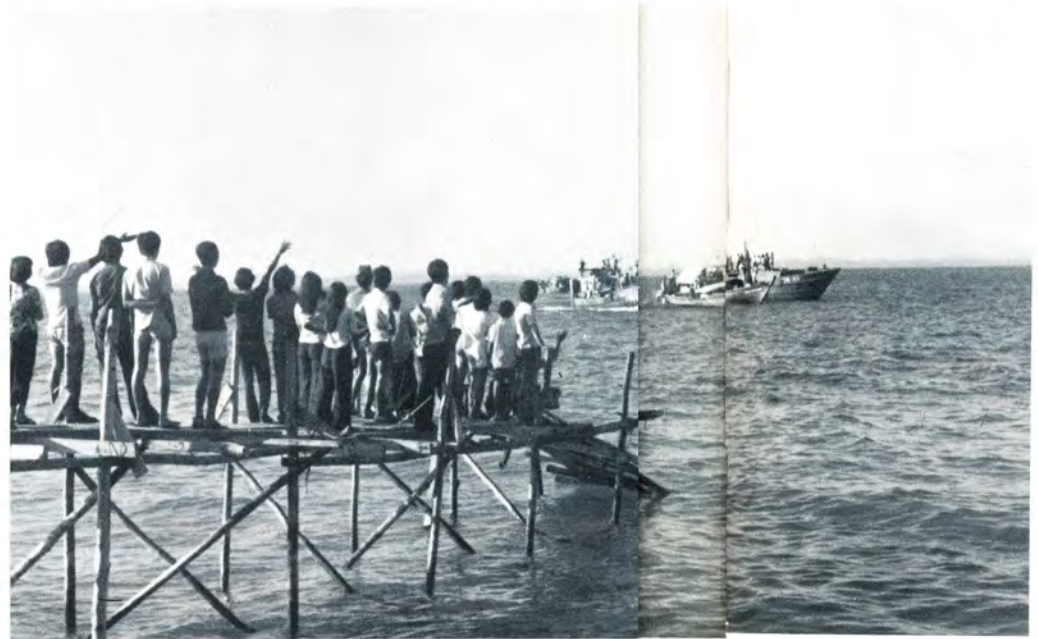
■ オーストラリアへ

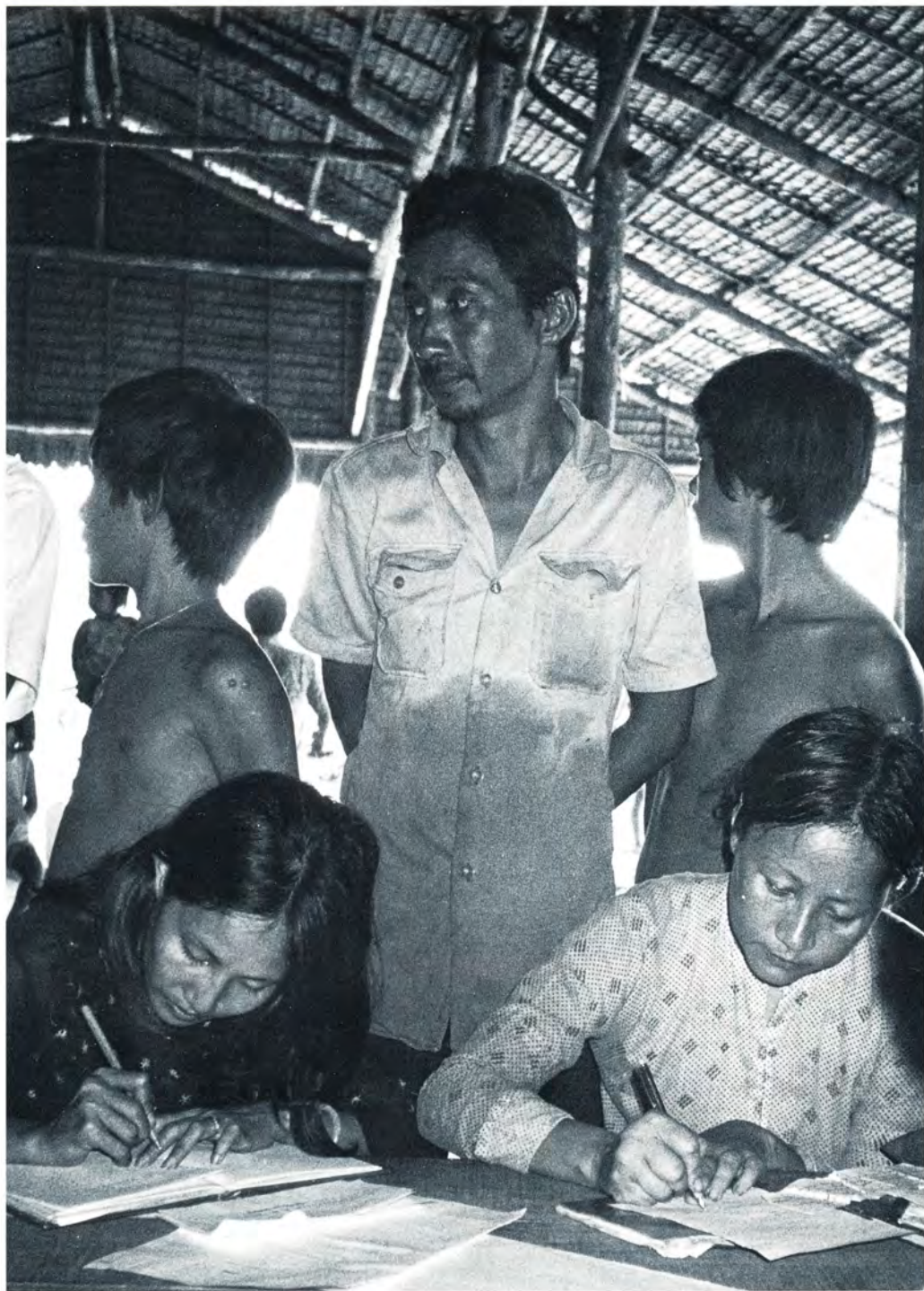
1年間待ったが諦めて、258人は7隻の小舟で大洋を渡って難民を受け入れるオーストラリアに行くことを実行した。22日間の漂流後無事に目的地に着いた。

- Prepare for weighing anchor...
- Chuẩn bị nhổ neo...
- Préparatif avant de lever l'ancre...
- 錨を上げ、出航の準備...



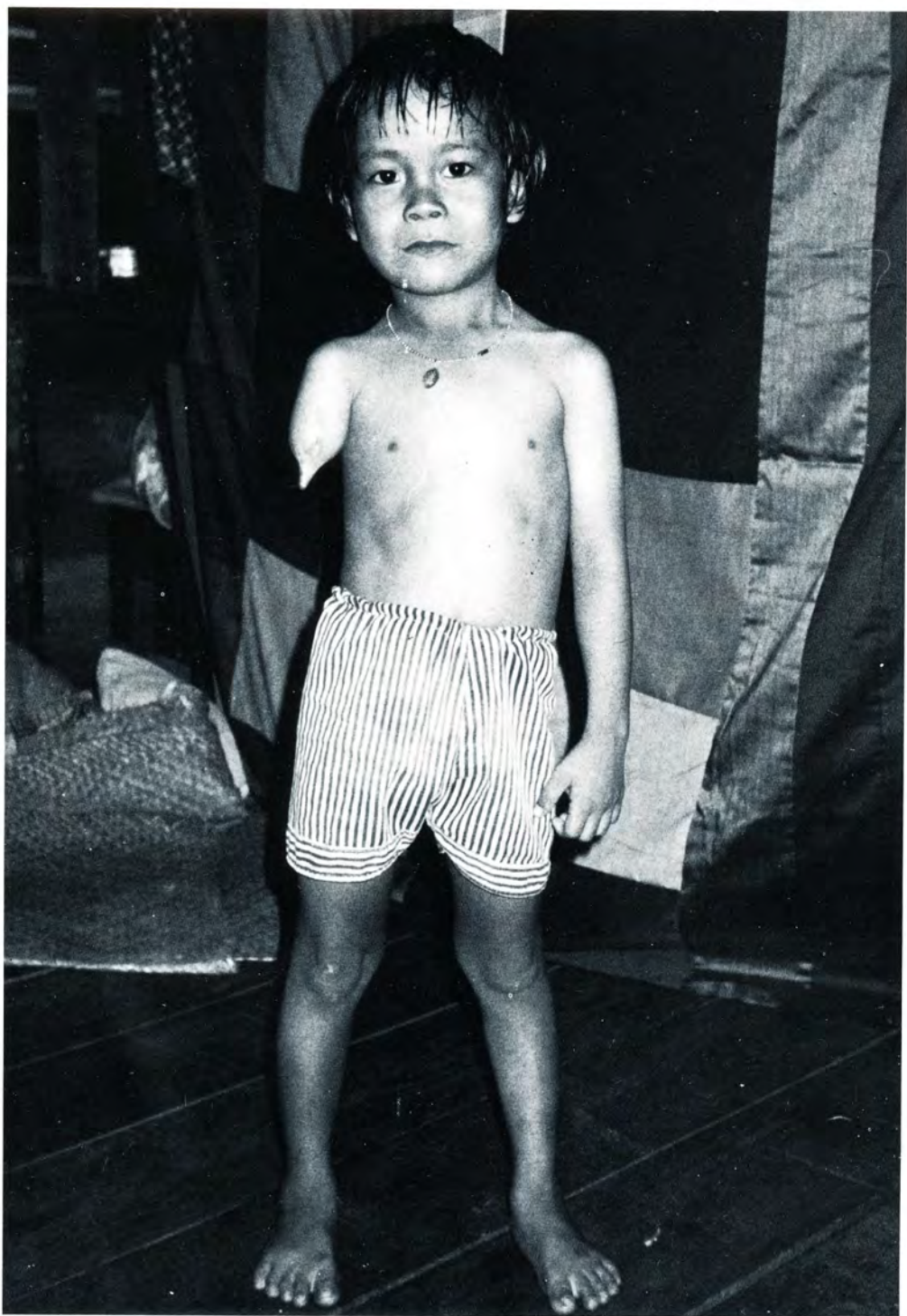
- Good luck!
- Cầu chúc thượng lộ bình an!
- Bonne route et que Dieu vous garde!
- 気をつけて!





- Applications... to free land.
- Làm thủ tục... xin về miền đất tự do.
- Quelques formalités... pour une terre de liberté.
- 手続き一定住地への第一歩

- **BOAT CHILDREN'S LIFE STYLE**
- **NHỮNG HÌNH ẢNH TRẺ EM TRONG TRẠI**
- **LES VISAGES D'ENFANTS**
- **子供の顔**



- Bui Quang Dung, four year old freedom fighter ! Liberation day, April 30, 1975 "freed" one arm...
- Em Bùi Quang Dũng 4 tuổi, ba năm trước đây em đã bị cụt mất một tay trong ngày "hòa bình" 30-4-75, với cánh tay đau buốt vì xương non cứ tiếp tục mọc dài thêm.
- Enfant Bui Quang Dung, 4 ans. Il y a trois ans il avait perdu son bras le jour de "Paix" 30 Avril 1975 ; ce bras continuait à lui faire mal, l'os ne guérissant toujours pas...
- ブイ・クワン・ユン 4 歳。3 年前の解放の日、昭和50年 4 月30日片手を失ない、今は骨が伸びるため毎日痛みを耐えている。

- What are you knitting for baby?
- Em đang đan gì cho bé đây?
- Qu'est-ce que tu tricotes pour le bébé?
- 赤ちゃんのために何を編んでいる？

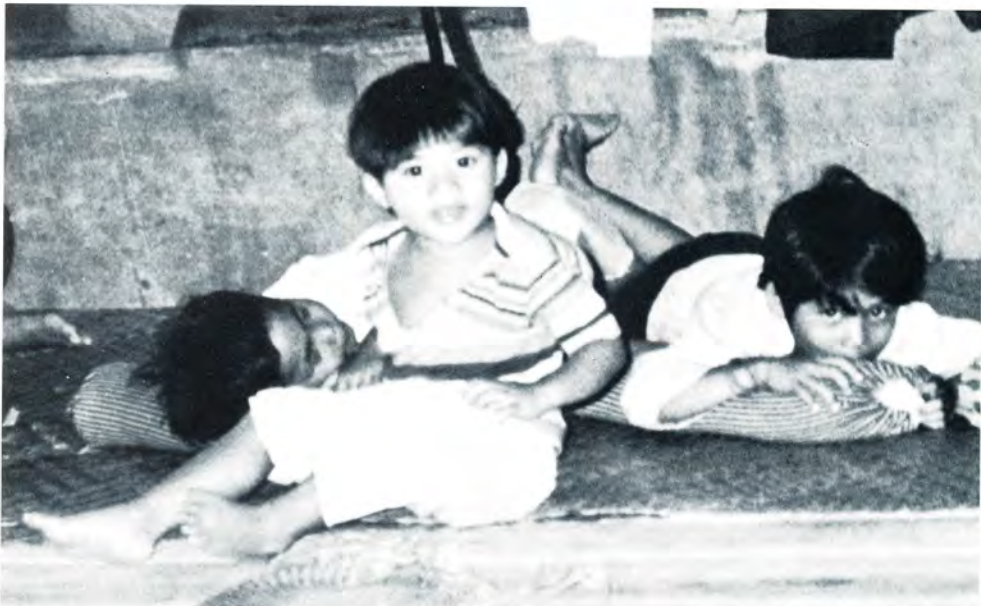




■ Children enjoy their "TODAY" and are careless of "What will be, will be".

■ Con trẻ nô đùa vui với hiện tại không cần biết đến tương lai...

■ Les enfants s'amuse 'Aujourd'hui', ne se soucient pas de 'Que sera, sera...'.
 ■ 子供は笑い、遊んでいる。何もわからない。彼らはほとんど何も無い生活に満足している。



Tanjung Pinang, Indonesia.

タン・ジュン・ピナン
(インドネシア)



■ Their toys are gravel and pieces of paper...

■ Đồ chơi là đá sỏi và giấy vụn...

■ Les jouets sont des cailloux et quelques bouts de papier...

■ 遊び道具は小石と紙切れ

Mersing, Malaysia.

メルシン (マレーシア)



- Morning...she never forgets tooth brushing.
- Buổi sáng...em vẫn không quên đánh răng.
- Le matin...Elle n'oublie pas de se brosser les dents.
- 朝一歯磨きは欠かさない

Pulau Tengah, Malaysia.
ブラウテンガ。



- Wishing for a roof and a school...
- Ước vọng một mái nhà và trường học...
- Ils désirent un toit et une école...
- 一つの屋根と学校をー

Sungai Rengit, Malaysia.
サンゲイ・レン・ギット
(マレーシア)



Mersing Kechil, Malaysia.
メルシン・ケチン



✽
60 % of the refugees are children... tots
Children... need a chance in life...
and the parents risk the family's lives,
rather than leave the tots to a long term
misery in Vietnam.
Children of the south are marked...
Buddhists and Catholics... those who
fought "on the wrong side"...
Children need a roof over head,
a school to learn, a chance to compete.

✽
Dân tị nạn,
với 60 phần trăm là con trẻ...
đang cần có cơ hội dựng tương lai...
Nghĩ như thế, cha mẹ mới hy sinh
cả mạng sống gia đình cho đàn trẻ.
Trốn Việt Nam đây cực khổ vô vàn :
Nơi trẻ con miền Nam bị ghi số,
như con chiên của Chúa, Phật giáo đồ,
như người lính đã không cùng chiến tuyến.
Họ không còn cơ hội để đua tranh,
để làm việc, sống yên và đi học,
để đêm về yên ngủ dưới nhà tranh !

✽
60 % des Réfugiés sont des grosses
ayant besoin d'une chance et d'un
avenir dans la vie
C'est pourquoi les parents devaient
risquer la vie de la famille pour s'enfuir
D'un Vietnam où liberté n'a plus de sens
Où les enfants du Sud moulés,
Catholiques comme Buddhistes
comme soldat de l'autre front
Plus de chance à tout jamais
pour travailler, vivre comme aller à
l'école,
Le sourire s'éteint sur toutes les lèvres.

✽
難民の60パーセントは子供たちだ……
子供たちには、人生のチャンスが必要だ……
だから、両親は子供たちに
ベトナムでのみじめな生活をさせるよりは
家族全員の生命を賭ける
南の子供たちは、マークされている……
仏教徒とカトリック教徒……
“誤った側”で戦った人達……
子供たちには、頭をおおう屋根と
学ぶことができる学校と
競い合うチャンスがない

Letter from East Malaysia

What agonies of heart, longings and hopes scald the souls and bodies of "Boat People", forced to leave their beloved VIETNAM. Mr Doan Van Dien fled from Vietnam and

drifted into East Malaysia on Jan 27, 1977. Here he shares his agony and determination with his close friend Mr. Tan, who was rescued by a merchant ship going to Japan.

Feb. 2, 1978.

Dear Tan,

In my last letter, I wrote you about my escape from Vietnam and about how my life here is going. Today when I received your letter I was deeply impressed. I agree with your opinion about brotherhood and patriotism. Just as you said in your letter, we did not cross the ocean for money or material profit. We decided to leave Vietnam because we could not live in that anti-human communistic atmosphere, which betrays our people. The convenience of money and material things have nothing to do with us. Money is a two-edged sword. Many nations have been ruined because of money.

Many of our people have been caught and killed, or put into a "re-education camp" for the rest of their lives. How many have been lost in the seas! We are among the very few lucky ones... you drifted and landed in Japan, and I drifted and landed in Malaysia. We left part of our hearts in our own home towns. My heart is half empty, cold and hard, and I am so very lonesome. There is no word to describe my feelings. O my Vietnam, O my Homeland!

My wife is still among those who are left in Vietnam. Liên gets up early and goes downstairs to put out the slippers for her husband... but I am not there! I have her image so clearly in my mind. She stands outside the house, contemplating the dissipating happiness, and is empty inside. This kind of agony has just begun. Her heart has been crushed already. When can we meet our loved ones again? When will I meet my darling wife, Liên, again? We cannot listen to laughing voices or whispering voices no more. I have lost contact with the past, and it has all become a memory. My love too is just a memory. The memory is an agony and together with the intuition that we cannot meet each other again, it has become a thorn in my heart from which I suffer constantly. If I should see her again, everything would probably be changed. Everything has become cold and in the past. Love is past and everything is ended. We have to experience parting more than once in our lives. I could not help but slip out quietly without saying goodbye to her. Is my lot that bad? Parting became a bitter, sad, pathetic, gruesome but beautiful memory.

Whenever I recall this, my heart is wounded anew. I have decided that I must use the rest of my life with others, to shorten the way back to Vietnam. In my homeland, there are memorable places, ancestors, my family, relatives and friends. Forced separation from them is a treatment I see as worse than those who suffered under Hitler's dictatorship. Before we left Vietnam, we understood the true character of Communism. I remember one time, two of us were in a coffee shop, and were not free to say what we wanted to say. Now I am free, but if I keep silence, I betray my people and family. It would be like a person forgetting his roots. We don't want to become like that. Let us continue to try. We never experienced such sad things as we experienced when we were in Vietnam. When the communists came to my homeland, we fell into the deepest poverty. Myself included the Vietnamese people, and we did not have one minute of rest and not an hour to ourselves. We were made to work at hard labor, and without sufficient means for sustenance.

How can we who live outside of Vietnam every forget these things? These are unforgettable experiences which we store up as treasures, as we acquired them through our sweat and blood. Let's keep these experiences and use them to help us fight for whatever danger we meet. Even though our way of life may be different, our purposes are the same. We are comrades and friends, aren't we Tan? Tan, this is the second time I celebrate New Year together with the forest at this camp. I would like to send you a New Year's card, but they don't have such things in this camp. Please understand my environment. So, as I wish you a Happy New Year, I want to tell you some things.

I left Vietnam on January 20, 1977. After eight nights at full speed in our boat, we came near to the Indonesian shore, and drifted to Kuching in East Malaysia. Here we stayed for two months, until a boat arrived with refugees from Vietnam. They had to leave because the Malaysian Government would not permit them to stay. Another boat arrived on April 4, 1977, with extraordinary experiences behind them.

7/1/1977

[Faint, mostly illegible handwritten text]

[Faint, mostly illegible handwritten text]

NM-1072 was the boat's number and it came from Long Hai, Phan Thiet district. No sooner had they pulled out to sea at the beginning of their flight, than they were spotted by the sea patrol. The latter shot after them, but fortunately, they escaped. One was killed and six were injured however. The one who died was a twenty-four year old university student, who had four bullets in his body. One bullet entered the eye, and out the back of his head. Two bullets landed in his stomach and the fourth in his arm. The tearful father and two brothers buried him in the sea. The younger brother of Nguyen Ngoc Can was also injured. A bullet pierced his cheek and flew out the back of his head. Another person wounded was a pharmacist named Duc. His sixty year old Mother, wife, four children and his brother had escaped with him. Duc caught a bullet in his back. As you can imagine, there was no medicine or equipment for first aid treatment. Pharmacist Duc was the leader of the boat, and after two days lingering between life and death, he showed the others how to face death bravely. When I heard his last words from the people who had come with him, I was moved to tears. He said :

"I have led my family and all of you to freedom, and even though I die now, I have no regrets. I am satisfied because I did what I wanted to do. Please listen to my final request. If you and my family arrive in a free country, please become useful human beings, and help the Vietnamese find freedom",

As he finished, he passed away. His wife and children fainted as they held his dead body. They respected him so much that they kept his body on the boat for two days. Then they wrapped it lovingly in a heavy military cloth, and buried him at sea. Who did such a dreadful thing ? Are those who caused such deaths and suffering, directly or indirectly, moved to take responsibility for their actions ? When the boat arrived, there were five persons who were injured. Among the injured was a little girl, who had been cut on both feet. Her mother also was injured. While the five people were recovering, the remaining sixty-eight persons had to stay on the boat. It seemed most evident that when the five returned to the boat, they would all be forced to leave. So they burned their boat! In spite of taking care, one was burned and another injured when jumping from the burning boat into the water. When the boat was completely submerged, the seventy-three were allowed to enter the camp.

Around December 1977, a little boat with fifteen people left Vietnam and hit a reef near the west Malaysian shore, and broke into pieces. Nine women and children drowned, but six men were able to swim safely to shore.

Our thoughts at New Year should be hopeful and full of joy. But how can we be such when our homeland and our people come to mind. People are dying now and adding to the number of dead. My reason for saying these things is to encourage you and your desire to continue the fight for our people.

Did I mention that the camp where I am staying is in East Malaysia ? After the opening of the camp, 516 persons have come here. Some have left for West Germany, New Zealand France and America. At the present time, there are only 226 left. There are four camps in West Malaysia, with more than 3000 refugees in them. The Malaysian Government provides the facilities in the West. There are some people in my camp here in the East for twenty months, without finding a third country as yet. Three hundred and seventy one days have passed since I came here. I don't have the faintest notion when I will be able to go to a third country. Don't you think this is a long time in a camp, Tan ? We are living in a country where human rights and freedom are respected. Don't you think there is no Vietnamese abroad who is not moved when he thinks of Vietnam, where all human rights and freedom are denied ?

We shall return to Vietnam.

Goodbye,
Doan Van Dien



Thư gửi Bạn từ Đông Mã Lai

Đâu là những tâm sự thầm kín cùng nỗi gian truân mà người "Tị nạn bằng thuyền" đang gánh chịu.

Chúng tôi xin giới thiệu một trường hợp điển hình qua lá thư của anh Đoàn

Văn Điển trốn khỏi Việt Nam ngày 27-1-1977 gửi cho bạn mình là anh Tân cũng là người "Tị nạn bằng thuyền" đã được một thương thuyền cứu đưa đến Nhật.

Đông Malaysia 2-2-1978

Tân thân,

Thư trước tao đã viết đại khái về chuyến đi cũng như cuộc sống ở đây, hôm nay nhận được thư mày nữa, những lời trong thư mày có lẽ đã đi sâu vào tiềm thức tao. Bởi trí óc này đã bắt gặp những ý tưởng mận nồng tình quê hương nghĩa đồng bào, chúng ta ra đi, như thư mày đã nói chẳng phải vì tiền bạc vật chất ở nước ngoài, chấp nhận ra đi vì không thể sống dưới chế độ cộng sản phi dân tộc, phi nhân bản, thì chúng ta cần tiền bạc, vật chất gì nữa hả Tân? Tiền bạc là con dao hai lưỡi, nó đã làm sụp đổ bao nhiêu dân tộc. Biết bao nhiêu đồng bào đã bị bắt lại, bị hành quyết, hoặc học tập cải tạo suốt đời, và bao nhiêu người đã từ gia cội đời ra đi vĩnh viễn, bằng mọi hình thức, trong những số người này, chúng ta là những người may mắn nhất, mày được đến Nhật, còn tao thì đến Mã Lai này.

Chúng ta ra đi, gởi lại một nửa lòng mình, để cảm thấy trong tâm hồn một khoảng trống mong manh, giá lạnh xâm chiếm bởi sâu rộng thương dài, xâm chiếm bởi niềm cô đơn không tính từ mô tả, ôi... quê hương Việt Nam... Việt Nam. Những người ở lại trong đó có vợ tao, buổi sáng Liên thức dậy, đi xuống gác, thấy đôi dép đó, mà chồng thì ở đâu ?? đứng đó nghĩ theo, đứng đó sưng sờ, nghe như đổ vỡ khỏi đầu, mà khỏi đầu thôi, mà tâm hồn đã tới lá, rã rời, tan nát, biết bao giờ chúng ta gặp lại những người thân yêu, biết bao giờ tao còn gặp lại vợ hiền yêu dấu?! giờ chúng ta chẳng còn được những tiếng cười, giọng nói của mới đây, của hôm qua, thế mà phút chốc đã mất tất cả, giờ còn là kỷ niệm, tình yêu của tao cũng thành kỷ niệm, kỷ niệm buồn, niềm đau trở thành nhức nhối, niềm thương mọc gai cùng với tình cảm chột tới, có thể không bao giờ còn gặp nhau chẳng? mà đâu có gặp nhau, thì tất cả đã đổi thay, tất cả đã thành xa lạ, thì hết rồi, chấm dứt rồi, tình yêu đã về vùng quá khứ. Thế là hết rồi....

Trong một đời người chúng ta hơn một lần phải sống cảnh chia ly, thế mà riêng tao không được một điểm phúc để nói dù chỉ một lời từ già, một mình âm thầm lặng lẽ ra đi. Nên trong những phút già từ là những kỷ niệm đắng, những kỷ niệm đau, những kỷ niệm sâu, những kỷ niệm thắm, những kỷ niệm đẹp, những kỷ niệm làm dâng cảm xúc.

Do đó trong những ngày còn lại của đời người chúng ta, riêng tao phải làm được điều gì để cùng đóng góp với bao nhiêu người anh chị em khác để sớm thâu ngắn đường về quê hương, nơi có vùng kỷ niệm, nơi có mồ mà ông cha, còn ông bà cha mẹ, bà con bạn bè, và toàn thể đồng bào, ngày đêm đang bị một thể chế độc tài đầy đọa, hà khắc hơn Hitler thuở xa xưa, trước ngày ra đi, mày và tao cũng đã biết thế nào là xã hội chủ nghĩa. Đã có lần ngồi uống café mà chẳng dám nói gì, giờ được tự do mà không nói, ngậm miệng là phản bội gia đình, dân tộc, làm kẻ vong bản, trong đời tao và mày đứng bao giờ mang hai chữ này nhé. Trong những ngày chúng ta còn ở Việt nam chúng ta đã chứng kiến những nỗi đau thương, mà có lẽ cuộc đời chúng ta chưa bao giờ biết thấy.

Họ đến làm dân tộc ta nghèo khổ, họ đã đọa đầy dân tộc trong đó cả hai ta phải lao động, không một chút rảnh rang, không một giờ thoải mái, cơm không đủ ăn, áo không đủ ấm; bây giờ ra nước ngoài chẳng lẽ quên sao, quên làm sao được hả Tân?

Đó là những kỷ niệm khó quên trong một kiếp người, đó là những vốn liếng gần 2 năm trời chúng ta đã có, hãy nắm giữ nó, bao bọc nó trong kho tàng kỷ niệm, làm tiềm năng cho sinh lực để dẫn thân đấu tranh cho dân tộc bất cứ trường hợp và nguy hiểm nào. Tao và mày đâu có khác nhau về lối sống, nhưng hẳn một điều là chúng ta cùng chí hướng và chắc hẳn tao và mày là chí hữu nhé.

Tân ơi, ăn cái tết này nữa là 2 cái ở trại tị nạn mà xung quanh chỉ có cây rừng là bạn hữu. Ở trong trại tị nạn này muốn gởi card mừng xuân cho Tân nhưng chẳng có card xin thông cảm cho thằng bạn mày nhé. Thôi vậy, câu chuyện sau đây thay card chúc tết đầu năm nhé:

Tao rời Việt Nam đêm 20-1-1977 chạy 8 ngày đêm ghé bờ biển Nam Dương và đến được Kuching thuộc miền Đông Mã Lai, ở đây được 2 tháng thì có thêm 2 thuyền Việt Nam đến, nhưng chính quyền không nhận, và sau đó không biết họ đã đi đâu? Cho đến ngày 4-4-77, 1 thuyền khác lại đến nữa, chiếc này khá đặc biệt, thuyền mang số MN-072 ở Long Hải Phan Thiết, khi vừa khởi hành họ bị đội công an biên

東マレーシアからの手紙

ホード・ビーブルの、堪えている困難と人には分らない彼らの気持。
次に紹介されるトグ・ヴァン・ディエンの手紙はその典型的なケースである。彼はベトナムを
脱出し、昭和52年1月27日東マレーシアに漂着した。この手紙は彼の友人タン氏に送ったもので
ある。タン氏も同じホード・ビーブルであり、ある商船に救助されて日本に着いた。

東マレーシア、1978年2月2日

親しいタンへ

この前の手紙で俺は脱出のいきさつと、ここの生活の概略を述べた。今日、お前の手紙を受けたばかりだが、お前の述べたことは俺の潜在意識に深く刻まれてしまった。俺たちは愛国心と同胞愛には意気投合したわけなんだ。お前の手紙に書いてある通り、俺たちは金と物質的利益のために海外に脱出したのではない。俺たちは、民族を裏切る非人道的な共産制度に生きていられないからベトナムを出ることに決めた。従って、俺たちは金と物質的便宜に拘わる必要がない。金は二枚の刃を持つかたなのだ。金は多くの民族を亡ぼした。多くの人々は捉まって殺され、あるいは一生“再教育収容所”で過ごさなければならなかったり、

多くの人々は海の中に消えていったりしている。俺たちは幸運に恵まれた少数の人間で、お前は日本に、俺はマレーシアに漂着した。

俺たちは郷里に心半分を残して出て来た。今の俺は心が半分虚しく冷たくっており、どんな形容詞でも表現できないほど郷愁に覆われている。ア、ベトナム、俺の郷里ベトナム。そこに残る人々の中に俺の妻がいる。朝起きてベッドを降りたりエンはスリッパーを見つけたがそれを履いたはずの夫の姿はどこにも見えない。アイツの姿は俺の頭にはっきり浮んでいる。家の前に立って、心虚しく、幸福の崩れる音を噛みしめている。崩れは始まったばかりだ。しかし心はもう粉々に壊れ落ちてしまった。いつわれわれは親しい人に再会できるだろう、いつ俺は最愛の妻であるリエン

⇒

phòng bắn vào thuyền, nhưng họ may mắn chạy thoát, đến sáng kiểm lại, thì đã chết 1, bị thương 6 người, người chết này là một anh sinh viên 24 tuổi bị bắn trúng 4 viên, 1 viên đạn vào mắt trở ra sau đầu, 2 viên vào bụng, 1 viên gãy cánh tay, sáng hôm đó họ đánh thủy táng. Có cha và 2 đứa em hiện có mặt ở trên thuyền, đứa em kế anh SV chết này tên Nguyễn Ngọc Cảnh cũng bị thương, 1 viên đạn trúng vào má trở ra sau gáy, thêm một người bị thương nữa là ông Dược sĩ Đức, ông đem theo được 1 vợ và 4 con, 1 mẹ già 60 tuổi, và vợ chồng người em trai ruột. Ông bị 1 viên đạn trúng sau lưng nhưng không trở ra, trong cơn hiểm nghèo này làm sao tìm ra thuốc chữa, 2 ngày sau, biết khó lòng qua khỏi, ông đã gắng gượng chỉ cho mọi người phương hướng đi trên hải bàn 1 lần chốt, vì ông là người chủ chốt chuyến đi này, 1 câu nói mà tao chỉ nghe lặp lại mà thấy thấm thía, ông nói: “**Tôi đem được gia đình tôi và tất cả anh chị em ra được phần đất tự do, rồi chút nữa đây tôi có chết tôi cũng mãn nguyện lắm rồi, và 1 lời cuối cùng của đời tôi là mong ước rằng khi gia đình tôi và anh chị em đến được bến bờ tự do, thì hãy cố gắng trở thành người hữu dụng để giúp đỡ đồng bào ta đang khao khát TỰ DO ở Việt Nam...**”. Rồi ông ta gục chết, vợ con đã ôm xác ông mà ngất đi.

Mọi người trên thuyền đều quý mến ông, nên đã để xác ông lại trên thuyền đến 2 ngày và sau đó bó ông vào 1 bông xô nhà binh rồi thủy táng. Ôi những hình ảnh thảm thương đó sao lại xảy ra, ai là người trực tiếp hay gián tiếp gây ra những thảm cảnh này, ai là người nhân lãnh trách nhiệm? Khi thuyền này đến đây trên thuyền còn lại 73 người, thì 5 người đang bị thương, được chính quyền địa phương cho vào bệnh viện điều trị, trong số bị thương có 1 bé gái 1 tuổi tên Nhã bị bắn đứt mất 2 ngón chân và người mẹ cũng bị thương. Hơn 1 tháng trời, trong khi chờ đợi 5 người bị thương chữa trị thì 68 người còn lại vẫn không được phép lên bờ, tiếp tục sống dưới thuyền. Và người ta dự đoán là chiếc thuyền này sẽ bị đuối đi khỏi đây, họ đã bàn với những người trên thuyền nếu họ đuối thì cứ dàn cảnh đốt thuyền, chứ đừng đi. Quả đúng họ bị đuối, những người ở dưới thuyền đã phải tổ chức làm cái việc chẳng đáng dừng đó, đốt thuyền làm sao mà lại xảy ra những điều đáng tiếc nữa chứ, tính lại, 1 người bị cháy bỏng cả chân, 1 người nhảy xuống sông, nhưng không may ở dưới sông có cây cọc đâm lên nửa chừng nước, vì thế khi nhảy xuống cây cọc đâm ngay vào ngực tưởng là chết rồi chứ. Sau khi chiếc thuyền chìm hoàn toàn, họ mới cho 73 đồng bào mình lên trại tạm cư.

⇒

に再会できるであろう！今俺たちは笑い声、囁きを聞くことができなくなった。

すべてを失い、すべてが思い出になってしまった。俺の恋も思い出になってしまった。悲しい思い出は苦痛になって、一生逢えなくなるかもしれないという直感と共に俺の心を苦しめている。もし再び逢えてもすべては変わってしまったのだ。すべてがよそよそしくなって、すべては過ぎてしまった。恋は過去になって、すべては終わってしまった。

われわれは生涯に一度は別離と遇わなければならない。それなのに、俺は別離の言葉を一言も言えないで秘かに出ていってしまわざるを得なかった。俺の運命はそんなに悪いのか。別離は苦い、悲しい、哀れな、凄惨な。そしてきれいな思い出になって、思い出される度に、心に新たな傷を負わせられてしまう。

だから、俺は生涯に残ったすべての日々を、郷里への道を縮めるためにみんなと力を合わせて何かをやるのに使わなければならないことを決めた。郷里には思い出の場所があり、先祖の墓があり、両親、家族、親類、友人もあそこにいる。そしてあそこには民族はヒトラーのナチ以上に残酷な独裁制度に虐待されている。ベトナムを出る前に、俺たちは社会主義の正体をはっきりつかんだ。あの時、二人は喫茶店でコーヒーを飲みながら言いたいことも話し合えなかった。今、自由があるのに、何も言わないで黙っていることは民族、家族

を裏切ることだ。人間味のないヤツだ、俺たちは一生このような人間にならないよう頑張ろう。

ベトナムにいた時、俺たちはどこにも見たことのない悲しいことをたくさん体験してきた。（共産主義者の）やつらが郷里に来て、民族を貧しさのどん底まで落してしまい、俺たちを含むベトナム民族に一分の休憩もなく、一時間のやすらぎも許さず、生きるための最低の食糧と衣類さえも十分に与えず、強制労働をさせている。今海外にいる俺たちはどうしてこのことを忘れることができるであろう？

それは一生忘れがたい体験であり、俺たちが二年近く血と汗で貯えた貴重な財産だ。この体験を保存し、それを生かして、どんな場合でも、どんな危険に遭遇しても、民族のために闘争する力として使おう。俺たちは生き方が異なっても目標、生きがいは同じだ。俺たちは“同志・友”だね。そうじゃないか、タン？

タン、俺はこの難民収容所で林を友に今度で二回目の正月を過ごすことになる。お前に年賀状を送りたくてもこの収容所の中にそんなものはない。俺の環境をわかってくれ。お詫びに俺の年賀状として次のことを話す。

俺は1977年1月20日ベトナムを出た。8位夜前を全速力で走らせ、インドネシア海岸に寄った後、東マレーシアのクチングに漂着した。ここで二月月過ぎた頃、二隻のベトナム難民の舟が着いた。しかしマレーシア政府は受け入れないので、どこ

Tháng 12-77 vừa rồi, phía Tây Mã Lai có 1 chiếc thuyền đi từ Vũng Tàu, trên thuyền tất cả là 15 người, khi chạy đến gần Mã Lai, lại đâm vào một hòn đá ngầm, bể thuyền, những người đàn ông biết lội, lội vào bờ được 6 người, còn 9 đồng bào, vừa là trẻ em, đàn bà và đàn ông không biết lội, đành chịu chết. Thật thảm thương, lẽ ra những ngày tết sắp đến tao không muốn kể những chuyện đau buồn này, nhưng nghĩ về quê hương và dân tộc, chúng ta vui làm sao được, có vui chăng? khi mà những đồng bào mình đang chết và sẽ chết, tao muốn kể những điều trên, để mây tầng bầu nhiệt huyết đấu tranh cho dân tộc mình.

Trại mà tao đang ở đây tính từ khi thành lập trại cho đến giờ, trại có tất cả là 516 người, trong đó này có một số đồng bào đã đi Đức, Tân Tây Lan, Pháp, Mỹ, hiện giờ trại chỉ còn 236 người

thôi. Trong khi đó ở phía Tây còn khoảng 3000 người chia ra làm 4 trại, nên họ phải lo phía Tây trước vì con số quá đông.

Trại tao hiện ở có những đồng bào ở tới 20 tháng mà vẫn chưa đi, còn riêng tao tính đến ngày hôm nay ở đây được 371 ngày rồi mà không biết chừng nào đi đến nước khác được, kể cũng lâu hả Tân? không ngờ thời gian trôi mau quá. Chúng ta là những người sống trong những quốc gia mà nhân quyền và tự do được tôn trọng, thì ai không sung sướng, nhưng mỗi lần tao nghĩ về Việt Nam nơi mà nhân quyền và tự do không được tôn trọng thử hỏi lòng ai không xúc động !!!

MAI NÀY CHÚNG TA CÙNG VỀ VIỆT NAM

Thân chào,
Đoàn Văn Điền.

□

かへ行ってしまった。さらに、77年4月4日に、ある舟がまた着いた。この舟は特別な状態にある。舟の名前はMN 1072で、ファンティエト省のロンハイから出発した。海に出た直後、彼らは海上警備隊に見つかり、射撃されながらも運よく逃げ切った。朝になって舟を点検した際、一人が死に、六人が負傷したことがわかった。死んだ人は24歳の大学生で、4発の銃弾が体に当たった。一発が目から後頭部を貫いていた。2発が腹に、残りの1発は腕に当たった。その朝、彼を水葬にした。死んだ人の親父と2人の弟もこの舟に同乗していた。グエン・ゴク・カンさん（死んだ人の名前）のすぐ下の弟は負傷し、1発の銃弾が頬から後頭部を貫いていた。もう一人の負傷者は薬剤師のドックさんだ。彼は60歳のお母さんと、妻と4人の子供と、1人の弟を連れて逃げてきた。彼の背中に1発が入って貫けていなかった。お前も解るように、あの状態では治療・応急手当などの薬を探しようがないのだ。だから2日後、臨終の時、舟のリーダーでもあるこの薬剤師は最後の力をこめて舟の進むべき方向を教えた。この舟に乗った人から、彼の最後の言葉を聞いて俺は涙を流してしまったのだ。「私は家族とみなさんを自由のある所まで導いたから、間もなく死んで行っても悔いはない。私は願いが叶って満足です。私の最後の願いを聞いてください。もし私の家族とみなさんが自由の国に着いたら、どうか有益な人間になってベトナムに残り自由を渴望している同胞を助けてください。」こういって、彼は息を引取ってしまった。妻と子供は夫と父の死体を抱いて気絶してしまった。

舟に同乗した人々はこの人を尊敬し、愛していたので、彼の死体は2日ほどそのまま舟に置かれた。それからみづなにして貴重で、軍隊の丈夫な布で彼の死体を包んで水葬にした。こんな凄惨な悲しいことは誰が起こしただろう？直接的に、間接的にこのことを起こさせた人々はこの責任を負うのだろうか？

この舟がここに着いたとき、負傷した5人は病院に収容され、この中に、足指2本を切られた小

さな女の子と負傷したその母も含まれている。この5人が完治するまで残りの68人は上陸できず、舟の上で生活せねばならなかった。いつか追い出されると思った彼らはその対策として、出て行かずに舟を燃やすことに決めた。万全を期してこの計画を実行せざるをえなかったが予想通り1人は足全体に火傷し、1人は海に飛び込んだ時海の底から伸びていた木が胸に当り気絶してしまった。

舟が完全に沈没した後に、73人は収容所に入ることを許された。

77年12月ごろ、ウン・タウを出発し、15名を乗せた小舟はマレーシア西海岸の暗礁にぶつかって粉々に壊れてしまった。6人の男は海岸まで泳ぎ着いたが、9人の女と子供はおぼれてしまった。

正月に、こんな悲しい凄惨なことを話したくないが、郷里と民族のことを考えると、俺たちはうれしくなれないはずだ。同胞が死んでいったりしているのに、俺たちはうれしいはずがないだろう？こんなことを話し、わが民族のためのお前の闘争心をもっとかり立てるのが俺のねらいなんだ。

さて、俺の住んでいる収容所は東マレーシアにある。このキャンプが設けられてから516人がここにきた。その中で、ある人は西ドイツに、ある人はニュージーランドへ、フランスへ、アメリカへ行った。今は236人しか残っていない。ところが西マレーシアの4つの収容所に住んでいる難民の数は3千人を越えている。だからマレーシア政府は西マレーシア方面の方に便宜をはかっているのだ。

俺の収容所には20ヶ月も住んでいるのにまだ定住国のみつからない人もいる。俺はここにきてから371日を過した、いつ定住国に行けるか見当もつかないのだ。収容所の期間はちょっと長いと思わないか、タン？われわれは現在人権と自由が尊重される国に住んでいる。しかし、人権と自由が絶対認められないベトナムを思うと、心を動かされない人が居ると思うか？

明日、ベトナムに帰れるように、

さようなら

ドアン・ヴァン・ディエン

□

The current situation of the BOAT PEOPLE in South East Asia

The war in Indochina peninsula ended three years ago. Yet for the first time in history, Viet people have fled their own country, human rights and freedom and life itself denied to them. Newspapers and magazines all over the world have carried the stories of a new people, the "boat people". Who are they? What is their fate? Many people have but a vague answer to both questions. This book will try to show the reader the reality. As one writer put it, "Of all the horror stories in today's world, the story of Vietnam "boat people" is probably the most horrible". If their little crafts reach the coast of a neighboring country, they risk being pushed out to sea again at gunpoint, or they may be thrown into dismal camps, often after being robbed, beaten or raped. Some must exist aboard their ships, refused a step ashore under penalty of a bullet. Chances of being selected for immigration to one of the western countries, after agonizing months or even years of waiting, are slim.

I. REFUGEE CAMPS IN SOUTH EAST ASIA.

1- THAILAND

Thailand has over 100,000 refugees from the Indochinese countries. Most of them are from Laos and Cambodia. Vietnamese are about 3500, almost all of them "boat cases", and living in three large camps.

LAEMSING, CHANTHABURI. It is in South-east Thailand near the border of Cambodia. In October, 1977 there were about 1300 men, women and children all hemmed within a narrow area off the sea, with the mountain and jungle at their back. They've built make-shift structures of coconut leaves or poncho cloth as roof, or remain in the battered junks which afford some relief from sun and rain. Well water is there but not drinkable, and drinking water is brought into the camp. Many have been here over a year, and little hope of any resettlement in a third country.

SIKHIU CAMP, NAKHONRATCHASIMA.

Over 1000 Viet refugees are in this camp 300km northeast of Bangkok. Almost every one escaped by trail through the jungle between Vietnam and Laos, with the exception of some

Vietnamese who had lived in Laos before the communist take over in Indochinese countries. This camp also is wired in and visitors are not permitted.

SONGKHLA CAMP.

In October 1977 there were about 1240 refugees here, south Bangkok, 160 km. toward Malaysian border. There were also 400 aboard junks and boats hoping to be permitted landing. But in late October 1977, these people were pushed out into the sea. Following a pattern for the camps in Thailand, this one also is fenced in by wire and the inmates sheltering themselves with most primitive means... coconut leaves, wood, any thing to shield from sun and rain.

IN BANGKOK, there are two facilities to accommodate several hundred people. These come from the various Thailand camps, having been accepted for resettlement in a third country. Here the legal paper work is completed and people readied for transfer to permanent residency abroad. The United Nations care for their essential needs, and there are no problems.

In general, life in the Thailand camps is such that it is bare existence, with quantity and quality of food questionable. Food allowance amounts to U.S. currency, US\$0.20 per day for each person !! Furthermore the corruption of local authorities strips the refugees of all dignity and respect, not to say of any cherished item they might have brought on their person when they fled... and this for so called "privilege". Refugees are confined to the restricted area, and to keep the world in ignorance of all this, visitors are absolutely forbidden.

2- MALAYSIA

As of October 20, 1977, there were 12 "boat people" camps scattered on the coastline. Each place was formed by several ships landing, having run out of fuel and food, exhausted by the long trip. Some had been pushed back out to sea from Singapore or Bangkok, refused even docking facilities. They had set out again for the shores of Malaysia in the Gulf of Siam, having broken their engines or their junks, in order not to be able to be ordered

back into the sea again. At these camps, local police were sent to check them, and to prevent them from leaving the restricted area. The conditions in these camps are most primitive. They live on the junks, sampans, rafts... or huddle in some permitted areas of a beach under tree shade. Exposed to rain and sun, refugees built make-shift shelters of wood, pieces of canvass and military poncho cloth.

The barely surviving existence is made more distressful because of the interminable wait to learn anything about possible resettlement. The cold indifferent attitude of the authorities to the misery of these people would shock an informed world. No one is permitted to take pictures, so the outside world can not learn the inhuman existence in these Malaysian camps. Local people would befriend the suffering "boat people", but are afraid to go near what are inhuman pens. Kuantan seems to be the very worst of the camps as far as enforced security. The two camps in Kuantan are isolated with wire fences. Those wired off are denied sending or receiving of mail.

Refugees in Malaysia receive an allowance for food from the office of the United Nations High Commissioner for Refugees through the Malaysian Red Cross. It is equivalent to \$ 0.3 per day in US currency, and questionable as to whether a person can long survive on that amount. Visitors are restricted to the priests who come for religious ceremonies, and immigration officials from other countries, who come to arrange resettlement for a limited number who qualify for a third country.

After October 15, 1977, scattered refugee groups along the coast line in the state of Johore were moved to a small island 10 miles off shore of Mersing.

The total in early Feb. 1978 numbered about 4,500 in the camps in Malaysia alone. In January 1978, even with monsoon off the coast of Vietnam, 1361 refugees arrived in Malaysia, loaded in crowded fishing boats.

3- SINGAPORE

All vessels which rescued the refugees almost always called on Singapore, and asked for permission to land. Since April 30, 1975, 456 refugees took shelter here.

In Singapore there are two places providing housing and accomodation for refugees :

YMCA CHINESE KATONG CENTER.

Since 1975, up until Sept 20-1977, there have been 107 persons rescued by foreign vessels dropped off here. These vessels are required to assure Singapore that they will be responsible for the refugees, in the event that a third country of refugees' choosing refuse them for resettlement. The ship owners must deposit a large sum of money US \$4,000 as an assurance guarantee for the refugee. The refugee may stay for only three months, to give sufficient time for possible eligibility for resettlement in a third country. After this period, they have to go to the country to which the rescuing ship belonged. During the three months, they have to survive on a US dollar a day, provided by the office of the United Nations High Commissioner for Refugees. This is rather a very modest sum according to living expense standards in Singapore. Refugees are permitted to walk around freely from their housing area.

FISHING BOAT AREA

The number of refugees here at any one time varies. For instance, in September 1977 there had been 36 people. They lived on their tiny fishing boat which had brought them from Vietnam. The local police quizzed them strictly upon their arrival. Daily the police called two or three times, checking their presence and activity. They were absolutely prohibited from leaving the boat. A group that had arrived shortly after the fall of Saigon, had been there under those desperate conditions for almost three years. With the protest from local sympathizing people, they were permitted by the authorities to go fishing, and to sell their catch on the Singapore market. Singapore did not forbid people to visit the refugees.

4- INDONESIA

There are three facilities for refugees. One in Jakarta, is for those being readied and accepted by a third country. They are here only for a short time in preparation for departure. The other two are on an Island in Tanjung Pinang. The refugees live in a warehouse of a shipping company, converted into living quarters. Aid is provided by the office of the United Nations High Commissioner for Refugees, through local authorities and private supply company. The allowance is US\$0.30 per day per person. Refugees can go out freely in a human way, and visitors are not only permitted but welcomed. Of course life here is day-and-night difference to other camps in Asia.

5- PHILIPPINES

Although the Philippines is distant from Vietnam, 1500 km, with the deepest seas in the world between, the Vietnamese have risked it all and arrived in goodly numbers. After the Communist take-over in their homeland, thousands have fled in tiny fishing boats no bigger than 10 m by 2 m, and some arrived in the Philippines. Undoubtedly, many had their little junks burst asunder beneath them, and lay at the bottom of the deep ocean. Up until late in 1977, over 2000 had arrived. During the monsoon season in January 1978, 55 arrived. There are two camps for the refugees, preparing them for third world resettlement. Life in these camps is austere but fair, and the refugees are grateful. There are about 700 in Philippines now.

II- EFFORTS TO HELP "BOAT PEOPLE".

The world knows that thousands of Indochina refugees have escaped their homeland, in junks, drum-can made barges and in almost anything that will float and move. Undoubtedly some are drifting on the Asian seas as you read this, often passed up by dozens of ships, some finding peace... at the bottom of the seas. The life of the "boat people" in Asian countries where they are permitted to land is, in general, very primitive. The first effort to go to their rescue in an organized way was made by the Asian Conference on Religion and Peace in November 1976. In the declaration of the Commission on Peace, Security and Human Dignity in Asia, we read :

"In this connection, the members of the Commission expressed their deep concern with the fate of the refugees from Indochina who are floating on the South China sea without any country willing to accept them, and with practically no food supply. Since the Asian Conference on Religion and Peace is meeting in Singapore it would be a great opportune service, to humanity and to peace, if the ACRP explored all possibilities to help these floating refugees, and also other refugees such as in the MiddleEast, whose case is one of the most flagrant manifestation of the violation of human rights".

Later, the "Boat People's" project sponsored by the World Conference on Religion and Peace and the Asian Conference on Religion and Peace Chartered two ships, Leap Dal and Roland were sent to South China seas to pick up refugees. But this project did not meet with success because of efforts to make it fail on the part of groups and even Governments. In certain countries, distressed refugees got into trouble with governments, whose primary aim was to undermine the praiseworthy aim of the two ships. Governments refused to permit refugees to disembark from the two ships. The project suffered from other reasons, and funds became a major problem too. With cooperation and an understanding of difficulties involved, the project could have probably succeeded. But it could not be successful with pressure from every side.



■ Refugees aboard Roland.

■ Dân vượt nạn trên tàu Roland.

■ Bateau Roland dans le programme de sauvetage.

■ ベトナム難民と彼等の船 Roland 号



- Leap Dal and "Boat People" rescued at Southeast Asian seas.
- Tàu Leap Dal và dân vượt nạn được cứu vớt tại Đông Nam Á.

- Le Leap Dal et des réfugiés rescapés au Sud-Est Asiatique.
- 東南アジアの国々に救出されたベトナム難民と Leapdal 船

III- DIFFICULTIES OF THE ISSUE .

Recent policy of some Governments toward arriving "boat people" in South East Asia amount to a "go and die, but not here" stand. Creaking vessels are refused landing privileges, and towed out to sea if they try to dock. If they manage to land before authorities are present, one Government has patched the ships so that it will float, and forced them again out to sea. If they return, they are warned, they will face bullets. Some have had to turn about, with gunfire the result if they don't. Often these ships will then attempt the long trip to Australia, where rumor has it, they will receive a warm reception.

From late 1977, Thailand Government ordered all arriving "boat people" boats to be immediately pushed out into the sea. The Malaysian Government, however, agreed to let these unhelped, unwanted witnesses to freedom, go ashore at least temporarily. Because of this, the number of arrivals in late 1977 and early 1978 increased to 8335 from 1080 in 1976.

Waters off Cambodia and Thailand have proven to be a corridor of horror, as fleeing refugees are killed, raped and robbed by sea bandits who freely operate in those waters. At Laem Sing, 80% of the "boat people" had been seized, and their sentimental items of ancestors

they treasured, ripped from them, along with anything of the least value. Local Government authorities are well aware of all this, but close their eyes, ears and hearts!

The Singapore Government has demanded that vessels bringing in refugees deposit a guarantee of US\$4,000 per person, to assure the resettlement of the refugee in a place other than Singapore. This puts pressure on the ship Companies and schedules of the ships, and may it not account for so many reports of refugees having their SOS ignored by so many vessels? Could not a plan be worked out which would even reward a Captain for assisting people in distress? Or has this traditional law of the sea been set aside during the agony of the "boat people"?

Japan's highly restrictive policy towards the Vietnamese "boat cases" is only accidentally less frigid than the other nations in Asia with closed ports to the refugees. Recently it is reported, there was an instruction given to all Japanese ship corporations which frequent the waterways of South East Asia, not to rescue the refugees because it would embarrass the Government's dealings with the present Government of Vietnam.

(This report has been denied by officials in the Japanese Government). □

Tình trạng người tị nạn tại Đông Nam Á

Chiến tranh tại Đông Dương đã chấm dứt 3 năm nay, nhưng đây là lần đầu tiên trong lịch sử, người Việt Nam phải lìa bỏ đất nước, nơi mà nhân quyền, tự do và sinh mệnh cũng bị cưỡng đoạt. Báo chí thế giới đều loan báo tin tức về một loại người mới : "Người tị nạn bằng thuyền" - "boat people". Họ là ai ? Số phận họ ra sao ? Nhiều người cố gắng giải đáp những chỉ là những câu trả lời mơ hồ về cả hai câu hỏi trên. Quyển sách này sẽ cố gắng trình bày cho quý vị thực trạng những người này.

Như một tác giả đã viết : "Trong tất cả chuyện kinh hoàng ngày nay, câu chuyện của những người Việt tị nạn bằng thuyền có lẽ đáng hàng đầu". Nếu thuyền của họ đến các quốc gia lân cận, họ sẽ bị đuổi ra biển trở lại dưới họng súng, hay bị thả vào trong các trại tị nạn tù túng, thường là sau khi bị cướp bóc, đánh đập và cưỡng hiếp. Một số người phải ở ngay trên thuyền cảm không được đặt chân lên mặt đất. Hy vọng được định cư tại các quốc gia Tây phương sau nhiều tháng hay hàng năm chờ đợi thật là mong manh.

I— CÁC TRẠI TỊ NẠN TẠI ĐÔNG NAM Á.

1- THÁI LAN.

Thái Lan hiện có hơn 100000 người tị nạn Đông Dương. Hầu hết từ Lào và Campuchia, người Việt gồm chừng 3500 người và phần lớn là "người tị nạn bằng thuyền", và sống tại 3 trại lớn là :

LEAMSING, CHANTHABURI:

Trại này ở phía Đông Nam Thái Lan, gần biên giới Campuchia. Vào tháng 10-77 trại này có khoảng 1300 người chen chúc trong một khoảng đất chật hẹp, ngoài là biển, trong là núi và rừng cây. Người tị nạn sống trong những chòi nhỏ mái lá hoặc che bạt, hay trên những khoang thuyền nhỏ của họ. Trong trại có giếng nhưng nước giếng không dùng được, hàng ngày nước uống được chở đến từ bên ngoài. Có nhiều người đã ở đây hơn một năm mà vẫn chưa được một quốc gia thứ ba nào chấp nhận.

SIKHIU, NAKHONRATCHASIMA:

Ở phía đông bắc Vọng Các chừng 300 cây số, có khoảng hơn 1000 người tị nạn Việt Nam.

Hầu hết là những người vượt thoát bằng đường rừng qua ngã Lào rồi sang Thái. Một số khác là Việt kiều ở bên Lào chạy sang. Trại được rào kẽm gai kỹ càng và không ai được đến thăm người tị nạn.

SONGKHLA:

Nằm ở miền Nam Thái Lan, cách biên giới Mã Lai 160 cây số. Vào tháng 10-77 có khoảng 1240 người ở tại đây. Trong số này có chừng 400 người sống trên thuyền chờ đợi để xin lên bờ. Nhưng đến ngày 25-10-77 họ đã bị đuổi ra khơi. Giống như các nơi khác, trại này bị rào lại. Dân tị nạn sống tạm trú trong các căn chòi dựng lên bằng vật liệu thô sơ nhất như lá dừa, gỗ và mọi thứ có thể che được mưa nắng.

BANGKOK :

Tại Vọng Các có 2 trung tâm chứa được vài trăm người. Những người này được đưa về từ các trại tị nạn trên đất Thái để hoàn tất thủ tục giấy tờ đi nước khác. Liên Hiệp Quốc chăm sóc họ nên không có vấn đề khó khăn gì cả.

Nói tóm lại, đời sống trong các trại tị nạn ở Thái Lan là cực khổ nhất vì chỉ được trợ cấp khoảng 0.2 Mỹ kim mỗi ngày. Hơn thế nữa, nạn tham nhũng của chính quyền địa phương đã gây phiền nhiễu nhiều cho người tị nạn. Họ bị cấm ra khỏi phạm vi trại để thế giới khỏi hay biết. Việc viếng thăm những người tị nạn bị cấm chỉ hoàn toàn.



Refugee camp in Songkhla, Thailand.

Trại tị nạn tại Songkhla, Thái Lan.

Camp de Réfugiés Songkhla, Thaïlande.

ソンクラキャンプ (タイ)

2- MÃ LAI A.

Tính đến ngày 20-10-77 có 12 địa điểm tạm trú rải rác dọc bờ biển. Mỗi nơi được thành hình do từ 2, 3 chiếc thuyền của những đồng bào tị nạn tập vô bờ, vì hết nhiên liệu và thực phẩm hoặc đã kiệt lực vì cuộc hành trình gian truân, hoặc bị xua đuổi ra khơi khi thuyền của họ hướng đến các đô thị lớn như Tân Gia Ba, Vọng Các. Đồng bào tị nạn quay trở lại những làng nhỏ của Mã Lai ở ven vịnh Thái Lan rồi phá hỏng máy hay làm thủng thuyền để khỏi bị đuổi đi lần nữa. Tại những nơi này, cảnh sát địa phương được phái đến để canh chừng họ và không cho đồng bào đi ra khỏi khu vực giới hạn. Tình trạng sống tại các nơi này thật bi đát. Họ sống ngay trên những con thuyền tập đại vào bờ những căn chòi nhỏ lợp lá hoặc căng bạt để che nắng dụt mưa. Vì phải chờ đợi được định cư lâu ngày nên tình trạng thật là thảm thương, neo nhọc. Sự lạnh nhạt của chính quyền địa phương đối với cảnh thế thảm của người tị nạn sẽ gây xúc động cả thế giới bên ngoài. Vì không ai được phép chụp hình, nên thế giới đã không mấy ai hay biết được cảnh thường tâm trong các trại tị nạn. Dân địa phương tương đối tốt nhưng cũng không dám lai vãng đến khu vực dân tị nạn ở. Cả 2 trại ở Kuantan đều bị cô lập bởi những vòng thép gai, ngoài ra việc nhận và gửi thư từ cũng bị giới hạn.

Người tị nạn ở Mã Lai được phủ Cao Ủy tị nạn Liên Hiệp Quốc trợ giúp qua Hội Hồng Thập Tự Mã Lai một ngân khoản để mua thực phẩm hàng ngày khoảng 0.3 Mỹ kim. Đời sống hết sức cơ cực vì khó khăn lắm mới xoay sở nổi với số trợ cấp ít ỏi này. Việc viếng thăm dân tị nạn bị hạn chế tối đa, chỉ dành cho các nhà truyền giáo đến làm lễ và nhân viên các tòa Đại Sứ đến làm thủ tục định cư tị nạn tại một nước thứ ba.

Sau ngày 15-10-77 tất cả dân tị nạn ở rải rác ven bờ biển của tiểu bang Johore được chính



Life in camp on island Tanjung Pinang, Indonesia.

Hình ảnh trong trại tị nạn trên đảo Tanjung Pinang, Nam Dương.

Vie en camp à l'île Tanjung Pinang, Indonésie.

タンジュン・ピナンでのキャンプ生活 (インドネシア)

phủ Mã Lai tập trung tại 1 đảo nhỏ ngoài khơi cách bờ biển Mersing chừng 10 cây số. Tính đến tháng 2-78 có 4500 người trong các trại tị nạn tại Mã Lai A. Riêng trong tháng 1-1978 mặc dầu đang là mùa bão tố nhưng đã có 1361 người đến Mã Lai trên các ghe đánh cá đầy người.

3- TÂN GIA BA.

Các tàu cứu người tị nạn thường ghé qua Tân Gia Ba và yêu cầu được lên bờ. Tại Tân Gia Ba có hai địa điểm tạm cư cho người tị nạn. Kể từ 30-4-75 đến nay đã có tất cả 456 người đến tá túc tại Tân Gia Ba.

TRUNG TÂM YMCA TẠI KATONG :

Kể từ 30-4-1975 tính đến ngày 20-9-1977, có 107 người ở tại đây, tất cả do các tàu ngoại quốc vớt ngoài khơi đem vào. Các tàu này phải cam kết sẽ nhận những người tị nạn nếu không có một nước nào khác nhận họ. Chủ tàu thường phải đóng thế chân 4000 Mỹ kim cho mỗi đầu người. Họ được phép tạm trú tại đây trong vòng 3 tháng để làm thủ tục định cư đi nước khác. Hết thời hạn này, họ sẽ phải đi về nước mà chiếc tàu đã cứu họ.

Trong thời gian này họ được cấp 1 Mỹ Kim một ngày của Cao Ủy Tị Nạn LHQ. Dân tị nạn được phép đi lại tự do tại khu vực cư ngụ.

TẠI KHU BẾN TÀU :

Số người tị nạn thay đổi luôn, chẳng hạn như hồi tháng 9-1977 có 36 người. Họ sống trên chiếc thuyền của họ đi từ Việt Nam sang. Trong thời gian họ sống ở đây, họ bị canh sát canh chừng rất gắt gao, mỗi ngày canh sát đến điểm danh từ 2 đến 3 lần và bị cấm không được rời thuyền lên bờ. Có một nhóm cập bến từ sau khi Việt Nam sụp đổ đã phải sống như thế gần 3 năm. Nhờ sự vận động tích cực của người địa phương họ đã được chính phủ Tân Gia Ba cho phép đi đánh cá và mang về bán tại đây.

Tại Tân Gia Ba không ngăn cản việc viếng thăm những người tị nạn.

4- NAM DƯƠNG.

Có 3 trại tạm cư cho người tị nạn. Một ở Jakarta, dành cho những người đã được chấp thuận định cư tại một nước thứ ba. Họ chỉ ở đây trong một thời gian ngắn chờ khởi hành. Hai nơi khác được thành lập trên đảo tại Tanjung Pinang. Tại đây, người tị nạn sống trong nhà kho của một hãng tàu. Trợ cấp của LHQ cho họ được chuyển qua chính phủ địa phương và hãng tàu cung cấp tư nhân. Số trợ cấp khoảng 0.3 Mỹ kim một ngày cho mỗi đầu người. Những người tị nạn được phép đi lại tự do và sự thăm viếng trại tị nạn dễ dàng và được hoan nghênh nữa. Đời sống tại những nơi này hoàn toàn để chịu hồn những trại tị nạn khác tại Đông Nam Á.

5- PHI LUẬT TÂN.

Mặc dầu ngăn cách Việt Nam với 1500 cây số đường biển sâu, nhiều người đã liều mình và cập bến tại đây rất nhiều. Kể từ khi Cộng sản chiếm trọn miền Nam, hàng ngàn người đã dùng các chiếc thuyền dài không quá 10 mét, ngang 2 mét băng đại dương đến thẳng Phi Luật Tân. Chắc hẳn đã có nhiều chiếc tàu vỡ tan và nằm sâu tận đáy biển. Cho đến cuối năm 1977, trên 2000 người đã đến Phi. Trong mùa bão táp vào tháng 1-78, 55 người đã đến đây. Có hai trại tị nạn chứa người chờ được định cư. Đời sống trong các trại tị nạn này thì tương đối được tươm tất. Hiện có chừng 700 người hiện tạm trú tại Phi Luật Tân.

II- CÁC NỖ LỰC GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN BẰNG THUYỀN.

Thế giới đều hay biết có hàng ngàn người tị nạn Đông Dương vượt biển ra đi trên chiếc thuyền mong manh, bằng thùng phi kết lại và gần như tất cả thứ gì có thể nổi và trôi đi được. Dĩ nhiên còn có bao nhiêu người đang lênh đênh trên biển khơi Á Châu. Khi quý vị đọc cuốn sách này, họ bị bỏ ngỏ bởi hàng chục chiếc tàu, một số không ít đã "yên giấc ngàn thu" dưới đáy biển sâu. Đời sống của "người tị nạn bằng thuyền" ở các nước Á Châu, nơi họ được phép lên bờ thường là vô cùng khốn đốn. Nỗ lực đầu tiên cứu giúp họ được thực thi bởi Hội đồng Á Châu về Tôn Giáo và Hòa Bình vào tháng 11-1976. Trong tuyên ngôn của Ủy Ban Hòa Bình, An Sinh và Nhân quyền tại Á Châu có viết :

"Hội viên của Ủy Ban bày tỏ nỗi đầy nổi lo lắng sâu xa đến số phận những người tị nạn Đông Dương còn đang lênh đênh trên biển Nam Hải, lương thực đã cạn mà không được nước nào tiếp nhận. Nhân Hội Đồng Á Châu về Tôn giáo và Hòa bình họp tại Tân Gia Ba, đây là một cơ hội lớn lao cho chúng ta phụng sự nhân loại và hòa bình nếu Hội Đồng Á Châu về Tôn Giáo và Hòa Bình tìm đủ mọi cách giúp đỡ dân tị nạn lênh đênh ngoài biển khơi, cũng như các dân tị nạn khác, như tại Trung Đông, một hình thái đau thương nhất về sự vi phạm Nhân-Quyền".

Sau đó, chương trình "Boat People", yểm trợ bởi Hội Đồng thế giới về Tôn Giáo và Hòa Bình và Hội Đồng Á Châu được thực hiện với 2 chiếc tàu LEAPDAL và ROLAND để vớt người ngoài biển khơi Nam Hải. Tuy nhiên chương trình này không thành công bởi nhiều người và cả các chính phủ nữa. Tại một số nước, chính

phủ địa phương từ chối không cho dân tị nạn từ những chiếc thuyền này lên bờ. Chương trình bị đình chỉ vì nhiều lý do cũng như thiếu ngân khoản trầm trọng. Với sự hợp tác và hiểu biết về các khó khăn của thành phần liên hệ, có lẽ nó phải thành công. Tuy nhiên, chương trình đã thất bại vì áp lực từ mọi phía.

III- CÁC KHÓ KHĂN TRONG VẤN ĐỀ NGƯỜI TỊ NẠN BẰNG THUYỀN.

Gần đây, chính sách của một vài chính phủ đối với dân tị nạn bằng thuyền tại Đông Nam Á đã lên đến độ xua đuổi họ. Thuyền bè bị cấm lên bờ và bị kéo ra ngoài biển. Nếu đã cập bến, họ bị cảnh sát bao vây và đuổi ra khơi trở lại. Họ bị hăm dọa bằng họng súng nếu cứ quay trở lại. Thường thì người tị nạn trực chỉ Úc nơi mà còn có vẻ vui lòng tiếp nhận người tị nạn.

Cuối năm 1977, Chính Phủ Thái ra lệnh xua đuổi những thuyền tị nạn ra biển khơi, thì may thay chính phủ Mã Lai đã cho phép những người tị nạn không được giúp đỡ—những nhân chứng sống của Tự Do—lên bờ tạm trú. Do quyết định này, số người đến trong cuối năm 1977 và đầu năm 1978 đã tăng lên tới 8335 người so với 1080 người của năm 1976.

Thủy lộ sát biên giới Miên-Thái là cửa ngõ kinh hoàng, nơi mà người tị nạn bị giết, hãm hiếp và cướp bóc bởi bọn hải tặc hoạt động công khai. Tại Leamsing, 80% dân tị nạn đã bị chặn cướp tất cả của cải. Chính quyền địa phương tuy biết rõ các việc này nhưng vẫn làm ngơ.

Chính phủ Tân Gia Ba bắt buộc các hãng tàu cứu dân tị nạn phải đóng một số tiền bảo đảm khoảng 4000 Mỹ kim cũng như phải cam kết nhận trách nhiệm định cư dân tị nạn ở nước khác. Việc này đã gây cho các hãng tàu nhiều khó khăn và do đó họ sẽ không chịu vớt dân tị nạn. Tại sao không có chương trình ân thưởng các thuyền trưởng đã cứu dân tị nạn trên biển cả ? Hay là chúng ta cố tình để mặc luật hàng hải bị lãng quên trong thảm kịch "người tị nạn bằng thuyền" đã và đang còn tiếp diễn ?

Nhật bản đã thi hành một chính sách quá khắt khe đối với dân tị nạn Việt Nam. Tuy nhiên, họ đã khéo léo che đậy sự lãnh đạm này hơn các quốc gia khác ở Á Châu. Mới đây, có tin nói là chính phủ Nhật đã chỉ thị các hãng tàu thưởng đi lại trong vùng biển Đông Nam Á đừng cứu vớt dân tị nạn vì điều này sẽ cản trở chính sách ngoại giao của chính phủ đối với nhà cầm quyền hiện tại ở Việt Nam. Các viên chức chính phủ Nhật đã phủ nhận nguồn tin này.

東南アジアにおける ボートピープルの実情

インドシナ戦争は3年前に終わったが、月に何千もの人々は自由、宗教、政治などの理由で祖国から逃げてきている。世界各国の新聞は彼らのことを取り上げており、彼らを“ボート・ピープル”と名づけた。しかし、彼らの実生活と将来にふれ、考慮する新聞はあまりにも少ないのである。数ヶ月の取材をもとにして彼ら“ボート・ピープル”の実状を世界世論に訴えたいと思う。

ある新聞記者が書いたように、ベトナムの“ボート・ピープル”は、現代の世界で最も悲惨なできごとである。小舟でやっと隣国の海岸に漂着した彼らは、海に追い返されるか、財産を奪われ、迫害された後、陰気な収容所に入れられるかの運命に直面する。船上生活をさせられている人々も多く、彼らの第三国への定住確率は非常に低いのである。

Ⅰ. 東南アジアにおける難民収容所

1. タイ国

タイではインドシナ難民が10万人以上居る。最も多いのはラオス人で、次にカンボジア人とベトナム人である。約3,500人のベトナム難民はほとんどが“ボート・ピープル”である。彼らは三つの大きな収容所に入れられている。

一、レムシング、チャンタブリ、タイの東南方面、カンボジア国境に近い所にある。1,365人の難民はせまい場所に詰め込まれている。収容所は海、山と林に囲まれている。難民の住いは木の葉と布で作られた質素な小屋である。収容所の中には井戸が掘られているが飲料水に使えないので毎日外から限られた水が配給されている。多くの家族は一年間以上ここに住んでもまだ第三国へ行く許可がおりないのである。

二、シキョ・ナクシラッチャシマ

バンコクの東北300キロメートルにあり、1,000人のベトナム難民が居る。彼らのほとんどはベトナム中部からラオスを通してタイに入った人々と、ラオスに定住したが新政権成立後逃げてきた人たちである。この収容所の出入りは非常に困難である。

三、ソククラ

タイの南にあり、1,204人（昭和52年10月20日現在）を収容している。他の所と同様に、難民は針金に囲まれ、小さな竹小屋とテントの中で生活している。

バンコクでは550人の難民を収容できる2つの難民センターがある。彼らは第三国への定住の手続きを終え、ここで2～3週間待機している。その間は国連が援助してくれるので比較的恵まれた生活をしている。

一般に、タイでの難民生活は1日1人当たり20セントしかもらえないので非常に苦しいのである。その上、タイの役人の横領にいじめられている。難民は外出が禁止されている。一般人の出入りも厳禁されているがワイロ次第で入れる。

昭和53年2月28日現在、2,000人のボート・ピープルがタイに滞在している。しかし、昭和52年10月25日、ソククラで船上生活をしていた約800人の難民が地方当局によって海に追い出されたのである。

2. マレーシア

海岸に燃料がなくなり無断上陸した難民や、シンガポールやバンコクに追い出されて疲れきって上陸した難民の収容所が12ヶ所も点在している。警察が監視のために送られてきた。難民は制限された区

域以外は出られないのである。このような場所での生活は悲惨である。彼らの住む場所は、陸に上げられた舟の中であったり、厚い布で張られたテントであったり、木陰での小さな竹小屋であったりする。一年以上ここに住んでいる人もいて、収容所は混とんとし、人間の住む場所とは思えない程である。ここでの写真撮影は禁止されている。なぜならば、ここの悲惨さと政府の冷たさを国際世論に知らせないためである。現地の住民は比較的親切だが収容所に近づけないので助けようがない。

クアンタンにある難民収容所はもっとも監視が厳しいと見られる。ここにある二つの収容所は針金で完全に囲まれている。難民は国連機関からマレーシア赤十字を通して1日1人当り30セント(約70円)をもらっているが、この金ではまともな生活はできないのである。難民は原則的に手紙の送受を許されていない。その上、収容所に入れるのは宣教師と定住手続を行なうためにやってくる第三国関係者だけという最大の制限が敷かれている。

昭和52年10月15日、ジョホール州に居る難民はメルシングから10カイリ離れたブラウテンガという小さな島に集結させられた。

昭和53年2月現在、4,500人の難民がマレーシアに滞在している(昭和53年1月のタイフーン季節だけで1,361人が漂着したのである)。

3. シンガポール

難民を助けた商船はほとんどここで難民の上陸を政府に求めている。ここには2つの難民収容所がある。

一、Y・M・C・Aーカトングセンター。

ここの難民のほとんどは外国船に救助され、連れてこられた人々である。彼らがシンガポールに上陸し、第三国への定住を待つため3ヶ月滞在することに対して、商船はシンガポール政府に1人当り4,000USドルの保障金を払わなければならない。3ヶ月後、第三国に行けない人は助けた船の属した国が受け入れねばならない。

ここの難民生活は比較的恵まれている。一日の生活費一人当り1ドルを国連機関から受けている

ので彼らは生活には困らない。難民は他の場所に比べてかなり自由に往来できる。

二、フィッシングボート地区、カンカー、シンガポール28。

現在、36人の難民がここに住んでいる。彼らはベトナム脱出に使った船で寝起きしている。ここに漂着した当初、彼らはきびしく監視されていた。1日2、3回点呼が行なわれ、上陸は許されなかった。あるグループは昭和50年4月にここに到着してからこの生活を3年近く過した。昭和52年4月ごろ、住民の積極的な働きかけのおかげで、彼らは漁に出て、シンガポールの市場で魚を売ることが許された。

住民は難民に自由に逢いに來ることが出来る。昭和50年4月30日以降、456人の難民がここに來た。

4. インドネシア

三つの収容所がある。

一つは首都ジャカルタにあり、第三国への定住が許可され、出発を待つ人々が収容されている。残りの二つはタンユング・ピナングにあり、ある船の会社の倉庫が提供されている。政府を通して難民の手に入った国連の補助金は1日1人当り30セントにもかかわらずこの生活は比較的楽である。出入りは自由だし、難民の外出も許されている。



- Waiting for a new house from this rotten warehouse. (Indonesia).
- Sống tạm trong căn nhà kho cũ, tại đảo Tanjung Pinang, Nam Dương
- Vie provisoire dans une hutte ruinée, en attendant une maison neuve ailleurs.
- 倉庫で、いつの日かわからぬ出発を待つ人々

5. フィリピン

ベトナムから約830カイリ程離れているフィリピンにも多くのベトナムボート・ピープルが長さ10メートルのイカダで漂着したのである。昭和52年暮まで、2,000人がフィリピンに到着した。昭和53年1月だけで55人が嵐の中を生き抜いてここに着いた。彼らは2つの収容所に入れられている。ここのキャンプ生活は比較的に良いものである。現在、約700人がフィリピンに一時滞在している。

II. ボート・ピープルに対する諸援助と努力

世論は、インドシナ難民が荒海と戦った末に、東南アジア諸国にある収容所で苦しい生活をしていることを知っている。彼らを救助して安全な国まで大きな船で連れていくという「漂流難民救済事業」が初めて行なわれたのはシンガポールで、昭和51年11月30日から開催された世界宗教者平和会議アジア大会の決議によるものであった。この会議の報告書の中で次の事が述べられている。「インドシナ難民の救済に関して本部会参加者は、ほとんど食糧の補給も底をついた状態で、南シナ海上を漂流するインドシナ地域からの難民たちが、受け入れてくれる国もないままに捨ておかれているというその運命に対して深く憂慮するものである。アジア宗教者平和会議がシンガポールで開かれていることにかんがみ、この会議が、人権侵害の最もいまわしいかたちの一つと考えられるこれらの漂流難民に対して、あらゆる援助の可能性をたずね求めるならば、それは人類と平和に奉仕する誠に時宜をえたわざとなるであろう。」

この事業ではローランド号とリープダル号の2隻の大きな船で難民を救助していた。残念ながら、この事業は6ヶ月活動後、一時中止せざるをえなくなった。その理由は予算不足の他に、難民の受け入れを拒否するという消極的な対策を取っている各国の政府による障害であった。

インドシナ諸国の報復を恐れたり、経済的利益を優先させたりする各国は、宗教や政治などの理由で祖国から脱出した人々を無視したり、排斥し

たりしている。「ボート・ピープル」に対する責任はある国だけが負うのではなく、世界各国の責任と思われる。経済的に恵まれながら難民を救助しないことは人権尊重を阻むのに等しいと思われる。人類の永久の平和と完全な幸福のために、アメリカ及び世界各国はもっと手を広げてボート・ピープルを受け入れるべきだと思う。

III. ボート・ピープルの困難

最近、ボート・ピープルに対して、東南アジア各国の政府は閉門、拒絶の対策を取っている。難民ボートはこれらの国の海岸に近づけなくなってしまう。海岸に着いてもすぐ警察に包囲され、海に追放されてしまう。そして再び戻ってくると射殺すると脅かされる。出航を拒否し、舟を壊した人々は一時的に拘留され舟が修理されたらすぐ追い出される。それで普通、彼らは歓迎してくれるオーストラリアへ向って危険な旅を続ける。

なお、昭和52年以来、タイは難民ボートを受け入れなくなったが幸いにマレーシア政府は難民の一時滞在に寛容になっている。昭和53年1月31日現在、ボート・ピープルは1,080(昨年まで)人から8,335人に増加している。その他に、次のような危険も彼らを待っている。

一、タイ海岸の近くに潜んでいる海賊に略奪や強姦されレムシングでは80%の難民ボートが全財産を奪われた。地方当局はこのことを知りながら野放しにしている。

一、シンガポール政府の4,000ドル保障金の要求によって、商船は難民を助けるのを避けるようになった。

絶望した難民を救助した船長に利益をもたらすような企画はできないだろうか。でなければ、「ボート・ピープル」の存在が続く限り、航海条約は無視されるであろう。

一、日本政府は現在仕方なく難民の一時滞在を許可している。ある消息筋によると、政府に面倒をかけないため、日本商船は難民を救助しないという口命を受けたのである。経済大国でありながら、日本はまだ一人のボート・ピープルにさえ定住を許さないのである。

BOAT PEOPLE STATISTICS (from May 1975 to March 1978).

**BẢNG THỐNG KÊ VỀ DÂN VƯỢT NẠN BẰNG THUYỀN
(từ tháng 5-1975 đến tháng 3-1978).**

STATISTIQUES DES REFUGIÉS EN BARQUES (du Mai 1975 au Mars 1978).

ボート・ピープル追跡調査表 (1975年5月より1978年3月まで)

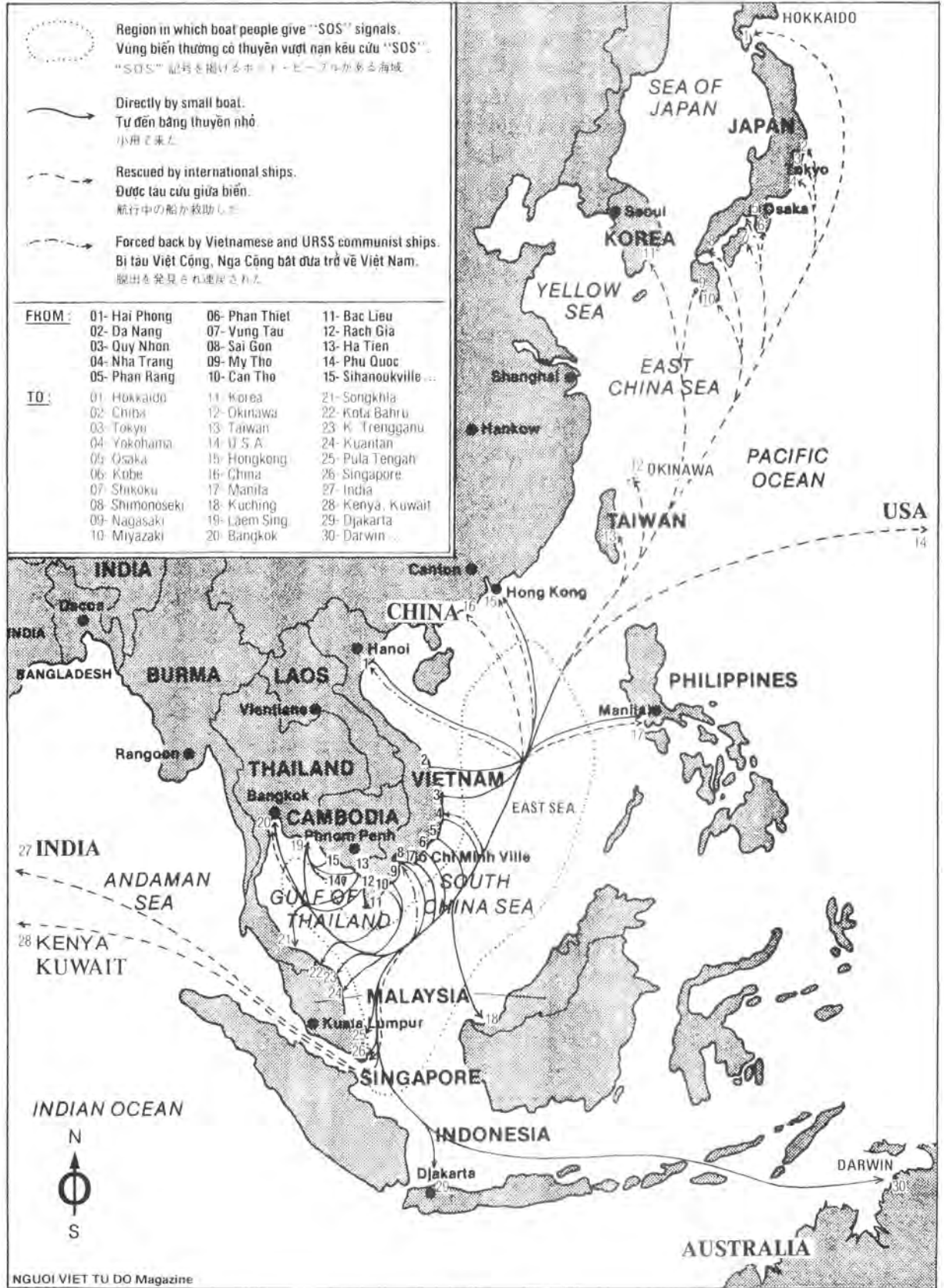
COUNTRY QUỐC GIA PAYS 国名	ARRIVALS			ACCEPTED			Resettled in a 3th country Định cư ở nước thứ 3 Retablis dans un tiers pays 第三国に定住	Awaiting resettlement Chờ được định cư En attente d'un établissement 一時滞在
	Directly by small boat Tự đến bằng thuyền nhỏ Arrivés sur leurs barques 小舟	Rescued on the high seas Được vớt ngoài biển Repêchés sur mer 救助船	Total Tổng cộng đã đến Total arrivés 合計 到着人数	Resettled after arrival Được ở lại định cư Retablis après arrivée 定住を認可 された人	From other country Nhân từ nước khác A partir d'un autre pays 他国から定住 を認可された人	Total Tổng cộng đã nhận Total 合計 受け入れ人数		
01- Argentina	0	4	4	0	0	0	0	4
02- Australia	1035	0	1035	1035	3402	4437	0	0
03- Austria	0	0	0	0	22	22	0	0
04- Belgium	0	0	0	0	46	46	0	0
05- Brunei	49	0	49	0	0	0	49	0
06- Canada	0	0	0	0	340	340	0	0
07- China	6	5	11	0	0	0	0	11
08- Denmark	0	0	0	0	52	52	0	0
09- France	0	0	0	0	1584	1584	0	0
10- Germany	0	0	0	0	189	189	0	0
11- Greece	0	35	35	0	0	0	13	22
12- Hongkong	0	1264	1264	28	0	28	896	368
13- India	0	92	92	0	0	0	0	92
14- Indonesia	926	0	926	0	0	0	658	268
15- Israel	0	66	66	66	0	66	0	0
16- Italy	0	6	6	0	0	0	6	0
17- Ivory Coast	0	5	5	0	0	0	3	2
18- Japan	113	1085	1198	0	0	0	828	370
19- Korea	0	206	206	0	0	0	158	48
20- Kuwait	0	1	1	0	0	0	1	0
21- Macau	25	0	25	0	0	0	7	18
22- Malaysia	9282	0	9282	0	0	0	4792	4490
23- Netherland	0	0	0	0	109	109	0	0
24- New Zealand	0	0	0	0	414	414	0	0
25- Norway	0	0	0	0	139	139	0	0
26- Paraguay	0	0	0	0	31	31	0	0
27- Philippines	1992	0	1992	0	0	0	1298	694
28- Reunion Is.	0	2	2	0	0	0	2	0
29- Saudi Arabia	0	13	13	0	0	0	13	0
30- Singapore	0	521	521	0	0	0	423	98
31- Spain	0	1	1	0	0	0	1	0
32- Switzerland	0	0	0	0	119	119	0	0
33- Taiwan	0	0	0	0	6	6	0	0
34- Thailand	7518	0	7518	0	0	0	5680	1838
35- U. K.	0	0	0	0	133	133	0	0
36- U. S. A.	0	15	15	15	7815	7830	0	0
TOTAL	20946	3321	24267	1144	14401	15545	14828	8323

NGUOI VIET TU DO Magazine

MAIN ROUTES OF BOAT PEOPLE IN THE SOUTH EAST ASIAN REGION
CÁC LỘ TRÌNH CỦA DÂN VƯỢT NẠN BẰNG THUYỀN TRONG VÙNG ĐÔNG NAM Á
東南アジア海域のボート・ピープルの主なルート。

-  Region in which boat people give "SOS" signals.
Vùng biển thường có thuyền vượt nạn kêu cứu "SOS".
"SOS" 記号を掲げるボート・ピープルが多い海域
-  Directly by small boat.
Tự đến bằng thuyền nhỏ
小舟で来た
-  Rescued by international ships.
Được tàu cứu giữa biển.
航行中の船が救助した
-  Forced back by Vietnamese and URSS communist ships.
Bị tàu Việt Cộng, Nga Cộng bắt đưa trở về Việt Nam.
艇出发見られ運戻された

FROM:	01- Hai Phong	06- Phan Thiet	11- Bac Lieu
	02- Da Nang	07- Vung Tau	12- Rach Gia
	03- Quy Nhon	08- Sai Gon	13- Ha Tien
	04- Nha Trang	09- My Tho	14- Phu Quoc
	05- Phan Rang	10- Can Tho	15- Sihanoukville ...
TO:	01- Hokkaido	11- Korea	21- Songkhla
	02- Chiba	12- Okinawa	22- Kota Bahru
	03- Tokyo	13- Taiwan	23- K. Trengganu
	04- Yokohama	14- U.S.A.	24- Kuantan
	05- Osaka	15- Hongkong	25- Pula Tengah
	06- Kobe	16- China	26- Singapore
	07- Shikoku	17- Manifa	27- India
	08- Shimonoseki	18- Kuching	28- Kenya, Kuwait
	09- Nagasaki	19- Laem Sing	29- Djakarta
	10- Miyazaki	20- Bangkok	30- Darwin ...



World opinion on BOAT PEOPLE

This article was compiled by some leading international newspapers and magazines from informations of their own sources toward the Boat People's problem.

The following news and opinions could

show partially the true pictures of Boat People; however, the positive spirit and good will of writers did awake many concerned authorities to change their policies and action affirmatively based on Human Rights and Freedom Loving.

The following quotes from several articles listed will answer some questions often asked. "Is the present government of Vietnam a communist one?". From the Far Eastern Economic Review [December 16, 1977]:

"We don't want to drive our compatriots abroad," said Hoang Tung. "We wish all our compatriots to remain in our country to build a new life. But there is always a section of our people who leave the country, who don't want communism."

He hastily added that communism was still far away and that what was happening now was just the overthrow of an order. "We are going to change the lifestyle, but that is not communism."

*

Those who meet the Vietnamese "Boat-People" find them, for the most part, to be a most friendly, industrious and loveable people. Over half the numbers who have survived the seas are children.

"Why then the reluctance of others to grant them asylum?". The reason is from within the countries rather than any serious objection to the Vietnamese people. Says the Strait Times of Singapore [November 30, 1977]:

"There appears to be no end in sight to the exodus of Vietnamese refugees from their home country two and a half years after the Vietnam war was ended. Indeed it increased in March this year when thousands of them began to flee their country in small fishing craft, and the flow has continued since. This has given rise to a veritable floating population of some 7,000 dubbed the "boat people" of Vietnam. Virtually prisoners of their boat, they have subsisted for months under the most miserable con-

ditions in open vessels while awaiting a decision on their fate. As with refugee problems anywhere else, it is a monumental humanitarian problem that cries out for humane treatment.

The recent refugee arrivals in the north coast of Australia, uninvited and worse, unknown to the authorities—nine boatloads with 317 refugees have arrived in the past week — have sparked off outcries from some sectors of the population for a greater surveillance of the country's isolated north and north western coasts and steps to stem the inflow of illegal boat landings amidst fear that an "armada" of Vietnamese refugees are on their way to Australia. This plus the the latest arrival of 177 refugees on board what is believed to be a hi-jacked Vietnamese trawler promises to be a hot political potato for the Fraser Government on the eve of the Australian election. Controversy over the arrival of the refugees has already prompted against the "illegal entrants." The strong negative attitude towards the refugees is doubtless directly linked with the current economic conditions where unemployment is the main Australian worry. A government's first responsibility is clearly to its people. The crux of the matter, however, is whether the government of the day will show compassion and accept a fair quota of Vietnam's "boat people" while assuring the Australian public that additional refugees could be admitted without too great an economic price."

*

"Boat People" who survive the seas are believed to be less than half of the number who flee. Resettlement is all in Western nations and Australia. "Why are Asians in

need totally ignored by Asian neighbors ?” The most affluent nation in Asia, Japan has set the pattern by her refusal to assume international responsibility for any one but Japanese. Writer Tokyo Chief Andrew Malcolm of the New York Times :

“..... interviews with Government officials and refugee workers here reveal that Japan has decided not to change its policy toward these so-called “boat people.” They will still be forbidden to settle permanently. And before freighter captains can bring in refugees they have picked up at sea, they will still be required to obtain a written guarantee from their home Government assuming responsibility for resettling the refugees elsewhere.

Japanese ships arriving with refugees are required to get the guarantee from the United Nations commission....

This nation’s policies have drawn increasingly bitter comments from relief workers here who see the stand of Japan, Asia’s most affluent nation, as setting a standard of what is acceptable for other Asian lands.

Despite a reported crackdown by the Vietnamese Government, a new flow of boat people is expected next month as the Pacific’s seasonal storms subside. No exact figures are possible, but experts here estimate that because of the weather and the refusal of some captains to pick up refugees, only half the refugees who flee by boat survive.”

DỰ LUẬN BÁO CHÍ THẾ GIỚI VỀ TỊ NẠN

Thế giới đã nhắc đến những người tị nạn bằng thuyền với nhiều quan niệm khác nhau, phần ảnh phần nào các khó khăn hay bối rối mà các quốc gia phải gánh chịu trong vấn đề tị nạn.

Các báo tử New York Times, Washington Post, Time, Newsweek, Far Eastern Economic Review, The Times, Asia Week, Mainichi, Asahi, Yomiuri, Sankei, Japan Times, Le Monde... đã mô tả thảm trạng của người tị nạn bằng thuyền bị đuổi ra khơi dưới họng súng, chờ đợi trong tuyệt vọng tại các “trại” trong vùng Đông Nam Á.

Tờ Times của Anh Quốc, Yomiuri của Nhật đã nêu ra việc vi phạm điều ước quốc tế về hàng hải Bruxelles khi biết bao nhiêu thuyền từ chối không chịu vớt người tị nạn. Những trường hợp người tị nạn được vớt cho biết, tàu vớt họ là chiếc thứ 18 hay chiếc thứ 24..., những chiếc trước đó đã lâm nguy trước những lời kêu cứu hoặc dấu hiệu SOS.

Dự luận còn mạnh mẽ cho rằng việc cứu và nhận tị nạn không thể được coi là hành động thù nghịch với các chính quyền hiện tại ở Đông Dương. Tờ Times còn nhắc đến vài trường hợp tàu Trung Cộng vớt người tị nạn. Tờ Mainichi (Nhật Bản) cũng nói đến việc có chỉ thị của

chính phủ đến các hãng tàu Nhật qua lại vùng biển Đông Nam Á không nên cứu vớt người tị nạn đang lênh đênh ngoài khơi như làm ngơ khi thấy người tị nạn, tắt đèn trên tàu, dấu quốc hiệu và tên tàu...

Sự tiêu cực hay miễn cưỡng giúp đỡ người tị nạn đối với người tị nạn bằng thuyền của một vài quốc gia giàu có tại Á Châu đã bị kết án là hành vi vô luân và phi nhân đạo của những người chỉ biết hành động vì động lực quyền lợi ích kỷ. Dự luận thế giới cũng cho rằng viện dẫn các lý do nước chật, đông dân, thất nghiệp nhiều... để không nhận hay không giúp người tị nạn là điều không thể chấp nhận được.

Tất cả mọi người đều nhìn nhận vấn đề tị nạn bằng (thuyền ngày nay đã trở thành một thảm kịch và vấn đề nan giải lớn trong thế kỷ 20 này.

Với lương chức thông tin, các báo chí trên thế giới kêu gọi lương tâm nhân loại và các chính phủ liên hệ giải quyết mau chóng vấn đề người tị nạn Đông Dương. Đây là một thử thách lớn lao cho lý tưởng Tự Do, Dân Chủ mà nhân loại đang theo đuổi. Lý tưởng này sẽ được soi sáng một lần nữa hay bị quên lãng vì quyền lợi ích kỷ trước mắt.

Vấn đề này hoàn toàn nằm ở mỗi chúng ta. □

The Japan Times Sunday, March 19, 1978



THE WASHINGTON MERRY-GO-ROUND

Will the U.S. Welcome Indochina's Refugees?

By JACK ANDERSON

WASHINGTON — "Give me your tired, your poor, your huddled masses yearning to breathe free," proclaims the lady who stands, with torch thrust proudly skyward, on Liberty Island in New York harbor.

And they have come by the thousands. Jews from Hitler's Germany; Hungarian Freedom Fighters who fought Russian tanks in Budapest; Cubans who opposed Castro.

Now, the nation's willingness to open its arms to the world's homeless is about to be tested again. At this moment, the Carter Administration is trying to hammer out a comprehensive policy on refugees. But the President's advisers are hung up over what to do about the thousands of refugees who have fled Indochina since the Communists took over Laos, Vietnam and Cambodia.

The United States has already approved, on an emergency basis, the admission of 172,000 Indochinese refugees into this country since Saigon fell in April 1975. But thousands upon thousands more are crammed like sardines into squalid camps in Thailand, Malaysia and elsewhere.

Their only route out of the limbo in which they are trapped appears to be emigration to other nations. But no country has been willing to step forward and accept them.

In preparation for testimony before Congress, the Immigration and Naturalization Service recently sent investigator Michael Harpold to Southeast Asia on a fact-finding mission. He has compiled a compelling eye-witness account of the trials the "boat people" have

undergone in their flights to freedom.

Harpold and his boss, INS Commissioner Leonel Castillo, told our reporter Doug Southerland they have been waiting since Jan. 24 to make public the account. Meanwhile, we have obtained a copy of the document.

In Songkla, Thailand, Harpold spoke to a group of Vietnamese refugees who had fled in a 34-foot fishing boat. "Aboard it were 13 men, five women and 16 children," wrote the investigator. "Most were sick because they had been reduced to drinking sea water. Many of the children, in particular, were ill. The boat's engine was not working. They had only 20 kilos of rice left, about enough for one day."

The night before they arrived in Thailand, the refugees were intercepted by Thai pirates who robbed them of watches and jewelry. Had they been turned away from Thailand, the refugees said, they had intended to sail on to Australia, some 3,000 nautical miles away.

Three refugee boats which arrived at Trengenu, Malaysia, Harpold found, were told to ride at anchor at the mouth of a nearby river. "During the night, a storm came up and one of the boats broke anchor and capsized. There were 21 refugees aboard. Fifteen of them drowned and only six were able to swim to shore. We found that drownings and piracy are the most frequent hazards the boat people face."

While in Singapore, Harpold heard of a boat carrying 27 Vietnamese refugees which had been rescued by a tanker. He hopped a ride with a pirate

and sped to the location, about 120 miles east of the Vietnamese coast.

"We found the Italian crew joyfully feeding spaghetti to the 13 children, four adult females and 10 males," reported Harpold. "Originally, they had planned that only the one family group of 12 would go, but 15 other neighbors who knew about the plot simply came along. . . ."

"Using a compass, the same as used by our foot soldiers in World War II, and a political map showing only Vietnam, they set a course. . . and headed out for 'any country out of Vietnam.'"

The escapees from communism, and the thousands yet to come, Harpold concluded, are truly facing a "life and death situation." And their ultimate fate, he wrote, is in the hands of the U.S. If the American people open their arms to these homeless fugitives from oppression, other governments would probably cooperate.

"We should adopt and announce as policy," he urged, "our willingness to accept and resettle refugees rescued by vessels at sea and those who arrive by boat on the shores of those countries bordering the South China Sea. Only by doing so can we ensure that masters of commercial vessels and the governments of Malaysia, Thailand and Singapore will treat the boat people humanely."

Footnote: Only four Immigration and Naturalization Service officers have been assigned to the vast Indonesian archipelago to deal with the swelling refugee problem. (UFS)

Death, terror in flight from Vietnam

TOKYO — Nguyen Yen Linh is a 22-year-old Vietnamese refugee who went through three months of secret escape operations to come here.

Another and a sister at sea after more than 20 ships refused to rescue them. For another nine months of gnawing uncertainty, Miss Nguyen waited here, and a Japanese official said she might be returned to communist North Vietnam.

But now, despite over 20 months of waiting, she is free to leave for a new life in a foreign place.

One by One, Doors Shut on Refugees

As the World Turns a Deaf Ear to Vietnam Escapees

SINGAPORE (Kyodo-Reuters) — As the doors close against them in one country after another in Southeast Asia, more and more Vietnamese refugees are making their way to the United States.

66 Vietnamese Arrive in Israel

TEL AVIV (UPI) — Sixty Vietnamese refugees arrived in Israel today, the first group to be accepted since the country's new refugee policy was announced.

Easing Refugee Policy Being Studied

WASHINGTON (UPI) — The United States government is studying ways to ease its refugee policy, according to a report from the State Department.

Why Vietnam Refugees Find Japan a Wayside

By EDUARDO LACRUZA. Spread in THE ASIAN WALL STREET JOURNAL. TOKYO — Vietnam's so-called boat people have found Japan a wayside on their road to freedom.

Gov't May Start Granting Asylum to Vietnam Refugees

By ANDREW H. MALCOLM. TOKYO (AP) — The Japanese government may soon start granting asylum to Vietnamese refugees, according to a report from the State Department.

Last batch of Viet refugees for island camp

KOTA BARU, Sun. — The last batch of 150 Vietnamese refugees at the temporary camp in Kemuning, Penang, left for an island camp near here today.

Since the refugee's life is so inhuman

By Anthony Spaeth. WASHINGTON (UPI) — Since the refugee's life is so inhuman, it is time to consider a new approach to the problem of Vietnamese refugees.

Hijacked refugee boat heads for troubled waters

JAKARTA, Mon. — A hijacked refugee boat has left Indonesia for Australia with 150 captives and a crew of 12.

VIET REFUGEES NOW A PAIN IN THE NECK

By NEIL DIBBS. Darwin. Citizens were worried about the dangers of disease, unemployment and the danger of being sent to the Subic Bay.

27 Refugees Seek Asylum in Japan

NAHA — A group of 27 Vietnamese refugees arrived in Naha, Okinawa aboard a small fishing boat Sunday and sought asylum in Japan, local police reported.

Japan Decides to Keep Its Curbs on Vietnamese Refugees

By ANDREW H. MALCOLM. TOKYO (AP) — Japan has decided to keep its strict curbs on Vietnamese refugees, according to a report from the State Department.

Gov't May Start Granting Asylum to Vietnam Refugees

By ANDREW H. MALCOLM. TOKYO (AP) — The Japanese government may soon start granting asylum to Vietnamese refugees, according to a report from the State Department.

Last batch of Viet refugees for island camp

KOTA BARU, Sun. — The last batch of 150 Vietnamese refugees at the temporary camp in Kemuning, Penang, left for an island camp near here today.

Since the refugee's life is so inhuman

By Anthony Spaeth. WASHINGTON (UPI) — Since the refugee's life is so inhuman, it is time to consider a new approach to the problem of Vietnamese refugees.

Waiting for a Place to Call Home, Vietnamese Refugees Are Still Fleeing

MISSIONER for Relief of UNHCR, the Japan Red Cross and other organizations have been offering to accept Vietnamese refugees in their countries.

And Vietnamese Refugees Are Still Fleeing

By HENRY KAMM. PHNOM PENH, Cambodia. — A group of 27 Vietnamese refugees arrived in Naha, Okinawa aboard a small fishing boat Sunday and sought asylum in Japan.

Japan Decides to Keep Its Curbs on Vietnamese Refugees

By ANDREW H. MALCOLM. TOKYO (AP) — Japan has decided to keep its strict curbs on Vietnamese refugees, according to a report from the State Department.

Gov't May Start Granting Asylum to Vietnam Refugees

By ANDREW H. MALCOLM. TOKYO (AP) — The Japanese government may soon start granting asylum to Vietnamese refugees, according to a report from the State Department.

Last batch of Viet refugees for island camp

KOTA BARU, Sun. — The last batch of 150 Vietnamese refugees at the temporary camp in Kemuning, Penang, left for an island camp near here today.

Since the refugee's life is so inhuman

By Anthony Spaeth. WASHINGTON (UPI) — Since the refugee's life is so inhuman, it is time to consider a new approach to the problem of Vietnamese refugees.

RETURN ALL SONG B REFUGEES TO US

By [Name]. WASHINGTON (UPI) — The United States government is demanding that South Vietnam return all Song B refugees to the United States.

Aussie 'no' to Hanoi's demand

SYDNEY, Wednesday. — Australia has refused Hanoi's demand to return all Song B refugees to North Vietnam.

Gov't May Start Granting Asylum to Vietnam Refugees

By ANDREW H. MALCOLM. TOKYO (AP) — The Japanese government may soon start granting asylum to Vietnamese refugees, according to a report from the State Department.

Last batch of Viet refugees for island camp

KOTA BARU, Sun. — The last batch of 150 Vietnamese refugees at the temporary camp in Kemuning, Penang, left for an island camp near here today.

Since the refugee's life is so inhuman

By Anthony Spaeth. WASHINGTON (UPI) — Since the refugee's life is so inhuman, it is time to consider a new approach to the problem of Vietnamese refugees.

RETURN ALL SONG B REFUGEES TO US

By [Name]. WASHINGTON (UPI) — The United States government is demanding that South Vietnam return all Song B refugees to the United States.

PARTIAL LIST OF NEWSPAPERS AND MAGAZINES WITH THEIR ARTICLES

DEDICATED TO BOAT PEOPLE :

TIME :

- 04-05-1978, "The dilemma : To return is death".
04-07-1978, "Refugees : Seeking safe harbor".

NEWSWEEK :

- 02-20-1978, "We are doing our share" by Patricia Derian.

INTERNATIONAL HERALD TRIBUNE :

- 02-18-1976, "Thailand bars illegal refugees from Indochina".
12-20-1977, "Nishimachi students collect clothing since the refugee's life is so inhuman" by Anthony Spaeth.

JAPAN TIMES :

- 6-13-1977, "Viet Refugees Risk For Freedom, But Often Find Something else" by James Abrams.
07-04-1977, "Vietnamese continue to attempt risky voyages on boats to freedom".
10-23-1977, "Vietnamese boat people may not be here in 1978" by Kathryn Tolbert.
11-20-1977, "Waiting for a place to call home" by Keisuke Okada.
11-30-1977, "One by one, doors shut on refugees" by Granville Watts.
03-19-1978, "Will the U.S. welcome Indochina's Refugees?" by Jack Anderson.

NEW YORK TIMES :

- 06-08-1977, "Vietnamese escapees wait, as world turns a deaf ear" by Henry Kamm.
01-22-1978, "...And Vietnamese refugees are still fleeing" by Henry Kamm.
03-15-1978, "Japan decides to keep its curbs on Vietnamese" by Andrew H. Malcolm
04-24-1978, "The road from Vietnam to New York city is a lonely one" by Andrew H. Malcolm.

WASHINGTON POST :

- 1977, "Japan reluctantly takes refugees, Provides few amenities" by William Chapman.

NEW NATION [SINGAPORE] :

- 11-07-1977, "18 boatloads of refugees turned away".

NGUOI VIET TU DO MAGAZINE :

- Số 29, tháng 9-1977, "Hội nghị về luật pháp Quốc Tế lên án việc bỏ rơi người tỵ nạn trên biển". (Hội Nghị về luật pháp Quốc Tế lần thứ 8 tại Manila).
Số 30, tháng 10-1977, "Vấn đề người tỵ nạn CSVN đã trở thành một vấn đề quốc tế". (Tổng thư ký LHQ Waldheim).
Số 33, tháng 01-1978, "Sau sắc lệnh khắc nghiệt của chính phủ Thái, hàng ngàn đồng bào tỵ nạn đã bỏ thân trên biển cả". (Tin Tức NVTD).
Số 34, tháng 02-1978, "Tổ quốc chúng tôi đã bị cưỡng đoạt, chúng tôi trốn CS chứ không bỏ tổ quốc". (Bác sĩ Nguyễn Văn Tạng).

FAR EASTERN ECONOMIC REVIEW :

- 12-16-1977, "Slow boat to nowhere" by Peter Weintraub.

THE STRAITS TIMES [SINGAPORE] :

- 11-24-1977, "Boat People seek a home"
11-29-1977, "Viet Refugees now a pain in the neck" by Neil Dibbs.

NEW STRAITS TIMES [MALAYSIA] :

- 01-14-1978, "Six Viet refugees drown off the East Coast".
12-08-1977, "Refugees warned : Don't come without go ahead".

THE ASIAN WALL STREET JOURNAL [HONG KONG] :

- 02-03-1978, "Vietnamese refugees find Japan a wayside on road to freedom" by Edvardo Lachica.

YOMIURI SHIMBUN :

- 10-22-1977, "Vietnamese refugees can stay in Japan only temporarily".

ASAHI EVENING NEWS :

- 11-14-1977, "Sword of alien culture pointed at Japan" (1).
11-15-1977, "Reasons for refusing settlement" (2).
11-16-1977, "Government attitude is still cold" (3); (1), (2), (3) by Shigekatsu Toba.
11-18-1977, "Changing the Japanese People's Heart" by Keisuke Sasahara.
12-01-1978, "I will die ! I will die !".

難民に関する世論

言論
彙
彙
彙

ベトナムは終わってない!

November 09, 1976 THE YOMIURI SHIMBUN



日本上陸を前に救助船内で事情を聞かれる難民たち
(さる8月、ユナイテッド・エンタープライズ号内で)

さまざま小舟の難民

SOSも無視

政治の波今も

常時一千人

何隻も沈んだ

引き取り迷惑

日本は滞在だけ

北緯のカタラガツ湖に船着きの難民は、肉づつ海や水が来ず海にはいり、ベトナム難民が船中千人に達する。上陸は、別荘に生かされたが、間に合っていない。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。

「救助はモラル」と国際制度
国際的に海難救助の制度が統一されては、一九〇二年とされている。海難救助に際しては、人命救助は、法律上の義務である。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。

一帯は、西側の船が寄港せず、難民を乗せざるを得ない。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。

「救助はモラル」と国際制度
国際的に海難救助の制度が統一されては、一九〇二年とされている。海難救助に際しては、人命救助は、法律上の義務である。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。

政治の波今も
「救助はモラル」と国際制度
国際的に海難救助の制度が統一されては、一九〇二年とされている。海難救助に際しては、人命救助は、法律上の義務である。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。船中をめぐると、男、女、老若、病弱者、死んでしまっている。

祖国脱出はなぜか

昨の朝、天安門と云ふもの... (Text continues with commentary on political movements)

正論

この点では、かねて以前問題に... (Text continues with commentary on international relations)

早大客員教授

武藤 光朗

受入れは経済大国の責任

ベトナム 民 難

研究例としてあげられるのが... (Text discusses the economic and social challenges of Vietnam)

定住を認めぬ日本

かつて、二十一年前、... (Text discusses Japanese immigration policies)

自由不感症が亡国へ

「米まかせ」虫が良過ぎる



ミン・ハン、キョー... (Text continues with commentary on international relations)

自由不感症が亡国へ... (Text discusses the concept of 'freedom indifference')

国際的な白眼視も... (Text discusses international perceptions)

打工人のインテリゲンチヤ... (Text discusses the role of intellectuals and workers)

だが、もし日本政府... (Text discusses Japanese government policies)

自由の証人を大事に... (Text discusses the importance of freedom)

自由の証人を大事に... (Text continues with commentary on freedom)

漂流
ベトナム難民
救済

30隻がベトナム難民を救済
23隻が来港
23隻が来港通り

記者の目



徳岡 孝夫
(編集委員)

海の男は悩

漂流で子供5人は餓死

ベトナム難民定住認め

政府方針 日米会談前に決断

ベトナム難民の中に

現職の国会議員

千葉へ一時収容

漁船居座り難民上陸

素足の55人、23日

問われる日本人の心

定住への道なぜ開かぬ



人権 昭和51年(1976年)

身元引き受け「条件

難民定住の道

政府方針

悪夢「殺到で混乱

「人道」だけで片付かない

数万人脱出の機会待つ

救助の日本船「困った

430人、施設は満員

2年近くの法の保護もなく
一時滞りも

世界の声

最終移住地
への仮の宿

途方に暮れるベトナム難民

期待と未練残して
放置できない
ベトナム難民

孤軍奮闘

ベトナム難民救済

ベトナム難民救うな

ベトナム難民に、燃えるレンズ

日本に現在300人滞在

広がれベトナム難民救済の輪

難民救済 ジレンマ日本

A PRAYER FOR LAND

lost in the tempests
out on the open seas
our small boats drift
we seek for land
during endless days and endless nights

we are the foam
floating on the vast ocean
we are the dust
wandering in endless space
our cries are lost
in the howling wind

without food, without water,
our children lie exhausted
until they cry no more

we thirst for land
but are turned back from every shore
our distress signals rise and rise again
but the passing ships do not stop
how many boats have perished
how many families lie beneath the waves

Lord Jesus, do you hear the prayer of our flesh ?
Lord Buddha, do you hear our voice ?
O fellow humans, do you hear our voice
from the abyss of death ?
o solid shore
we long for you !

We pray for Mankind to be present today !
We pray for Land to stretch its arms to us !
We pray that Hope be given us
TODAY, from this very Land !

THE SLAYING OF "THR-8602"

11 Vietnamese including three children fled their native land from Binh Tuy on the night of April 8, 1977. Their 16 metered lumbering junk, the THR-8602 was refused a haven by Government officials in Thailand and also Malaysia. Singapore was their last port of hope. But Singapore Police ordered them out of the harbor, and towed them back to sea when they refused.

Back came the lumbering junk on the incoming

tide. This time, Police aboard their PX-19 on the night of April 16 pulled the creaking hulk out into the deep, the eleven on bended knees pleading for life. The junk fell apart because of the speed and the pounding. Calmly the Police returned to Singapore, the eleven struggling to tie themselves to heavy timber and each other. In this way they drifted into Malaysia where they await resettlement in the United States.

LỜI NGUYỆN CẦU TÌM ĐẤT SỐNG

lênh đênh ngoài sóng gió
thuyền nhỏ giữa đại dương
quyết tâm tìm đất sống
đổi lạnh bao ngày đường
chúng tôi là bọt biển
trôi giạt giữa mênh mông
chúng tôi là hạt bụi
trong không gian vô cùng
tiếng chúng tôi lạc mất
trong gió rít từng không
trên thuyền không nước uống
trên thuyền hết thức ăn
con chúng tôi kiệt sức
khóc rã và lịm dần
chúng tôi khao khát Đất
nhưng chẳng được tới gần
mặc sức mà kêu cứu
tàu bè vẫn dừng đứng
bao nhiêu thuyền đã lật
vì sóng gió bất thần
bao nhiêu là mạng sống
đã chìm lòng đại dương
chúa Ki Tô có nghe
lời nguyện cầu rướm máu ?
Phật Quan âm có nghe
lời kêu cứu không ngừng
loài người ơi có nghe
tiếng gọi từ hố thẳm ?
đất liền ơi có biết
tâm sự này hay không ?
Xin loài người có mặt !
Xin đất liền giang tay !
Cho chúng tôi tìm thấy
HY VỌNG trên đất này !

THẨM NẠN CỦA CHIẾC THUYỀN "THR-8602"

Đêm 8-4-1977, 11 người Việt Nam, trong số có 3 trẻ con, đã vượt biển từ Bình Tuy. Chiếc thuyền gỗ mang số THR-8602 dài 16m, đã bị chính quyền Thái và Mã Lai từ chối không cho cập bến tị nạn. Hải cảng Singapore là hy vọng cuối cùng của họ. Nhưng cảnh sát Singapore đã ra lệnh bắt họ rời hải cảng và khi họ từ chối không nghe lệnh này, cảnh sát đã dùng tàu kéo thuyền họ ra tận biển khơi.

Chiếc thuyền gỗ lại một lần nữa phải lênh đênh giữa sóng gió đại dương. Đêm 16-4, họ lại cố men vào bờ và lần này chiếc tàu tuần của cảnh sát Singapore mang số PX-19 đã kéo chiếc thuyền gỗ cũ kỹ lung lay

này ra vùng biển xa. 11 người trên thuyền đã quỳ lạy xin cứu mạng sống của họ. Vì bị kéo đi với tốc độ quá nhanh và bị nhiều va chạm, chiếc thuyền cũ đã vỡ tung thành nhiều mảnh. Cảnh sát đã lạnh lùng nhấn tâm bả mìn họ để trở về Singapore. 11 người đã quờ quạng trong đêm tối, cố bám lấy một mảnh gỗ lớn. Họ đã cột chặt vào nhau trên mảnh gỗ mong manh để khỏi bị sóng đánh chìm vào lòng đại dương. Với tình trạng đó, họ đã trôi dạt vào bờ biển Mã Lai. Hiện nay, họ đang ở tại đảo P.Tengah Mã Lai chờ ngày được đi định trú tại một nước thứ ba.

PRIÈRES POUR UNE TERRE DE SURVIE

Flottant à la dérive
contre les houles
parmi les tempêtes,
notre petite barque
En vain, cherche une terre
depuis de longs jours et des nuits sans fin...

Une écume nous sommes
portée dans l'immensité
un grain de sable nous sommes
emporté dans l'infini,
notre voix se perd
dans le sifflement du vent...

Sur la barque, plus d'eau
plus de nourriture
nos enfants à bout de force
pleurent, et s'éteignent...

Nous désirons TERRE
encore très loin,
a nos signaux de détresse
passent des bateaux indifférents !
Tant de barques renversées
des tempêtes cruelles,
tant de vies laissées
au coeur de l'océan.

O Christ, as-Tu écouté
Des prières saignantes ?
O Bouddha, as-Tu entendu
des cris de secours déchirants ?
O Humanité, as-Tu oui
des hurlements venant de l'abîme ?
O Terre, connais-Tu
cette confiance douloureuse ?..

Humain, sois présent
Terre, ouvres tes bras
montrez-nous qu'il existe
encore de l'espoir sur ce monde !

LA "THR-8602" EN DÉTRESSE

La nuit du 8 Avril 1977, 11 Vietnamiens, parmi eux 3 enfants, fuyaient loin de leur patrie partant de Binh Tuy (Viet Nam). La THR-8602, une barque pas plus longue que 16m, s'est vu refusée par les autorités Thaïlandaises et Malaisiennes de se constituer réfugiée. Le port de Singapour restait donc leur dernier espoir. Pourtant la Police leur ordonnait de lever l'ancre et lorsqu'ils refusaient d'exécuter cet ordre, la police de Singapour faisait remorquer leur barque et la jettait au large.

Encore une fois leur vieille petite barque était à la merci des tempêtes. Par la nuit du 16 Avril, ils tentaient de s'approcher de la terre. Et cette fois-ci, un bateau de patrouille de la police de Singapour portant le No. PX-19 tirait encore leur

"cercueil ambulante" vers la haute mer. Les 11 personnes présentes s'agenouillaient pour supplier de leur porter secours, mais en vain... Rémorquée de force à une vitesse trop grande, la barque s'est brisée. Devant cette tragique circonstance, ne portant pas secours aux naufragés, la police froidement regagnait le port de Singapour. Les 11 personnes tâtonnaient dans la nuit et heureusement arrivaient à s'accrocher à une des plus grandes planches des débris. Ils devaient s'attacher avec des cordes à ce morceau de bois afin de ne pas couler...C'était dans cet état qu'ils flottaient jusqu'au territoire Malais. A présent, ils se réfugiaient dans l'île P.Tengah en Malaisie, en attendant le jour où ils puissent s'établir dans un tiers pays.

上陸の祈り

嵐に迷い
大海のまっただ中
わが小舟は漂流する
陸地を求めて
限りなく昼も夜も

われらは
広海に浮かぶ泡
限りない宇宙にさまようちり
怒号する風の中に
嘆きはかき消える

食べるものもなく 水もない
子供たちは疲れ果て
もう泣くこともできない

上を踏みしめたい
けれども どの浜からも追い返される
悲しみの合図はどんどん高くなる
が 船は前を通り過ぎていく
一体どれだけの小舟が海に沈んだろう
どれだけの家族が波の間に消えていったらう

キリストよ あなたに
われらの苦しい祈りが聞こえるだろうか
仏陀よ あなたは
われらの叫びに耳を傾けてくれるだろうか
おお兄弟よ 君たちに
死の深淵からのわれらの声が聞こえるだろうか
おおたかくな大地よ おまえにあこがれる

現代に人間が在ってくれるよう
われらは祈る
大地がその手を
差し伸べてくれるよう
われらは祈る

この大地から
希望がわれらに与えられることを！
われらは祈る

“THR-8602”での苦難

1977年4月8日夜、3人の子供を含む11人のベトナム人がビン・トイから祖国を脱出した。長さ16mの本製平板帆船、THR-8602は、タイの政府役人からもマレーシアからも、避難地を拒否された。シンガポールが、彼らの最後の希望の港であった。だが、シンガポール警察は彼らに港から出るよう命令し、彼らが拒むと引き船で海まで連れ戻した。

本製平板帆船は、再び満ち潮に乗って来た。警察は、

4月16日夜、今夜は、P-19で、さしる老朽船をさらに遠くへと引っばった。11人はひきますいて、自らの生命のために嘆願した。平板帆船は、スピードと衝撃のためにばらばらに壊れた。だが警察は、冷やかにシンガポールに戻っていった。11人はもがきながら、大きな木片につかまり、互いを結びつけあった。彼らは、こうしたままマレーシアまで漂流した。彼らは、今マレーシアで、合衆国への再定住を待っている。

PLEA OF BOAT PEOPLE

WE, today's "untouchables" of Asia, half members on the bottom of the sea,

HOLOCAUSTED, the world has yet to know.

But on we come, like waves and tides, out from the land we love, in a new **EXODUS**.

GOD CALLED, to hold high up the torch of freedom. Our souls are His, we 'll yield them to no foe.

ASIAN NEIGHBORS, our fight for liberty is also yours. And yet you pinned us down in beach corrals and hovels, the decks of junks and rafts the only land you'd let us walk.

Pig-pens you so reluctantly provided, are to your shame, forbid to visitors to see.

SEA CAPTAINS of the world, you oathed to rescue those in peril yet yielded to command or whim, reluctantly ?

"Full speed ahead", an executioner's cold-blooded order. Again you'll have to choose between your oath and oath-breaking orders.

Blacks flags of death fly on the ship you pilot, if you pass by the junks and boats of refugees.

THE RISING SUN, it's leaders' icy hospitality, harassed the ships that dared to pick us up, "dumped" temporary asylum upon the charities...

PEOPLE of the **RISING SUN**, rise up ! Undo the blot your leaders laid on you

THE WEST, how great you loom within our hearts, as thousands found a home within your freedom's walls. You'll not regret the freedom faith that is our salt, as to you we'll pledge our loyalty.

PEOPLE OF THE WORLD, hear our cries ! **Boat People untouchables - holocausted - dumped - but a power to any nation who receives us.**

Kéo thuyền bạn chết máy vượt thoát !



Bao nhiêu chiếc đã chìm sâu dưới đáy biển ?



Nhiều tháng chờ đợi trên những con thuyền cứu tinh !



LỜI KÊU GỌI CỦA DÂN VƯỢT NẠN BẰNG THUYỀN

- ✦ Thế giới chưa biết đến thảm nạn của chúng tôi, những kẻ khốn cùng của thế kỷ. Mà đã quá nửa bị vùi sâu trong lòng biển.
- ✦ Vượt biển ! Vượt biển ! Chúng tôi tiến lên, những lớp sóng triền miên vượt ra khỏi mảnh đất hiền ! Nơi tình thương đã bao đời gắn bó.
- ✦ Không hãi sợ trước gian nguy, Quyết không phụ lòng trời, Giơ cao đuốc tự do Hết sức mình khơi sáng.
- ✦ Hỡi các bạn láng giềng Á Châu đáng mến ! Chiến đấu vì tự do chúng ta cùng chiến tuyến sao các bạn làm ngơ bỏ chúng tôi bơ vơ lê gót chân lên cầu tàu gãy nhọc nhằn sợ hãi trong túp lều lụp sụp, không một ai đến thăm vì đã có lệnh cấm. Ôi xấu hổ ! Thật xấu hổ cho tấm tiếng bạn.
- ✦ Hỡi các vị thuyền trưởng đáng kính ! nhớ chăng lời thề cứu người lâm nạn, sao các vị làm ngơ thờ ơ hay cố ý ? bỏ mặc chúng tôi chìm. Tàn nhẫn ! Sao nỡ quên lời thề ? Mà nhắm mắt nghe lệnh. Các thuyền trưởng đáng kính ! Tàu không cứu chúng tôi, sẽ mang màu chết chóc.
- ✦ Hỡi các bạn Tây Phương ! lớn lao đường nào rộng rãi là bao. Nhà tự do cho hàng ngàn chúng tôi, xây dựng cuộc đời mới chúng tôi không bao giờ ngừng, các bạn cũng đừng ngừng. Vì, Tự Do của bạn, và Tự Do của chúng tôi trọn cuộc đời nhớ mãi.
- ✦ Hỡi con cháu Thái Dương thần nữ ! Đầy uy quyền và tiền của Hãy đứng dậy yêu cầu, các nhà lãnh đạo vô tâm làm khó dễ tàu bè. Hãy cứu vớt chúng tôi vì nhân đạo.
- ✦ Hỡi các dân tộc trên thế giới ! vì lương tâm nhân loại Hãy nghe tiếng kêu chúng tôi "Người vượt biển, dân vượt nạn bằng thuyền, bị bạc đãi, bị bỏ rơi, sống trong thảm hại". Nhưng ai nhận chúng tôi Phước đức thật muôn vàn !

Thuyền cập dọc bãi Songkhla, Thái; nhưng sẽ phải đi ...



Được neo tạm tại Laemsing, Thái Lan.



6 tháng chờ đợi, dựng tạm chòi trú nắng mưa (S.Rengit)



APPEL DU PEUPLE EN BARQUE

NOUS, misérables d'Asie dont la moitié était déjà engloutie au fond de l'océan,

DES HOLOCAUSTES que le monde aujourd'hui a encore à découvrir.

Par les vagues et les marées, nous nous enfuyons loin de notre terre bien aimée, un nouvel Exode...

A DIEU loué et glorifié, afin de tenir haut la torche de Liberté.

A NOS VOISINS, nos alliés d'hier encore, Notre lutte pour la Liberté est aussi la vôtre,

Et aujourd'hui vous nous clouez sur votre plage, dans vos camps barbelés ou dans les huttes ruinées...

Des barques nous aidant à chercher la liberté deviennent notre prison.

Vous nous accordez un abri de "nid de cochon" et de honte, vous y interdisez toute visite.

AUX CAPITAINS des bateaux au monde, comment pouvez-vous oublier votre sermon solennel de porter secours aux bateaux en détresse?

'En avant, toute !...', l'ordre du bourreau à sang froid.

Encore vous aurez à choisir entre votre conscience et l'ordre sans pitié...

A tout jamais flottera un drapeau en deuil sur votre bateau, si vous fermez les yeux au passage des barques en détresse.

AU PAYS DU SOLEIL LEVANT, champion de l'hospitalité glaciale, qui harasse ses bateaux osant nous sauver, et qui nous chasse d'une façon ou d'une autre. Et cela, malgré ses promesses faites et les règles de charité.

Peuple du Soleil Levant, levez-vous ! Effacez toute trace honteuse que vos dirigeants sans coeur ont laissée sur vous.

AUX PAYS OCCIDENTAUX, Vous paraissez encore plus puissants avec nos coeurs, et pour reconstruire notre maison nous avons besoin de vos murs de liberté.

AUX PEUPLES DU MONDE, Ecoutez nos cris ! **Les réfugiés en barque sont vraiment un holocauste du 20e siècle. Bénis à ceux qui nous reçoivent.**

Tạm trú tại Mersing Kechil, Mã Lai.



Ban vũ nhạc "dã chiến" tại đảo P. Tengah, Mã Lai.



Những nụ cười tự do... P. Tengah.



ボート・ピープルの嘆願

われら、ただ今アジアの“不触せん民”、多くは海底に沈み、いけにえの道たどれど、世界の民はいまだ知らず。

だがわれら、波、潮のごとく、いとしき祖国を離れ来たれり。これぞ今様の出国記。

神召さる、自由のかがり火高くかかげよと。わが魂^{たましひ}は神のもの。敵に服すことなし。

アジア諸国の友よ、わが闘いはなんじらの闘い。だがなんじら、われらを浜のさく、小屋、帆船のデッキ、いかだにとじ込める。歩ける土地はここのみ。

不承不承にくれたブタ小屋は恥ずべきも、来訪者の目から避けさせる。

世界の船長たちよ、なんじら危機にひんする者を救うと誓いしも、不本意にも気まぐれの命令に従うのか。

“全速疾走”、死刑執行人の冷血な命令。再びなんじは誓いと誓いを破る命令とのほさまに選択を余儀なくす。

もし難民の帆船、ボートのそばをすぎ去るなら、なんじの船には黒き死の旗がはためこう。

日出づる国の指導者のひややかな扱いによって、あえてわれらを救いし船びとは悩み、お慈悲によって、仮の避難所に“荷を下す”。

日出づる国の民よ、起きよ！ なんじの指導者がもたらしたよごれをぬぐいたまえ。

西なる国の民よ、なんじの自由なる壁の内側に、何千もの人々家を見出し、われらの心に偉大な姿とうつつる。

われらなんじらに忠誠を誓う。われらの塩なる自由への信念になんじら悔いることなし。

世界の民よ、われらの叫びを聞きたまえ、小舟にただよう不触せん民はおぼれ大量死しようとも、われらを迎える国はいずことも力となり得ることを。

Điện kiến T.T. Mãn Giác, Đ.Đ. Minh Hạnh (Mersing).



Sinh hoạt ban đại diện trại tị nạn Đảo P. Tengah, Mã Lai.



3 bộ đội trên tàu Sông Bé-12.



PARTICIPATING ORGANIZATIONS :

CÁC ĐOÀN THỂ HIỆP LỰC :

ORGANISATIONS PARTICIPANTS :

協力団体

- Caritas Japan
- Free Viet Organization [Tổ Chức Người Việt Tự Do]
- Japan-Vietnam People Association [Hiệp Hội Giao Lưu Việt-Nhật]
- Japanese Catholic Council for Justice and Peace
- Overseas Vietnamese Buddhist Association in Japan
- Socio-Economic Life in Asia Committee
- United States Catholic Conference
- Vietnamese Students and Residents Association of Liège, Belgium
- Vietnamese Students and Residents Association in Italia
- Vietnamese Students Association of Toulouse, France

* With deep gratitude to the many organizations and persons *
* whose help and dedication have made possible this book. *

* Asian Relations Center, *
* Socio-Economic Institute, Sophia Univ. *
* Tokyo, Japan. *

* **Editing Staff** Ando Isamu S.J.
 編集人 Martin Clarke OFM, Cap.
 Lê Văn Hùng
 Maekawa Makoto
 Nguyễn Xuân Nam
 Trần Thị Tùng Nguyễn
 Viễn Du.

* **Publisher** **Ando Isamu S.J.**
 発行人

* **Published by** Asian Relations Center,
 発行所 Socio-Economic Institute, Sophia University,
 4 Yonbancho Chiyoda-ku Tokyo - 102 Japan

発売所 〒160 東京都新宿区四谷1-2
 中央出版社
 電話(営業) 03-359-0451

印刷所 〒164 東京都中野区上高田-48-8
 大隆社
 電話 03-389-8191

The arranged price :	USA \$5.00	Canada \$5.50	Australia \$4.50	Europe Frs F. 25	Japan 1000¥
Postage :	USA \$1.00	Canada \$1.50	Australia \$1.50	Europe Frs F. 10	Japan 300¥
Total price per copy :	USA \$6.00	Canada \$7.00	Australia \$6.00	Europe Frs F. 35	Japan 1300¥

* The pictures of this book are copyrighted by Asian Relations Center Sophia University, and must not be reproduced or used for any purpose without written permission from Asian Relations Center.

* Đối với cộng đồng người Việt tự do tại hải ngoại, chúng tôi đã xin phép để chúng ta được trích đăng lại bài viết và hình ảnh trong đặc tập Boat People này, chỉ cần ghi rõ xuất xứ: (Boat People, Asian Relations Center, Sophia Univ., Tokyo, Japan).

ドキュメンタリー

ボートピープル

見捨てられた人々



Published by : Asian Relations Center, Socio-Economic Institute,
Sophia University, Tokyo, Japan.

発行所 上智大学社会経済研究所アジア関係研究室

0036-610024-4627 (中央出版社)

定価 ¥1,000